

## ***Quyển 31***

### **Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA**

#### **Phần 3 của DU GIÀ XỨ - Thứ 2**

#### ***Quán duyên khởi:***

Sao gọi là hành giả siêng tu quán duyên khởi, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về duyên khởi của tánh duyên tăng thượng, vì lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, chân chánh rõ biết các pháp như vậy như vậy sanh nên mỗi mỗi các pháp kia sanh, các pháp như vậy như vậy diệt nên mỗi mỗi các pháp kia diệt. Trong đây, tất cả đều không có người làm, người sanh, người hóa và năng tự do tự tại tạo các pháp, cũng không tự tánh sĩ phu, người trung gian năng chuyển biến, chuyển biến các pháp. Nếu năng rõ biết tất cả nghĩa như vậy, gọi là tâm tư nghĩa của các duyên khởi.

Lại tư trạch sâu mười hai chi hữu hoặc trong, hoặc ngoài mà phát khởi thắng giải. Đây gọi là tâm tư các sự của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Hết thủy chi vô minh, tiền tế không biết, hậu tế không biết”. Như vậy nếu nói rộng nên biết đã phân biệt ở trước trong chi duyên khởi. Đây gọi là tầm tư tự tướng của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Tất cả các hành duyên sanh như vậy đều không gì chẳng là xưa không nay có, có rồi tan diệt, cho nên trước sau đều là vô thường. Lại tánh nó vô thường, vì đều có pháp sanh, lão, bệnh, tử. Tánh nó là khổ, vì chẳng được tự tại. Tánh không, vô ngã, vì người trung gian, sĩ phu không thể có được”. Đây gọi là tầm tư cộng tướng của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Nếu ta ở nơi đạo lý như thật các hành vô thường, khổ, không, vô ngã kia mà phát sanh ngu mê nghi hoặc, liền là điên đảo, nhiếp thuộc phẩm hắc, nói rộng như trước. Nếu chẳng ngu mê nghi hoặc, liền không điên đảo, nhiếp thuộc phẩm bạch, nói rộng như trước”. Đây gọi là tầm tư các phẩm của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Ở đời quá khứ, tự thể có được, tánh không thật thường, đã tồn tại như vậy. Ở đời hiện tại, tự thể có được, tánh không thật thường, đang tồn tại như vậy. Ở đời vị lai, tự thể có

được, tánh không thật thường, sẽ tồn tại như vậy”. Đây gọi là tâm tư các thời của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Chỉ có các nghiệp và quả dị thực, trong đó *chủ thể* đều không thể có được. Chỗ gọi là người làm và người thọ chỉ có ở nơi pháp do giả tưởng kiến lập mà phát khởi. Đó là ở trong vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử, phát khởi giả tưởng thiết lập nên ngôn luận, gọi là người làm cùng với người thọ, có tên như thế, có chủng như thế, có tánh như thế, ăn uống như thế, lãnh thọ hoặc khổ hoặc vui như thế, trường thọ như thế, sống lâu như thế, ngần mé thọ lượng tận cùng như thế. Lại ở trong đây có hai chủng quả và hai chủng nhân. Hai chủng quả: 1. Quả tự thể; 2. Quả thọ dụng cảnh giới. Hai chủng nhân: 1. Nhân dẫn dắt; 2. Nhân sanh khởi.

Quả tự thể: đó là ở đời hiện tại, các pháp sáu xứ... các dị thực sanh.

Quả thọ dụng cảnh giới: đó là các thọ từ sáu xúc sanh ra do nghiệp ái, phi ái tăng thượng phát khởi.

Nhân dẫn dắt: đối với hai quả trên phát khởi ngu si. Bởi ngu si làm tiền dẫn nên phát khởi

hành phước, phi phước và bất động. Hành năng nhiếp thọ các thức của hậu hữu, khiến sanh hữu nấy mầm. Đó là vì năng nhiếp thọ chủng tử thức, khiến kia triển chuyển nhiếp thọ chủng tử danh sắc, chủng tử sáu xứ, chủng tử xúc, thọ của hậu hữu. Vì khiến chi *sanh* ở đương lai, thức, danh sắc, lục xứ, xúc thọ thứ lớp sanh nhiếp thuộc tướng, nay trước nhiếp thọ chủng tử của pháp kia. Hết thấy như thế gọi là nhân dẫn dắt.

Nhân sanh khởi: nếu lúc lãnh thọ những cảm thọ do các vô minh xúc sanh khởi, do ái cảnh giới, ái sanh hậu hữu và sở hữu các thủ năng nhiếp thọ phẩm ái, phẩm si; tức do thế lực đây, do công năng đây, nên chủng tử nghiệp được thấm nhuần, khiến kia năng cho các quả dị thực. Hết thấy như thế gọi là nhân sanh khởi.

Do lực tăng thượng của hai nhân đây, liền bị sự đuổi theo của ba khổ, chiêu tập tất cả uẩn khổ thuần là khổ lớn”.

Như vậy gọi là nương quán đãi đạo lý, tầm tư sở hữu đạo lý của duyên khởi.

Lại tư trạch sâu: “Ở trong quán duyên khởi của tánh duyên, nếu khéo tu, khéo tập, khéo tu tập

nhiều, năng đoạn trừ được ngu si”.

Lại tư trạch sâu: “Đạo lý như vậy, có chí giáo lượng, có hiện chứng bên trong, có pháp tỷ độ, cũng có nghĩa pháp tánh thành lập”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý để tâm tư sở hữu đạo lý của duyên khởi.

Đây gọi là hành giả siêng tu quán duyên khởi, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

### ***Quán giới:***

Sao gọi là hành giả siêng tu quán giới sai biệt, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về giới sai biệt tăng thượng, vì lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, năng chánh hiểu rõ tất cả nghĩa giới: nghĩa chủng tánh, nghĩa chủng tử, nghĩa nhân và nghĩa tánh. Như vậy gọi là tâm tư nghĩa của giới.

Lại chánh tâm tư nội, ngoại của sáu giới sai khác như địa... mà phát khởi thắng giải. Như vậy gọi là tâm tư sự của giới.

Lại chánh tâm tư tướng của đất cứng chắc, cho đến tướng của gió dao động nhẹ nhàng, tướng của thức phân biệt rõ ràng, tướng của không giới

là rỗng không, tướng sắc biến khắp, tướng không chướng ngại nhau. Đây gọi là tầm tư tự tướng của các giới.

Lại chánh tầm tư tất cả giới đây nói tóm lại đều là vô thường cho đến vô ngã. Đây gọi là tầm tư cộng tướng của các giới.

Lại chánh tầm tư: “Người ở nơi một tướng hòa hợp của nhiều tánh giới sai khác như vậy, mà không rõ biết là chỉ do giới sai biệt hòa hợp thành thân này, lại phát khởi cao mạn, liền là điên đảo, nhiếp thuộc phẩm hắc, nói rộng như trước. Trái với tướng trên, liền không điên đảo, nhiếp thuộc phẩm bạch, nói rộng như trước”. Đây gọi là tầm tư phẩm của giới..

Lại chánh tầm tư: “Ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại, do sáu giới làm duyên được nhập vào thai mẹ”. Như vậy gọi là tầm tư thời của giới.

Lại chánh tầm tư: “Do nhiều duyên hòa hợp, như cỏ cây kết lại, bên trong có khoảng trống, được gọi là nhà. Như vậy, sáu giới vì là chỗ nương của gân, xương, máu, thịt, các duyên hòa hợp, bao bọc hư không, do các giả tướng, hết thấy tướng thiết lập nên ngôn luận, được gọi là thân. Lại do

nghiệp phiền não đời trước và tự chúng tử lấy làm nhân duyên”. Như vậy gọi là nương quán đãi đạo lý, tầm tư đạo lý của các giới sai biệt.

Lại chánh tầm tư: “Nếu ở nơi quán giới sai khác như thế, khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều, năng đoạn trừ được kiêu mạn”.

Lại chánh tầm tư: “Đạo lý như thế có chí giáo lượng, có trí hiện chứng đắc bên trong, có pháp tử độ, có pháp tánh thành lập, có pháp tánh khó nghĩ bàn, có pháp tánh an trụ”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý để tầm tư đạo lý của các giới sai khác.

Đây gọi là hành giả siêng tu quán giới sai khác, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

### ***Quán A-na-ba-na niệm:***

Sao gọi là hành giả siêng tu A-na-ba-na niệm, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về niệm hơi thở vào ra tăng thượng, vì lực tăng thượng của lắng nghe thọ trì, năng chánh biết rõ ở nơi cảnh giới hơi thở vào ra, buộc tâm thông đạt rõ ràng, ghi nhớ rõ ràng, không lạc mất. Đây là nghĩa của A-na-ba-na niệm. Như

vậy gọi là tâm tư nghĩa của A-na-ba-na niệm.

Lại chánh tâm tư: “Hơi thở vào, hơi thở ra bên trong khả đắc vì hệ thuộc thân, nhiếp thuộc bên ngoài vì hệ thuộc nơi chốn, do vậy trong ngoài sai biệt”. Như vậy gọi là tâm tư sự của A-na-ba-na niệm.

Lại chánh tâm tư: “Hơi thở vào có hai, hơi thở ra có hai. Nếu gió đi vào bên trong gọi là hơi thở vào. Nếu gió đi ra ngoài gọi là hơi thở ra”. Lại chánh biết rõ: “Như vậy là hơi thở vào, hơi thở ra dài. Như vậy là hơi thở vào, hơi thở ra ngắn. Như vậy là hơi thở trái khắp phần thân”. Đây gọi là tâm tư tự tướng của các hơi thở.

Lại chánh tâm tư: “Hơi thở vào đã diệt, có hơi thở ra sanh. Hơi thở ra đã diệt, có hơi thở vào sanh. Hơi thở vào ra chuyển vận hệ thuộc mạng căn và thân hữu thức. Hơi thở vào ra đây và chỗ nó nung đều là vô thường”. Đây gọi là tâm tư cộng tướng của các hơi thở.

Lại chánh tâm tư: “Nếu nơi hơi thở vào, hơi thở ra như thế mà không an trụ chánh niệm, bị tâm tư ác nhiều loạn tâm, liền là điên đảo, nhiếp thuộc phẩm hắc, là pháp tranh cãi, nói rộng như trước. Trái với tướng trên, liền không điên đảo,



niếp thuộc phẩm bạch, là pháp không tranh cãi, nói rộng như trước”. Như vậy gọi là tầm tư phẩm của niệm hơi thở.

Lại chánh tầm tư: “Ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại, hơi thở vào, hơi thở ra chuyển, hệ thuộc thân tâm. Ngược lại, thân tâm hệ thuộc hơi thở vào, hơi thở ra”. Như vậy gọi là tầm tư thời của niệm hơi thở.

Lại chánh tầm tư: “Trong đây không có người nắm giữ hơi thở vào, người nắm giữ hơi thở ra. Hơi thở vào, hơi thở ra hệ thuộc nơi người kia. Chỉ là các hành từ nhân, từ duyên sanh khởi, phát khởi giả tưởng thi thiết kiến lập ngôn luận cho là có người nắm giữ hơi thở vào, hơi thở ra”. Như vậy gọi là nương quán đãi đạo lý, tầm tư lý của hơi thở.

Lại chánh tầm tư: “Nếu ở nơi niệm hơi thở vào, hơi thở ra như vậy, khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều, năng đoạn trừ tầm tư”. Lại chánh tầm tư: “Đạo lý như thế, có chí giáo lượng, có trí hiện chứng bên trong, có pháp tỷ độ, có pháp tánh thành lập, có pháp tánh khó nghĩ bàn, có pháp tánh an trụ. Không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý,

tâm tư lý của niệm hơi thở.

Đây gọi là hành giả siêng tu A-na-ba-na niệm, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sáu sự sở duyên sai biệt.

Như vậy, nương theo *sở duyên tịnh hành* để tâm tư quán sáu sự sai biệt, luôn luôn ở bên trong khiến tâm tịch tĩnh, luôn luôn ở nơi điều đã tâm tư dùng quán hành thù thắng quán xét thắm sâu tỉ mỉ. Vị kia do lấy Xa-ma-tha làm chỗ nương, nên khiến Tỳ-bát-xá-na nhanh chóng được thanh tịnh. Ngược lại, do lấy Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương, khiến Xa-ma-tha tăng trưởng rộng lớn. Về phần nương *sở duyên thiện xảo* và *sở duyên tịnh hoặc* để tâm tư Tỳ-bát-xá-na sáu sự sở duyên sai biệt, đối với từng sự thực hành này, Ta sẽ nói sau.

Lại nữa, trong đây có chín loại gia hạnh thuộc phẩm bạch, trái với tướng trên phải biết có chín loại gia hạnh thuộc phẩm hắc.

Sao gọi là chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm bạch? 1. Gia hạnh tương ưng; 2. Gia hạnh tu tập xuyên suốt; 3. Gia hạnh không trì hoãn; 4. Gia hạnh không điên đảo; 5. Gia hạnh đúng thời; 6. Gia hạnh hiểu rõ; 7. Gia hạnh không chán đủ; 8. Gia hạnh không xả ách; 9. Gia hạnh chân chánh.

Do chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm bạch đây, năng khiến nơi tâm nhanh chóng được định, khiến Tam-ma-địa triển chuyển càng thêm thăng tiến. Lại do đây, đối với địa cần đi đến và điều cần chứng đắc, nhanh chóng năng đi đến, năng chứng đắc, không trì hoãn chậm chạp.

Do chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm hắc, năng khiến tâm không nhanh chóng được định, không khiến Tam-ma-địa triển chuyển thăng tiến. Lại do đây, đối với địa cần đi đến và điều cần chứng đắc, bị trì hoãn chậm chạp, không thể nhanh chóng đi đến, thành tựu.

1. *Sao gọi là gia hạnh tương ưng?* Nếu người hành tham, nên dùng quán bất tịnh an trụ nơi tâm. Nếu người hành sân, nên dùng từ mẫn an trụ nơi tâm. Nếu người hành si, nên dùng duyên khởi an trụ nơi tâm. Nếu người hành kiêu mạn, nên dùng giới sai biệt an trụ nơi tâm. Nếu người hành tầm tư, nên dùng A-na-ba-na niệm an trụ nơi tâm. Nếu người hành đảng phần, hoặc người hành mông trần, nên tùy theo ý thích phan duyên nơi một cảnh an trụ nơi tâm, siêng tu gia hạnh. Như vậy gọi là gia hạnh tương ưng.

2. *Sao gọi là gia hạnh tu tập xuyên suốt?* Ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đã từng tu tập nhiều, nhấn đến tu tập ít phần. Ở nơi tất cả kia, không phải mới bắt đầu sự nghiệp tu tập. Vì có sao? Người mới tu nghiệp, tuy ở nơi cảnh giới sở duyên tương ưng siêng tu gia hạnh, nhưng các cái lớp lớp hiện hành, thân tâm thô trọng. Do nhân duyên đây không thể khiến tâm nhanh chóng được định. Như vậy gọi là gia hạnh tu tập xuyên suốt.

3. *Sao gọi là gia hạnh không trì hoãn?* Là phương tiện không gián đoạn, phương tiện ân trọng, siêng tu quán hành. Nếu lúc xuất định, hoặc vì khát thực, hoặc vì cung kính phụng sự sư trưởng, hoặc vì khán bệnh, hoặc vì thuận theo tu nghiệp hòa kính, hoặc vì làm các việc khác... hết thấy các loại việc làm như thế, nhưng tâm đối với công việc kia không tùy thuận hoàn toàn, không thú hưởng hoàn toàn, không nhập vào trọn vẹn. Duy chỉ nhanh chóng hoàn thành công việc, trở về siêng năng ngồi yên tịch tĩnh, tu các quán hành. Nếu phải cùng gặp gỡ rất nhiều chúng khác nhau như Bí-sô, Bí-sô-ni, Cậi sự nam, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn... tuy sống lâu hỗn tạp, luận bàn trao đổi, nhưng không

bị cuốn hút khiến tương tục, mà chỉ vui thích hạnh viễn ly, siêng tu quán hành.

Lại năng dũng mãnh tinh tấn như vậy: “Nay ta nhất định đi đến chứng đắc điều chưa chứng đắc, không nên chậm chạp trì hoãn. Vì cơ sao? Ta có nhiều nhân duyên khiến bị hoạnh tử, đó là ở trong thân hoặc bị gió, hoặc bị nóng, hoặc bị đàm phát động, hoặc thức ăn uống không tiêu hóa, tồn đọng trong thân thành bệnh. Ở ngoài thân, hoặc bị các loài trùng độc như rắn, rết, bò cạp... cắn chích, hoặc bị người và phi nhân khủng bố khiến kinh hãi. Do nhân duyên đây mà bị chết yếu. Vì thế phải hằng thường tư duy đối với các nguyên nhân gây nên hoạnh tử, tu tưởng vô thường, trụ không phóng dật”. Do trụ không phóng dật như vậy, hằng thường tự tư duy: “Thọ mạng của ta hoặc hơn bảy ngày, lùi dần sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nửa giờ, một khắc, nửa khắc, trải qua khoảng một bữa ăn; hoặc từ lúc hơi thở vào cho đến hơi thở ra, từ lúc hơi thở ra cho đến hơi thở vào, cho đến sự sống chỉ còn trải qua từng thời khắc như vậy, đối với thánh giáo Phật, tác ý siêng năng tu tập Du-già.

Toàn bộ thời gian, đối với Thánh giáo Phật, ta nhất định có nhiều sự thực hành”. Như vậy gọi là gia hạnh không trì hoãn.

4. *Sao gọi là gia hạnh không điên đảo?* Như được sự dạy dẫn chỉ bảo của các vị thầy Du-già đã khéo thông đạt hạnh tu Du-già, tức ở nơi pháp ấy, ở nơi nghĩa ấy mà thuận theo tập học như vậy, không chấp thủ điên đảo, không tâm ngã mạn, cũng không trụ kiến thủ của mình, không tà chấp hẹp hòi. Đối với những lời giáo huấn tôn quý, trọn không khinh suất hủy hoại. Như vậy gọi là gia hạnh không điên đảo.

5. *Sao gọi là gia hạnh đúng thời?* Là năng rõ biết vào thời gian này nên tu tập tướng Chỉ, thời gian kia nên tu tập tướng Quán, thời gian khác nên tu tập tướng Cử, thời gian khác nữa nên tu tập tướng Xả. Lại năng biết rõ như thật về Chỉ, có tướng Chỉ, có thời Chỉ; biết rõ về Quán, có tướng Quán, có thời Quán; biết rõ về Cử, có tướng Cử, có thời Cử; biết rõ về Xả, có tướng Xả, có thời Xả.

Sao gọi là Chỉ? Là chín tướng tâm trụ, năng khiến tâm vô tướng, vô phân biệt, tịch tĩnh, cực tịch tĩnh, đẳng trụ, vắng lặng, thuần nhất không

tạp, cho nên gọi là Chỉ.

Sao gọi là tướng Chỉ? Có hai loại: 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên. Tướng sở duyên: là ảnh tượng đồng phận với sự sở tri của phẩm Xa-ma-tha. Đây gọi là tướng sở duyên, do sở duyên đây khiến tâm tịch tĩnh. Tướng nhân duyên: là nương Xa-ma-tha mà huân tập nơi tâm, vì khiến lúc sau Xa-ma-tha định được thanh tịnh, nên tu tập Du-già, sở hữu gia hạnh Tỳ-bát-xá-na. Đây gọi là tướng nhân duyên.

Sao gọi là thời Chỉ? Lúc tâm trạo cử, hoặc lúc đề phòng trạo cử, lúc này nên tu Chỉ. Lại nương Tỳ-bát-xá-na mà huân tập nơi tâm. Nếu lúc bị các tầm tư nhiễu loạn và bị các sự nghiệp khác nhiễu loạn, lúc này nên tu tập Chỉ.

Sao gọi là Quán? Là quán hành bốn hành, ba môn, sáu sự sở duyên sai biệt.

Sao gọi là tướng Quán? Có hai loại: 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên. Tướng sở duyên: là ảnh tượng đồng phận với sự sở tri của phẩm Tỳ-bát-xá-na, do sở duyên đây khiến tuệ quán sát. Tướng nhân duyên: là nương Tỳ-bát-xá-na mà huân tập nơi tâm, vì khiến về sau Tỳ-bát-xá-na đều thanh

tịnh, nên tu tập sở hữu gia hạnh nội tâm Xa-ma-tha định.

Sao gọi là thời Quán? Lúc tâm trì trệ, hoặc lúc đề phòng trì trệ, lúc này nên tu tập Quán. Lại nương Xa-ma-tha mà huân tập nơi tâm, trước nên ở nơi cảnh sự sở tri của kia như thật hiểu rõ. Cho nên bấy giờ là lúc tu Quán.

Sao gọi là Cử? Tức là tùy nắm giữ một chủng cảnh giới sở duyên tịnh diệu, hiển rõ, khuyến khích, dẫn phát tâm khiến vui mừng hưng phấn.

Sao gọi là tướng Cử? Tức là do cảnh giới sở duyên tịnh diệu, nên sách tấn khích lệ tâm và thuận theo kia phát siêng tinh tấn.

Sao gọi là thời Cử? Lúc tâm trì trệ chìm đắm, hoặc lúc đề phòng trì trệ chìm đắm, lúc này nên tu tập tướng Cử.

Sao gọi là Xả? Là đối với sở duyên, tâm không nhiễm ô, tánh tâm bình đẳng. Ở nơi phẩm Chỉ, Quán, tâm điều nhu chánh trực, tánh nhậm vận chuyển. Vì tâm điều nhu, tánh có khả năng kham nhiệm, khiến tâm tùy theo đó nhậm vận tác dụng.

Sao gọi là tướng Xả? Do sở duyên khiến tâm Xả điều trên và ở nơi sở duyên không phát khởi sở



hữu tinh tấn thái quá.

Sao gọi là thời Xả? Tức là đã buộc tâm nơi phẩm Xa-ma-tha, phẩm Tỳ-bát-xá-na, thoát khỏi sở hữu trạo cử, đây là lúc tu Xả.

Như vậy gọi là gia hạnh đúng thời.

6. *Sao gọi là gia hạnh hiểu rõ?* Ở nơi các tướng đã nói như vậy, khéo nắm giữ, khéo liễu đạt. Sau khi đã khéo nắm giữ, khéo liễu đạt rồi, lúc muốn nhập định tức liền năng nhập, lúc muốn trụ định tức liền năng trụ, lúc muốn xuất định tức liền năng xuất. Hoặc lúc muốn xả bỏ ảnh tượng sở hành của các Tam-ma-địa, liền tác ý tư duy cảnh giới sở duyên, sở hữu bản tánh của các bất định địa. Như vậy gọi là gia hạnh hiểu rõ.

7. *Sao gọi là gia hạnh không chán đủ?* Đối với thiện pháp, không biết chán đủ. Đối với việc tu đoạn, không từng phế bỏ. Đối với việc triển chuyển cao hơn, triển chuyển thù thắng hơn, nhiều an trụ, cầu tiến, không chỉ đạt được chút ít tinh định nhỏ bèn ở giữa đường mà sanh thối lui, khuất phục. Đối với các sự thực hành khác, thường cầu thắng tiến. Đây gọi là gia hạnh không chán đủ.

8. *Sao gọi là gia hạnh không xả ách?* Đối với

tất cả học xứ đã thọ, không trái vượt không khuyết phạm. Tuy thấy thiếu nữ khả ái, dung nhan đoan chánh mà không nhớ giữ tướng, không nhớ giữ tùy hảo. Đối với việc ăn uống, biết cách quân bình. Siêng tu tỉnh thức, ít sự, ít nghiệp, ít bị tán loạn. Đối với các việc làm đã lâu, các lời dạy đã lâu, có thể tự mình nhớ nghĩ, lại khiến người nhớ nghĩ. Hết thấy pháp như thế gọi là gia hạnh không xả ách, do các pháp đây năng chân chánh thuận theo tâm tánh nhất cảnh. Gia hạnh không xả ách đây khiến tâm không tán loạn, khiến tâm không rong ruổi theo ngoại cảnh, khiến tâm bên trong điều nhu, hòa thuận. Như vậy gọi là gia hạnh không xả ách.

9. *Sao gọi là gia hạnh chân chánh?* Nơi các sở duyên luôn phát khởi thắng giải, thì luôn chân chánh trừ khiển. Đây gọi là gia hạnh chân chánh. Việc đây thế nào? Như có người siêng tu quán bất tịnh, luôn chân chánh trừ khiển các bất tịnh, tác ý tư duy các tướng bất tịnh. Do Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng mà phát khởi tác ý, ở nơi cảnh sở duyên, luôn luôn trừ khiển, luôn luôn hiện tiền. Chân chánh trừ khiển lại có năm loại: 1. Vì bên trong thu nhiếp tâm; 2. Vì không niệm tác ý; 3. Vì tác ý

khác; 4. Vì tác ý đối trị; 5. Vì tác ý vô tướng giới.

Nên biết trong đây do chín tướng tâm trụ Xa-ma-tha làm tiền dẫn, nên gọi là bên trong thu nhiếp tâm. Do lúc ban đầu trái với tất cả tướng, an trụ không động loạn, nên gọi là không niệm tác ý. Do duyên theo cảnh định địa khác, tư duy cảnh định địa khác, nên gọi là trụ tác ý khác. Do tư duy bất tịnh đối trị với tịnh, cho đến tư duy A-na-ba-na niệm đối trị tầm tư, tư duy hư không giới đối trị các sắc, nên gọi là tác ý đối trị. Do ở nơi tất cả tướng không tác ý tư duy, ở nơi vô tướng giới tác ý tư duy, nên gọi là tác ý vô tướng giới.

Tuy an lập khắp tất cả sở duyên, chân chánh trừ khiến tướng lược chung có năm loại, nhưng ý chính trong đây chỉ giữ lấy *thu nhiếp tâm bên trong* và *không niệm tác ý*.

Người mới tu nghiệp, lúc ban đầu tu tập hoàn toàn không dùng cảnh sở duyên hoặc bất tịnh, hoặc các xứ khác để trói buộc tâm, chỉ khởi nghĩ đây: “Tâm của ta làm sao được không tán loạn, vô tướng, vô phân biệt, tịch tĩnh, cực tịch tĩnh, không chuyển, không động, không điều mong cầu, lìa mọi sự tác dụng, bên trong điều hòa vui thích”. Tĩnh

cần như vậy rồi, không tư duy suy nghĩ, không niệm tác ý đối với tất cả tướng sanh khởi bên ngoài. Tức do không niệm tác ý như vậy, nên trừ khiến được sở duyên. Người kia ở trong đây tu tập Du-già như thế, nhiếp thọ điều hòa vui thích, lại tiếp tục hành cảnh có tướng, có phân biệt như bất tịnh..

Sao gọi là hành? Do tu tập ở nơi cảnh giới Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng, hành theo tầm tư, hành theo quán xét, nhưng chẳng phải chỉ một hướng tinh cần tu tập Tỳ-bát-xá-na. Sau lại hoàn xả tướng Quán, lại ở nơi sở duyên, tư duy hành Chỉ. Do nhân duyên đây, người kia lúc bấy giờ ở nơi cảnh sở duyên không xả, cũng không thủ. Vì ở nơi sở duyên hành Chỉ chuyển khởi, nên không gọi là xả. Vì ở nơi sở duyên không tạo tác tướng, vì không phân biệt, nên gọi là không thủ. Tức do bên trong thu nhiếp tâm như vậy, khiến trừ khiến sở duyên.

Lại ở trong đây, vì không thủ tướng Quán nên không bị nhiễu loạn bởi duyên, tuy nắm giữ hành Chỉ mà lại duyên nơi tướng của sự sở tri. Nếu ở nơi sở duyên chỉ luôn sanh khởi thắng giải mà không luôn trừ khiến, tức không khiến sở hữu thắng giải kia càng về sau càng đi đến sáng sạch và triển

chuyển cho đến rốt ráo, thì không thể đi đến cho đến hiện quán cảnh sự sở tri. Vì luôn phát sanh thắng giải, luôn trừ khiển, nên càng về sau thắng giải triển chuyển càng thêm sáng sạch, triển chuyển cho đến rốt ráo, cũng năng đi đến cho đến hiện quán cảnh sự sở tri.

Thí như ở thế gian có học trò của họa sư mới bắt đầu tập vẽ. Trước lãnh thọ học theo những kiểu dáng như lời dạy của thầy. Quán sát tỉ mỉ, tỉ mỉ rồi họa thành hình tướng kia. Sau khi đã làm xong, đã làm xong lại nghiên cứu rồi hủy bỏ. Sau khi hủy bỏ, lại nghiên cứu tiếp tục làm lại. Như như hủy bỏ luôn luôn làm lại, như vậy như vậy hình tướng càng về sau, càng triển chuyển trở nên sáng, trở nên sạch, trở nên tinh xảo hơn. Như vậy, trải qua thời gian dài học tập nghiêm túc, được mọi người ở thế gian đều công nhận là vị đại họa sư, hoặc ở trong số các họa sư. Nếu không luôn hủy bỏ các hình tướng đã vẽ, tức là không luôn vẽ đi vẽ lại nhiều lần, thì hình tướng kia vĩnh viễn không bao giờ trở nên sáng sạch, tinh xảo, cho đến cuối cùng hiển hiện hoàn hảo.

Như thí dụ trên, phải biết đạo lý đây cũng

vậy. Nếu ở nơi cảnh đây đã khởi thắng giải, thì quyết định ở nơi cảnh đây chân chánh trừ bỏ, cho đến không chỉ ở nơi cảnh đây đã chân chánh trừ bỏ rồi, mà phải quyết định ở nơi cảnh đây lại tiếp tục phát khởi thắng giải. Nếu ở nơi cảnh nhỏ hẹp đã phát khởi thắng giải rồi, tức ngay chỗ nhỏ hẹp ấy mà chân chánh trừ bỏ. Như cảnh nhỏ hẹp, thì cảnh rộng lớn, cảnh vô lượng phải biết cũng vậy. Sau khi ở nơi cảnh nhỏ hẹp đã chân chánh trừ bỏ, trở lại phát khởi thắng giải ở nơi cảnh nhỏ hẹp, hoặc ở nơi cảnh rộng lớn, hoặc ở nơi cảnh vô lượng. Như cảnh nhỏ hẹp, thì cảnh rộng lớn và cảnh vô lượng phải biết cũng vậy. Nếu sở hữu của các pháp sắc, ảnh tượng tướng mạo hiển hiện, nên biết tương tự biến hóa thô. Các pháp không sắc thì giả danh làm tiền dẫn, do lực tăng thượng của sự lãnh thọ, ảnh tượng hiển hiện.

Hết thấy như vậy gọi là gia hạnh chân chánh.

Như vậy chín loại gia hạnh nhiếp thuộc phẩm bạch, đối với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xa-na là pháp tùy thuận. Trái với chín loại gia hạnh đây, đối với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xa-na là pháp trái nghịch. Như vậy do phẩm hắc, phẩm bạch sai biệt, nên

kiến lập 18 loại gia hạnh.

Như vậy gọi là tâm tánh nhất cảnh.

**4. Chướng ngại được thanh tịnh:** Các thầy Du-già chánh tu hành như vậy, do bốn nhân duyên năng khiến tâm đoạn trừ các chướng ngại. Những gì là bốn? **a.** Vì biết khắp tự tánh; **b.** Vì biết khắp nhân duyên; **c.** Vì biết khắp quá hoạn; **d.** Vì tu tập đối trị.

*a. Sao gọi là biết khắp tự tánh chướng ngại?*

Biết khắp chướng ngại có bốn loại: 1. Chướng ngại của khiếp nhược; 2. Chướng ngại của cái che phủ; 3. Chướng ngại của tâm tư; 4. Chướng ngại của tự kiêu ngạo.

Chướng ngại của khiếp nhược: là các nhớ tưởng nhiễm ô, trông mong, không vui, hy vọng, ưu não phát khởi trong lúc siêng năng tu hành hạnh xuất ly và hạnh viễn ly.

Chướng ngại của cái che phủ: là tất cả năm cái như tham dục...

Chướng ngại của tâm tư: là các tâm tư nhiễm ô như tâm tư dục...

Chướng ngại của tự kiêu mạn: ở nơi chút phần

trí kiến thấp kém, nhưng yên ổn an trụ trong đó, rồi tự sanh kiêu ngạo cho là ta năng đắc, người khác chẳng được như thế, cho đến nói rộng nên biết như trước.

Đây gọi là biết khắp tự tánh chướng ngại.

**b. Sao gọi là biết khắp nhân duyên chướng ngại?** Là năng biết khắp chướng ngại khiếm khuyết ban đầu có sáu nhân duyên: 1. Do sức nghiệp đời trước tăng thượng, hoặc do bệnh tật nhiều loạn não hại, nên thân gây yếu bạc nhược; 2. Do gia hạnh thái quá; 3. Do không tu tập gia hạnh; 4. Do mới tu tập gia hạnh; 5. Do phiền não mạnh mẽ; 6. Do chưa tu tập xuyên suốt nơi hạnh viễn ly.

Lại thêm biết khắp nhân duyên chướng ngại của cái che phủ, của tâm tư, của tự kiêu ngạo, tức là ở trong các pháp xứ thuận theo chướng ngại của kia, tác ý phi lý, thường xuyên tu tập nhiều. Đây gọi là nhân duyên chướng ngại của cái che phủ, của tâm tư, của tự kiêu ngạo.

Nếu không tác ý tư duy bất tịnh mà tác ý tư duy tướng tịnh diệu, đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy từ mẫn mà lại tác ý tư duy tướng sân, đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy



tướng sáng mà lại tác ý tư duy tướng tối, đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy tướng Xa-ma-tha, mà lại tác ý tư duy các tâm tư ác về thân thuộc, đất nước, bất tử, những việc xưa đã từng đùa chơi, vui vẻ, hành động, phụng sự... đây gọi là tác ý phi lý. Nếu không tác ý tư duy duyên khởi của tánh duyên, mà lại tác ý tư duy tướng không như lý, ở trong các hành ba đời kế chấp là ngã, ngã sở, đây gọi là tác ý phi lý.

**c. Sao gọi là biết khắp quá hoạn chướng ngại?** Vì biết rõ khắp có các chướng ngại như thế, nếu ở nơi bốn chướng ngại này thì những điều chưa chứng đắc chẳng chứng đắc, đã chứng đắc thì hoàn thối; khiến bại hoại sở hữu gia hạnh Du-già, trụ nhiệm ô, trụ khổ não; khiến tự hủy mình, hủy người, đến khi thân hoại mạng chung sanh vào các đường ác. Đây gọi là biết khắp quá hoạn chướng ngại.

**d. Sao gọi là tu tập đối trị?** Đối với các sự khiếm nhược, chung dùng tùy niệm để đối trị. Do tác ý tùy niệm, nơi tâm reo vui, khiến các khiếm nhược chưa sanh thì không sanh, đã sanh được diệt trừ. Do gia hạnh thái quá khiến thân gây yếu bạc nhược, do đó ngay lúc đầu tu tập gia hạnh lấy

việc tinh tấn điều độ, thông đạt làm đối trị. Nếu không tu tập gia hạnh, thì dùng cung kính, lắng nghe, siêng năng thưa hỏi làm đối trị. Nếu phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, dùng gia hạnh sở duyên bất tịnh... để đối trị. Nếu chưa tu tập xuyên suốt, dùng phương tiện tư trạch như lý làm đối trị, khởi nghĩ: “Lúc xưa ta không thường xuyên tu tập hạnh viễn ly, nên ngày nay sanh khởi khiếp sợ đối với việc đây. Nếu ta nay không tu tập hạnh viễn ly, thì ở đời vị lai quyết chắc trở lại khiếp sợ như vậy. Cho nên ta nay phải chánh tư trạch, ở nơi hạnh kia phải xả bỏ sự không vui thích, mà tu tập vui thích”. Lại ở nơi tác ý phi lý khác như cái che phủ... dùng tác ý như lý trái lại với kia để làm đối trị. Nên biết đây gọi là tu tập đối trị.

Lại biết khắp tự tánh chướng ngại đây là năng chướng ngại, là năng nhiễm ô, nhiếp thuộc phẩm hắc, phải nên xa lìa. Lại năng biết rõ khắp nhân duyên xa lìa chướng ngại như thế mới có thể xa lìa, cho nên phải chánh tầm tư nhân duyên chướng ngại. Lại năng biết rõ khắp rằng ở nơi nên xa lìa mà không xa lìa sẽ có quá hoạn, cho nên phải tầm tư quá hoạn chướng ngại. Sau khi đã xa lìa, lại tầm

tư hơn nữa: “Làm sao khiến các chương ngại không sanh khởi ở đời sau”, cho nên tìm hiểu mong cầu việc tu tập đối trị. Do nhân duyên đây năng khiến tâm thanh tịnh đoạn trừ các chương ngại.

Phải biết trong đây, do những lời dạy về pháp tùy thuận có rất nhiều loại, nên Tỳ-bát-xá-na cũng có nhiều loại. Vì Tỳ-bát-xá-na có nhiều loại, khiến Xa-ma-tha cũng có nhiều loại.

Trở lại Tỳ-bát-xá-na, vì cảnh sở tri không có hạn lượng, nên biết lượng kia cũng không giới hạn, đó là do ba môn và sáu sự sai biệt. Riêng mỗi loại lại có vô biên phẩm loại sai biệt ngộ nhập đạo lý.

Hành giả chân chánh tu hành, như như thường xuyên tu tập Tỳ-bát-xá-na lực thanh tịnh tăng thượng cho đến tăng trưởng rộng lớn, như vậy như vậy năng khiến thân tâm sanh khởi khinh an. Nên biết phẩm Xa-ma-tha cũng được tăng trưởng rộng lớn. Như như thân tâm đạt được khinh an, như vậy như vậy ở nơi sở duyên, tâm tánh nhất cảnh triển chuyển càng thêm tăng trưởng. Như như ở nơi sở duyên tâm tánh nhất cảnh triển chuyển càng thêm tăng trưởng, như vậy như vậy lại khiến thân đạt được khinh an. Tâm tánh nhất

cảnh và thân tâm khinh an, hai pháp như thế triển chuyển nương nhau, triển chuyển phụ thuộc lẫn nhau. Thân tâm khinh an và tâm tánh nhất cảnh, hai pháp như thế nếu đắc *chuyển y* mới là rốt ráo. Vì đắc chuyển y, nên ở nơi sự sở tri, trí hiện lượng phát sanh.

**Hỏi:** Ngang đâu mới nói là quán bất tịnh đạt đến rốt ráo? Cho đến ngang đâu mới nói là A-na-na niệm đạt đến rốt ráo?

**Đáp:** Nói chung người tu quán hành, chân chánh gia hạnh tu tập quán bất tịnh cho đến tu tập thân cận. Vì tu tập nhiều, lúc này hoặc đi hoặc đứng, tuy có vô số cảnh giới hiện tiền, tuy lại quan sát sở hữu nhiều tướng, mà an trụ tự tánh, không do gia hạnh. Phần nhiều hành tướng bất tịnh hiển hiện, không phải các tướng tịnh. Do khéo tu tập các tướng bất tịnh, nên ở nơi các pháp xứ năng thuận theo tham dục triền, tâm không thú nhập, tâm không vui thích, tâm không tín giải, an trú nơi xả, sanh sâu nhàm chán trái lìa. Nên lúc bấy giờ người tu quán hành phải tự biết rõ: “Ta nay đã thành tựu quán bất tịnh, ta nay đã thu được quả của sự tu tập”. Ngang đây gọi là tu quán bất tịnh đã được rốt

ráo. Trái với tướng trên nên biết gọi là chưa được tốt ráo.

Như quán bất tịnh, thì quán từ mẫn, duyên khởi của tánh duyên, giới sai biệt, A-na-ba-na niệm phải biết cũng vậy. Chỗ sai khác trong đây, đó là phần nhiều hành tướng từ tâm hiển hiện, chẳng phải tướng sân khuể; ở nơi pháp xứ năng thuận theo sân triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Phần nhiều hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã hiển hiện, không phải hành tướng ngu si đồng hành với thường, lạc, thân kiến; ở nơi pháp xứ năng thuận theo si triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Phần nhiều có chủng chủng tánh giới, chẳng phải một tánh giới, nhiều tướng tướng sai biệt của thân chứa nhóm hiển hiện, không phải một tướng của thân chứa nhóm; ở nơi pháp xứ năng thuận theo kiêu mạn triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Phần nhiều tướng tịch tĩnh bên trong, tướng Xa-ma-tha hiển hiện, chẳng phải tướng hý luận; ở nơi pháp xứ năng thuận theo tầm tư triền, tâm không thú nhập cho đến nói rộng.

**Hỏi:** Ngang đâu nói là hai pháp Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na hòa hợp, bình đẳng cùng chuyển, do

đây nên gọi là đạo song vận chuyển?

Đáp: Nếu đã đạt được tướng tâm trụ thứ chín trong chín tướng tâm trụ, đó là Tam-ma-hí-đa. Vị kia dụng Tam-ma-địa viên mãn như vậy làm chỗ nương, ở trong pháp Quán, tu tập tăng thượng tuệ. Vị kia bấy giờ vì do pháp quán mà đạo nhậm vận chuyển, nên không cần dụng công, không nhờ vào gia hạnh Tỳ-bát-xá-na mà được thanh tịnh trắng sạch, theo Xa-ma-tha nhiếp thọ điều nhu, như đạo Xa-ma-tha nhiếp thọ mà chuyển. Ngang đây gọi là hai pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na hòa hợp, bình đẳng cùng chuyển. Do đây cũng gọi là đạo Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na song vận chuyển. Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Tướng, tâm tư, quán xét*

*Theo hành có ba môn*

*Nghĩa, sự, tướng, phẩm, thời*

*Lý, sáu sự sai biệt*

*Đâu gia hạnh tương ưng.*

*Thường tập, không hoãn đãi*

*Không điên đảo, đúng thời*

*Hiểu rõ, không chán đủ*

*Không xả bỏ thiện ách  
Sau cùng chánh gia hạnh  
Chín loại phải nên biết  
Có hai phẩm sai biệt  
Biết tự tánh, nhân duyên  
Thấy các quá hoạn kia  
Chánh tu tập đối trị  
Khiến chương được thanh tịnh.*

**5. Tu tác ý:** Người bắt đầu tu nghiệp, lúc mới tu tập ở trong tướng đã được an lập phổ biến, vì khiến đạt được tánh nhất cảnh và các chương ngại được thanh tịnh, nên xa lìa gia hạnh tà, học gia hạnh chân chánh. Người kia tác niệm như vậy: “Ta nay vì chứng tâm tánh nhất cảnh và vui thích trong việc tu đoạn, nên phải siêng tu tập bốn loại tác ý”. Những gì là bốn? 1. Tác ý điều luyện tâm; 2. Tác ý tươi nhuận tâm; 3. Tác ý sanh khởi khinh an; 4. Tác ý thanh tịnh trí kiến.

Sao gọi là tác ý điều luyện tâm? Do tác ý đây, nên khiến tâm nhằm chán xa lìa đối với pháp đáng nhằm chán họa hoạn. Đây gọi là tác ý điều luyện tâm.

Sao gọi là tác ý tươi nhuận tâm? Do tác ý đây, nên khiến tâm vui thích đối với pháp đáng hân lạc bậc thượng. Đây gọi là tác ý tươi nhuận tâm.

Sao gọi là tác ý sanh khởi khinh an? Do tác ý đây, vào thời gian này, đối với pháp đáng nhàm chán khiến tâm nhàm chán xa lìa; vào thời gian khác, đối với pháp đáng hân lạc khiến tâm vui mừng hơn hở. Sau khi đã an trú trong nội tịnh, vô tướng, vô phân biệt, thì niệm nhất cảnh chuyển. Do nhân duyên đây đối trị tất cả thô trọng của thân tâm, năng khiến tất cả thân tâm điều thích vui vẻ, sanh khởi tất cả thân tâm khinh an. Đây gọi là tác ý sanh khởi khinh an.

Sao gọi là tác ý thanh tịnh trí kiến? Do tác ý đây, nên vào thời gian khác dụng nội tâm tịch tĩnh như vậy làm chỗ nương. Do luôn luôn gia hạnh nội tịch tĩnh tâm, ở trong pháp Quán tu tăng thượng tuệ. Đây gọi là tác ý thanh tịnh trí kiến.

Vị kia tu hành theo từng thời gian như vậy, đối với các pháp đáng nhàm chán khiến tâm nhàm chán xa lìa, cũng vậy đối với các lậu và pháp xứ lậu, năng khiến tâm phát sanh thiêu đốt, thiêu đốt hết thảy, sanh nhàm chán, nhàm chán hết thảy.



Những gì gọi là pháp đáng nhàm chán hoại hoại? Lược có 4 loại pháp đáng nhàm chán hoại hoại. Đó là: hoặc đối với việc hiện đang mắc phải suy tổn của mình và suy tổn của người, lúc đang hiện tại tiền, vì luôn tư duy, tác ý như lý, nên thấy việc đây thật đáng nhàm chán. Hoặc đối với việc trước kia hưng thịnh của mình và người đã tan hoại diệt mất, lúc tan rã biến hoại, vì luôn tư duy, tác ý như lý, nên thấy việc kia thật đáng nhàm chán. Lại vị kia cũng hành như sau, vào thời gian này, đối với pháp đáng hân lạc khiến tâm vui mừng hơn hở. Vì sanh khởi vui mừng hơn hở, năng khiến trong tâm trở nên tươi mới thấm nhuần, ẩn chứa sự vui thích trong sạch.

Những gì gọi là pháp đáng hân lạc bậc thượng? Tóm lược có 3 pháp đáng hân lạc bậc thượng: 1. Tam Bảo; 2. Học xứ thanh tịnh, giới thanh tịnh; 3. Ở nơi những điều chứng đắc sai biệt của bản thân, tâm không khiếm nhược, sanh tin hiểu sâu.

– Sao gọi là tùy niệm Tam Bảo khiến tâm vui mừng hơn hở? Như khởi niệm như vậy: “Ta nay khéo được lợi lớn, đó là chư Như Lai Chánh Đẳng Giác làm bậc Đại sư của ta. Ta nay khéo được lợi

lớn, đó là được xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Ta nay khéo được lợi lớn, đó là được cùng các hành giả đầy đủ giới, đầy đủ đức, nhẫn nhục, nhu hòa, đồng phạm hạnh làm pháp lữ thành tựu pháp hiền thiện. Ta nay sẽ hiền thiện mà mạng chung, hiền thiện mà chết đi, đời sau sẽ đi đến cõi hiền thiện”. Như vậy gọi là tùy niệm Tam Bảo khiến tâm vui mừng hơn hở.

– Sao gọi là tùy niệm học xứ thanh tịnh, giới thanh tịnh khiến tâm vui mừng hơn hở? Như khởi niệm như vậy: “Ta nay khéo được lợi lớn, đó là ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khéo tu chánh hạnh trong chúng Thanh văn. Ta được cùng với các bậc đồng phạm hạnh, đồng giới, đồng học, đồng tu thân ngữ ý nghiệp nhân từ, đồng chung sở kiến, đồng chung vật thọ dụng”. Như vậy gọi là tùy niệm học xứ thanh tịnh, giới thanh tịnh khiến tâm vui mừng hơn hở. Vì không hối hận làm tiền dẫn khiến phát sanh hoan hỷ.

– Sao gọi là ở nơi điều chứng đắc sai biệt của bản thân, tâm không khiếp nhược, sanh tin hiểu sâu, khiến tâm vui mừng hơn hở? Như khởi niệm

như vậy: “Ta nay có sức, có khả năng kham nhiệm, vì giới thanh tịnh nên kham làm bậc pháp khí. Lại được cùng các bậc đồng phạm hạnh đồng giới thanh tịnh, được cùng các bậc thiện sĩ chân chánh có trí đồng chung sở kiến. Ta có khả năng kham nhiệm tinh cần tu tập chánh hạnh như vậy, ngay trong hiện pháp năng đắc điều chưa đắc, năng xúc điều chưa xúc, năng chứng điều chưa chứng”. Do niệm đây khiến tâm sanh cực hoan hỷ. Như vậy gọi là ở nơi điều chứng đắc sai biệt của bản thân, tâm không khiếm nhược, sanh tin hiểu sâu, khiến tâm vui mừng hơn hở.

Lại do vị kia trước sau đều đồng mãnh tinh tấn như vậy, nên được an trụ nơi sự chứng đắc khác nhau. Lại vào thời sau, do tùy niệm đây, nếu có những sự chứng đắc sai biệt khác, cũng phát sanh tin hiểu sâu, khiến tâm vui mừng hơn hở. Đây gọi là môn khác.

Tóm lại, hành giả tu hành như vậy, đối với các pháp đáng nhàm chán, điều phục rèn luyện tâm; đối với pháp xứ năng thuận theo các lậu, khiến tâm xa lìa, buông bỏ, không nhập vào; đối với các pháp đáng hân lạc, khiến tâm hơn hở reo

vui; đối với pháp do ra khỏi và do xa lìa sanh khởi, vì có sự gần gũi yêu thích, thì khiến tâm hướng đến, nương tựa, vui thích, an trú trong sự hòa hợp...

Như vậy tâm kia do hai hành tướng là nhàm chán và reo vui, nên đi ngược với phẩm hắc, hướng đến các phẩm bạch, dễ dàng đạt đến sự giải thoát.

Như vậy tâm kia do tác ý điều luyện tâm, nên trái lìa các phẩm hắc. Do tác ý tươi nhuận tâm, nên hướng đến các phẩm bạch. Do tác ý sanh khởi khinh an, nên theo từng thời gian, nương Xa-ma-tha, thâm nhiếp giữ gìn tâm vào bên trong. Do tác ý thanh tịnh trí kiến, nên tùy theo từng thời gian, đối với pháp cần tư trạch, thì tư trạch tận cùng, tầm tư khắp cả, quán xét khắp cả.

Như vậy tâm kia tùy theo từng thời gian, nương theo sự nhiếp thọ của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, kham nhiệm cùng với tất cả hành tướng, tất cả công đức kia làm nhân nhiếp thọ. Trải qua ngày đêm, sát-na, lạc-phược, tu-du, đợi đến lúc được thăng tiến. Ví như thầy kim hoàn giỏi, hoặc học trò của ông, vào thời gian này dùng lửa luyện vàng loại bỏ tất cả cấu uế của vàng kia. Vào thời gian khác, lại bỏ vào nước trong sạch, rồi dùng những vật dụng

trong nghề để giữa gọt, tô điểm. Do vàng đã được tinh luyện nên có đủ sức kham nhiệm, mềm dẻo, dễ uốn nắn. Trong đây, người thầy kim hoàn giỏi và học trò của ông dùng trí nghề nghiệp tinh xảo khéo diệu, đã khéo rõ biết việc như thế, nên sử dụng các dụng cụ trong nghề, tùy theo sở thích mà giữa gọt, tô điểm với vô số kiểu dáng sai khác.

Như vậy, hành giả siêng tu Du-già khiến tâm xả bỏ, trái lìa tất cả cấu uế như tham... cũng khiến tâm xả bỏ, xa lìa các nhiễm ô, ưu não, đối với các pháp đáng nhàm chán sanh sâu chán lìa. Vì khiến hướng đến các phẩm hỷ lạc thiện thanh tịnh, nên đối với các pháp đáng hân lạc phát sanh vui thích khiến hân hoan sanh khởi. Hành giả như vậy tùy theo ý thích mà tự an lập cho mình, hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na, tức ở nơi các pháp kia năng khéo thân cận, năng khéo hòa hợp, không bị động chuyển, vui thích thuận theo chủng chủng nghĩa, như điều đã tín hiểu đây mà năng thành tựu trọn vẹn.



## *Quyển 32*

### **Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA**

#### **Phần 3 của DU GIÀ XỬ - Thứ 3**

Sao gọi là hành giả mới tu nghiệp, lúc ban đầu tu tập như chỗ thích hợp mà an lập ở nơi việc tu tác ý, theo điều đã an lập mà chân chánh tu hành, trước tiên sẽ xúc chứng vui thích trong việc tu đoạn và tâm tánh nhất cảnh?

Vị thầy tu Du-già đã khéo thông đạt, lúc đầu đối với người mới tu nghiệp nương theo hạnh Du-già tu hành, dạy bảo như vậy: “Lành thay, hiện tử! Ông nay phải nương ba loại nhân duyên nắm giữ tướng, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc tâm so sánh phân biệt tăng thượng để nắm giữ năm loại tướng: 1. Tướng chán lìa; 2. Tướng hân lạc; 3. Tướng quá hoạn; 4. Tướng quang minh; 5. Tướng phân biệt rõ ràng sự việc”.

**Hỏi:** Nếu người mới tu nghiệp nương theo hạnh Du-già là người hành tham, chỉ dụng quán bất tịnh mới có thể điều phục. Làm thế nào để chỉ dạy

người kia nắm giữ năm loại tướng?

Đáp: Nên dạy bảo như vậy: “Lành thay, hiền thủ! Ở trong tụ lạc thôn xóm nào mà ông đã cư trú, hoặc được nghe ở một thôn xóm tụ lạc khác có nam nữ trước lãnh thọ an vui, nhưng về sau không may gặp khổ. Hoặc nam nữ kia bị lâm trọng bệnh dẫn đến mất mạng. Hoặc nam nữ kia có quyến thuộc thân thích phải chịu các nạn khổ, do tụ lạc thôn xóm mà họ ở là vùng biên địa hay do hao tổn mất mát tài sản. Hao tổn mất mát tài sản đây, hoặc bị kẻ cướp dùng sức mạnh đoạt lấy, hoặc bị lửa cháy, hoặc bị nước cuốn trôi, hoặc do làm việc ác, hoặc do không khéo gây tạo sự nghiệp, hoặc do không khéo phân chia công việc, hoặc vì chung vốn với người xấu để kiếm lời, hoặc do cháy nhà...

Hoặc ông tự mình chứng kiến, chẳng phải do nghe lại. Hoặc xảy ra ngay thôn xóm tụ lạc nơi ông cư trú, chẳng phải thôn xóm tụ lạc khác. Hoặc chẳng phải người ở thôn xóm tụ lạc đây, cũng chẳng phải người ở thôn xóm tụ lạc khác, mà chính tự thân ông trước đã tiếp xúc chứng kiến rõ ràng cảm thọ vui, nhưng về sau lại mất đi, nói rộng như trước. Ông đã nghe, đã thấy như vậy, phải nên

sanh tâm sâu nhàm chán tai hoạn: Sanh tử như thế là khổ cùng cực, thân thể có được đây cũng khó khăn vô cùng. Vậy mà trong đó dung chứa hết thủy sự suy tổn mình, người sai khác, đó là suy tổn của bệnh tật, suy tổn của thọ mạng, suy tổn của quyền thuộc, suy tổn của tài bảo. Tánh pháp bệnh tật, tánh pháp hoại tử. Lại có một loại suy tổn tịnh giới, suy tổn chánh kiến. Do nhân duyên đây, các chúng sanh kia ở đời hiện tại lâm vào khổ não, ở đời vị lai đi vào các cõi ác. Những người hưng thịnh, tuy đời hiện tại hưởng sự an vui, ở đời vị lai sanh đến các cõi thiện, mà vẫn là vô thường. Ở nơi vô thường kia hiện tiền có thể chứng kiến.

Như ông được thấy, nếu có người lãnh thọ sự hưng thịnh, vào thời gian sau bị suy tổn thì dễ dàng xảy ra. Còn nếu có người lãnh thọ sự suy tổn, vào thời gian sau được hưng thịnh thì khó thể xảy ra. Cho nên các sự hưng thịnh đều là pháp khó được mà dễ tan hoại. Như vậy ông nên sanh tâm sâu nhàm chán họa hoạn, tác ý cực khéo, thọ trì như lý: “Xứ sở như thế sao có thể tin là sẽ được bảo toàn? Ta vẫn còn lưu chuyển trong sanh tử, tâm chưa giải thoát, chưa đắc Bát-niết-bàn. Hai pháp



suy tổn, hưng thịnh như vậy chớ để nó hiện diện trong ta, chớ để nhân duyên kia lôi kéo khiến ta đọa vào những chốn như vậy. Do đây mà sanh khởi sự đau khổ mãnh lợi mạnh mẽ không thích ý. Do lực tăng thượng của sự việc đây, ta sẽ chân thành đi đến vui thích trong việc tu đoạn, ta sẽ tu hành không phóng dật, ta an trụ nhiều như vậy sẽ năng giới hạn được các việc làm vô nghĩa”.

Ông nên tác ý cực khéo, thọ trì như lý như vậy. Sau khi đã nắm giữ tướng chán lìa, ông lại nên tinh cần tu tập tướng hân lạc, nên tự quán sát các giới đã thọ học, giới nào đã khéo thanh tịnh, giới nào chưa thanh tịnh, tự nghĩ: “Ta hoặc quên mất niệm, hoặc không cung kính, hoặc nhiều phiền não, hoặc thiếu hiểu biết, nên đối với các học xứ có sự trái phạm. Ta phải ở nơi bản tánh như pháp tăng thượng ý vui, ở nơi các học xứ phát khởi tâm sâu xa không hủy phạm. Ta đối với việc nên làm phải làm, đối với việc không đúng không làm”. Tóm lại, ở nơi các học xứ phải khiến tăng thượng ý vui cho đến viên mãn, cũng khiến sở hữu gia hạnh tròn đủ. Lúc ông chân chánh quán sát như vậy, nếu biết rõ giới uẩn của mình thanh tịnh, tuy

không khởi nghĩ rằng mình đang phát khởi vô hối thanh tịnh, nhưng nơi pháp nhĩ giới thanh tịnh quyết định sanh khởi vô hối thanh tịnh. Lúc phát khởi vô hối thanh tịnh như thế, tuy không khởi nghĩ mình đang hoan duyệt, nhưng nơi pháp nhĩ vô hối đó quyết định sanh khởi hoan duyệt. Như vậy, ở chỗ hoan duyệt nương tựa, ông nên sanh khởi vô hối thanh tịnh làm tiền dẫn cho nó. Tiếp theo, ông nên đoạn trừ chướng ngại hỷ duyệt bằng cách phải sanh khởi vui thích, tự nghĩ: “Ta nay giới thanh tịnh nên có lực, có khả năng an trụ học xứ mà Đức Thế Tôn chế lập. Ở trong hiện pháp năng đắc điều chưa đắc, năng xúc điều chưa xúc, năng chứng điều chưa chứng”, do đây phát sanh ý hỷ duyệt. Nếu ông đạt được ít phần chứng đắc trước sau sai khác, do sự việc đây lực tăng thượng, lại phải sanh tin hiểu, phát khởi ý hỷ duyệt đối với các điều chứng đắc viên mãn sai khác của người khác, đó là chư Như Lai và các Thánh đệ tử, cũng như sở chứng sai khác của bản thân về sau. Hành tướng của các ý vui thích như vậy, trước gọi là hoan duyệt, nay gọi là hỷ duyệt, gọi chung là ý duyệt. Như vậy gọi là nắm giữ tướng hân lạc.

Sau khi đã nắm giữ tướng đây rồi, lại nên dạy bảo rằng: “Hiền thủ! Do ông nắm giữ tướng chán lìa như thế nên điều luyện tâm, lại do tướng hân lạc như thế nên tươi nhuần tâm. Ông lại nên an trụ nhiều trong việc đoạn diệt tham ưu thế gian. Tùy ở nơi cảnh giới sở duyên kia mà siêng tu gia hạnh, hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na, tức là khiến tâm an trụ, nội trụ, đẳng trụ... đối với kia vậy. Như thế ông sẽ đạt được thân tâm khinh an và tánh nhất cảnh.

Nếu ông đi ngược với các phẩm hắc, hướng đến các phẩm bạch, tức là điều luyện tâm, tức là tươi nhuần tâm. Lại phải luôn luôn nắm giữ tướng, tức là nắm giữ tướng quá hoạn của các tướng, tầm tư và tùy phiền não. Nói các tướng, tức là mười tướng như sắc..., tầm tư tức là tám tướng như dục..., tùy phiền não tức là năm tướng như tham dục...

Ông phải nắm giữ tướng quá hoạn của kia như sau: các tướng năng khiến tâm tác dụng vội gấp, tầm tư năng khiến tâm nghĩ nhớ xáo động quấy nhiễu, tùy phiền não năng khiến tâm thường không tịch tĩnh. Ngược lại, nếu tâm tác dụng vội gấp là do các tướng gây ra, nếu tâm nghĩ nhớ xáo động

quấy nhiễu là do tâm tư gây ra, nếu tâm thường không tịch tĩnh là do tùy phiền não gây ra. Do tất cả đây khiến tâm rơi trong khổ não. Cho nên các tướng, tâm tư, tùy phiền não là khổ, chẳng phải đạo của bậc Thánh, năng dẫn phát những điều vô nghĩa khiến tâm tán động, khiến tâm nghĩ nhớ xao động quấy nhiễu, khiến tâm nhiễm ô. Ông cần nắm giữ tướng quá hoạn như thế.

Lại ông nên nương tâm tánh nhất cảnh, tâm tánh an trụ, tâm tánh không loạn. Để nắm giữ chân chánh, ông phải dụng 6 chủng hành. Những gì là sáu? 1. Tưởng vô tướng; 2. Ở trong vô tướng, tưởng không tác động; 3. Tưởng không phân biệt; 4. Ở trong không phân biệt, tưởng không nghĩ nhớ, không tháo động quấy nhiễu; 5. Tưởng tịch tĩnh; 6. Ở trong tịch tĩnh, tưởng lìa các phiền não, an vui tịch diệt.

Ông đã nắm giữ tướng quá hoạn như thế, lại phải luôn luôn nắm giữ tướng quang minh, hoặc ánh sáng của đèn, hoặc ánh sáng của đám lửa lớn, hoặc ánh sáng của mặt trời, hoặc ánh sáng của mặt trăng. Sau khi nắm giữ tướng quang minh, đến nơi gò mả đồng hoang, nắm giữ tướng xanh bầm

máu ứ, nói rộng cho đến tướng xương khớp. Nếu không đến đó được, thì nắm lấy tướng được tạo thành trên tranh vẽ, thân cây, đá. Sau đó trở về trú xứ, hoặc a-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây trong rừng, hoặc nhà không nhân, trước rửa chân sạch sẽ, ngồi kiết già trên giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc tòa ngồi bằng cỏ lá, thân ngay thẳng chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa. Trước tiên cột tâm vào một cảnh khiến không tán loạn, hiện tiền buộc niệm.

Lại ở trong ấy, tác ý tư duy nương theo sáu chủng tướng: 1. Tướng vô tướng; 2. Tướng không phân biệt; 3. Tướng tịch tĩnh; 4. Tướng không tác động; 5. Tướng không nghĩ nhớ, không xao động quấy nhiễu; 6. Tướng lìa các phiền não, an vui tịch diệt.

Lại ở trong ấy, ông phải nhận biết sâu rõ khắp cả tướng loạn, không loạn, hiện tiền phân minh. Như như nhận biết sâu rõ khắp cả tướng loạn, không loạn, như vậy như vậy năng nhận biết sâu rõ các tướng, tâm tư, tùy phiền não thuộc sở hữu tướng loạn và năng biết rõ tâm tánh nhất cảnh, tu tập theo sáu tướng thuộc sở hữu tướng không loạn.

Lại ông quán xét sâu kỹ, nhận biết rõ khắp các tướng loạn, không loạn đây, bèn năng an trụ một cảnh sở duyên, cũng năng an trụ nội tâm dừng lặng. Các tâm tương tục, các tâm trôi chảy trước sau một vị vô tướng, vô phân biệt, triển chuyển trong sự tịch tĩnh.

Lại nếu tâm ông tuy được dừng lặng, nhưng do lạc mất niệm và do chứa nhóm quá hoạn của các tướng, tâm tư, các tùy phiền não, nên chúng phát khởi, như ảnh tượng sở duyên của mặt gương luôn hiện ở trước. Tùy theo chỗ sanh khởi, tức ở trong ấy ông phải liên tu tập tác ý không niệm theo. Đó là trước do lực tăng thượng nhận biết các tướng quá hoạn, tức ở nơi tướng cảnh sở duyên như thế tu tập tác ý không niệm theo để trừ bỏ tán loạn, cho đến khiến chúng rốt ráo không hiện hành.

Hiền thủ phải biết, sở duyên như vậy rất là thẳm sâu vi tế, khó thể thông đạt. Vì câu thông đạt, ông phải phát khởi vui muốn mạnh mẽ, siêng năng tinh tấn. Đức Thế Tôn nương cảnh tướng sở duyên đây mật ý thuyết rằng: “Bí-sô các ông nên biết chúng thiện, nói chúng thiện tức là ở trong hội chúng đây có những người dung sắc trẻ đẹp

khỏe mạnh. Chúng thiện đây rất thù thắng, tức là ở trong hội chúng đây có những diễn viên ca múa tuyệt diệu. Giả sử một người trượng phu trí huệ từ ngoài đi vào, bảo với một người: Này ông! Ông nay phải bung bát đầy dầu đây đi qua chúng hội mà chẳng được để dầu tràn ra ngoài. Nhớ phải tránh chỗ có người trẻ đẹp và diễn viên ca múa, vì có một người hung dữ cầm gươm bén luôn theo dõi ông, nếu thấy một giọt dầu rơi xuống đất sẽ dùng gươm bén lấy dầu, kết thúc mạng căn của ông. Bí-sô, nơi ý các ông hiểu sao? Người bung bát dầu đây sẽ không tác ý chú tâm vào bát dầu, vào người hung dữ và mặt đất không bằng phẳng, mà lại tác ý ngắm nhìn xung quanh chẳng?”

– Thưa không, Thế Tôn! Vì cố sao? Người bung bát dầu đây thấy người hung dữ cầm gươm bén theo sau, trong lòng khiếp sợ, chỉ chuyên tâm nghĩ: “Bát dầu quá đầy thật khó giữ để đi qua hội chúng đây! Chỉ cần một giọt rơi xuống đất, chắc chắn kẻ kia sẽ chém đầu ta, sẽ kết thúc mạng căn của ta”. Người kia bấy giờ đều không tác ý nghĩ tưởng ngắm nhìn xung quanh, chỉ chuyên tâm tác ý giữ gìn bát dầu.

– Như vậy, Bí-sô! Các đệ tử của ta chuyên tâm

nhớ nghĩ, cung kính, cẩn trọng vui thích tu bốn niệm trụ, phải biết cũng vậy.

Trong đây, *chúng thiện* dụ cho năng thuận theo pháp tham dục triền... và tùy phiền não. *Ở nơi ca hát nhẩy múa tuyệt diệu* dụ cho năng thuận các pháp tâm tư, hý luận, xao động. *Trẻ đẹp, khỏe mạnh* dụ cho mười loại tướng như sắc... *Bậc trượng phu trí huệ* dụ cho vị thầy Du-già. *Bát dầu đầy* dụ cho tâm an trụ Xa-ma-tha. Năng khiến thân tâm khinh an, thấm nhuần, tươi mới là nghĩa Xa-ma-tha. *Người hung dữ cầm gươm bén theo dõi* dụ cho việc nhận biết quá hoạn của các tướng, tâm tư, tùy phiền não và nắm giữ các tướng trước. *Chú tâm gìn giữ, không để một giọt dầu rơi xuống đất* dụ cho năng quán xét sâu kỹ, nhận biết rõ khắp tướng loạn, không loạn, do chỗ nhiếp thọ đạo Xa-ma-tha, năng khiến các tâm tương tục, các tâm trôi chảy. Do lực tinh tấn thúc đẩy không gián đoạn, nên triển chuyển trước sau một vị vô tướng, không phân biệt, tịch tĩnh; không khởi một tâm duyên vào các tướng, hoặc duyên vào tâm tư, hoặc duyên vào tùy phiền não.

Vị thầy Du-già lại khéo ân cần dạy bảo đạo



Xa-ma-tha cho người mới tu nghiệp, bảo rằng: Hiền thủ! Nếu ông tinh cần tu tập đạo Xa-ma-tha, phải phương tiện tu như sau. Đó là nhiếp thọ chánh niệm chánh biết đồng hành với tâm có hỷ lạc, gọi là khéo tu đạo Xa-ma-tha. Nếu trở lại chứa nhóm các lỗi lầm, thì trong tâm không thể hỷ lạc sâu, phải rất khó khăn nỗ lực sách tấn, hỷ lạc kia mới lại hiện tiền. Lúc ấy cần nhanh chóng ra khỏi cảnh tướng sở duyên không phân biệt, buộc niệm tại cảnh tướng sở duyên có phân biệt. Thực hành như trong phần nắm giữ các tướng bất tịnh ở trước.

Ông nay lại phải tác ý tư duy: Trước chỉ nên thực hành Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng, hoặc quán tướng xanh ú, hoặc quán tướng máu mủ thối rữa, nói rộng cho đến hoặc quán tướng xương tướng khớp, hoặc quán tướng xương khớp. Lúc bắt đầu tu quán, phải phát khởi thắng giải ở nơi một tướng xanh ú, nói rộng cho đến một tướng xương khớp. Nếu ở trong ấy đã tu tập quen, thì đạo Quán càng rõ ràng sáng sủa. Khi tướng sở duyên rõ ràng, thắng giải chuyển vận tương tục, lại phải thắng giải ở nơi hai, ba, bốn, năm, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc một trăm tướng

xanh ứ, một ngàn tướng xanh ứ... cho đến hết thấy các phương chỉ toàn xanh ứ, phát khởi vô lượng hành biến khắp tất cả mọi nơi, thắng giải không gián đoạn cho đến trong ấy không còn chỗ dung chứa mảy trần. Như quán tướng xanh ứ, thì cho đến tướng xương khớp cũng vậy. Ông nương tác ý thắng giải như vậy, cần phải thú nhập tác ý chân thật. Lúc thú nhập nên khởi nghĩ đây: “Như ta hiện nay đang thực hành thắng giải vô lượng xanh ứ, nói rộng cho đến vô lượng xương khớp. Lượng chân thật của xanh ứ, nói rộng cho đến xương khớp thì vượt quá không thể tính biết. Vì cơ sao? Từ tiền tế đến nay luân hồi sanh tử trong các cõi, các thú kia kia, ta đã bao lần chết đi, bao lần vất bỏ thi hài, nên có vô lượng vô biên tướng xanh ứ cho đến xương khớp. Tính từ ngàn mé tiền tế, số lượng ấy không thể biết được. Giả sử có thể thu gom hết thi hài đã xả bỏ như vậy không cho hoại nát, thì tất cả đại địa cũng không thể dung chứa. Ở trong một kiếp, sự vất bỏ thi hài cho đến xương khớp đây, giả sử có thể thu gom lại một chỗ, thì lượng ấy sẽ chất thành núi xương cao lớn. Như từ tiền tế thì hậu tế cũng vậy, cho đến chưa thể tạo

thành biên tế khổ”. Như vậy ông nương tác ý thắng giải, cần phải thú nhập tác ý chân thật.

Lại lúc tu tập quán tướng xanh ú.. cho đến tướng xương khớp như vậy, chẳng nên quán sát nhanh. Tạm thời phải ở nơi một tướng thi hài xanh ú khởi thắng giải rồi, tầm lại khiến tâm tịch tĩnh bên trong. Cho đến ở nơi cảnh tướng sở duyên này, hỷ lạc sáng sạch, không bị nhiễu não, không nỗ lực gắng sức mạnh mẽ, thì lúc ấy nên lại phát khởi thắng giải tướng thi hài xanh ú. Nếu ở nơi cảnh tướng sở duyên này cần phải có lực khích lệ mới hiện tiền, thì lúc ấy nên tu tịch tĩnh bên trong. Như quán tướng xanh ú, thì quán cho đến tướng xương khớp phải biết cũng vậy. Do đạo lý đây cho đến quán vô lượng phải biết cũng vậy.

Như vậy đã khiến tâm bên trong tịch tĩnh rồi, lại phải phát khởi thắng giải tịch tĩnh. Đó là từ vô lượng máu ú cho đến vô lượng xương khớp cuối cùng, bên trong thấu tóm tâm, phương tiện trừ khiển, an đặt trong các tướng không hiển hiện. Không hoàn toàn xả bỏ tướng có phân biệt, cũng không phân biệt, chỉ ở nơi cảnh giới sở duyên đó, an trụ tâm, vận chuyển vô tướng, không phân biệt, tịch tĩnh.

Vị thầy Du-già lại nên dạy bảo rằng: “Hiền thủ! Các tướng quang minh mà ông nắm lấy trước, ở trong gia hạnh phẩm loại Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đều nên tác ý tư duy như lý. Năng dùng tâm câu với sáng suốt, tâm câu với chiếu soi, tâm câu với sáng sạch, tâm câu với không ám muội mà tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Như vậy là ở nơi đạo Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na tu tướng quang minh.

Nếu ban đầu ở nơi cảnh sở duyên, không nhiều phân biệt rõ ràng, luôn tu tập thắng giải trong tướng ám muội, do nhân duyên đây về sau sở hữu thắng giải đã tu tập cũng không phân minh rõ ràng, vì tuy thường xuyên tu tập nhiều mà tướng ám muội. Nếu ban đầu ở nơi cảnh sở duyên, phân nhiều phân biệt rõ ràng, luôn tu tập thắng giải trong tướng sáng rõ, do nhân duyên đây về sau sự tu tập triển chuyển càng phân minh rõ ràng, tuy ít thực hành mà tướng sáng rõ.

Như vậy, do ông khéo nắm giữ tướng chán lìa, tướng hân lạc, tướng Xa-ma-tha, tướng Tỳ-bát-xá-na, tướng quang minh, nên trường thời tâm được tịch tĩnh. Ở mọi thời, do Tỳ-bát-xá-na hành theo tướng, tư trạch các pháp, tức là lực chánh tu gia

hạnh quán bất tịnh tăng thượng, thứ lớp thú nhập các niệm trụ. Lúc sắp thú nhập, ông trước nên quan sát 36 thứ trong thân, từ tóc lông cho đến tiểu tiện, khéo nắm giữ tướng đó. Ông nên phát khởi thắng giải bất tịnh ở nơi các thứ bất tịnh của bản thân như thế. Luôn luôn phát khởi rồi, lại khiến trong tâm tịch tĩnh. Như vậy gọi là đối với nội thân, tu quán tuần thân, vì nương nội thân mình mà phát khởi. Kế đến, ông nên ở nơi các vật bất tịnh bên ngoài, khéo nắm giữ tướng ấy. Phát khởi thắng giải xanh ứ... cho đến thắng giải xương khớp, hoặc thắng giải nhỏ hẹp, hoặc thắng giải rộng lớn, hoặc thắng giải vô lượng. Luôn luôn phát khởi rồi, lại khiến trong tâm tịch tĩnh. Như vậy gọi là đối với ngoại thân, tu quán tuần thân, vì nương thân người khác mà phát khởi. Về sau, ông nên ở nơi các vật bất tịnh trong ngoài của bản thân, khéo nắm giữ tướng đó, khiến tâm sáng rõ. Lại ở nơi các vật bất tịnh trong ngoài của thân người khác, khéo nắm giữ tướng đó, khiến tâm sáng rõ. Ông nên phát khởi thắng giải như vậy đối với tướng mà mình đã lãnh thọ.

Lại đối với thân người đã chết đem bỏ ngoài

gò mả, đặt nằm dưới đất, cho đến lúc tử thi kia bị xanh bầm, ứ máu... rồi giai đoạn mủ thối rữa, nói rộng cho đến giai đoạn xương khớp, theo đó phát khởi thắng giải. Luôn luôn phát khởi rồi, lại khiến trong tâm tịch tĩnh. Như vậy gọi là ở trong ngoài thân, tu quán tuần thân, vì nương hoặc trong hoặc ngoài của thân mình, thân người mà phát khởi.

Lại ông nên ở nơi bốn uẩn vô sắc, do lực văn, tư tăng thượng mà phân biệt nắm giữ tướng ấy. Phát khởi thắng giải ở ba phần: 1. Nơi phẩm Xa-ma-tha; 2. Nơi phẩm không tán loạn; 3. Nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Nơi phẩm Xa-ma-tha thế nào? Nếu ở trong tâm bị hôn muội, phát khởi tướng hành vô tướng, không phân biệt và tướng hành không tác dụng, không nghĩ mến, không xao động, lìa các phiền não, an vui tịch diệt. Ở nơi cảnh sở duyên, tâm không loạn, ông phải tư duy như lý, phát khởi thắng giải: “Bốn uẩn vô sắc như thọ... từng sát-na sát-na triển chuyển riêng khác, chỉ toàn mới mới, không phải là cũ”. Như vậy gọi là ở trong thọ, tâm, pháp, tu quán tuần thọ, tâm, pháp.

Nơi phẩm không tán loạn thế nào? Ông trước

vì nắm giữ các cảnh giới, duyên theo các cảnh giới, nên rơi vào bất định địa. Quá khứ đã diệt, và hiện tại đây do ông lạc niệm, nên tâm tán loạn phát sanh cảnh của các tướng, tầm tư, tùy phiền não khiến tăng thượng lãnh thọ hết thấy bốn uẩn vô sắc. Ông nên ở nơi đây tác ý như lý: “Các pháp như vậy tánh nó đều hư huyền, đối gạt, hiện hữu tạm thời, bỗng chốc hiện tiền. Tánh nó vô thường, nhiều các quá hoạn, không thể tin chắc”. Ông nên phát khởi thắng giải như thế. Như vậy gọi là ở ngoài thọ, tâm, pháp, tu quán tuần thọ, tâm, pháp.

Nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na thế nào? Ông đã khéo nắm giữ tướng Tỳ-bát-xá-na, an trụ tác ý có tướng, có phân biệt. Ở nơi sở duyên có tướng, có phân biệt tăng thượng bên trong, chỗ sanh khởi lãnh thọ bốn uẩn vô sắc, ông nên tác ý như lý tư duy pháp đây, phát khởi: “Bốn uẩn vô sắc như thọ... từng sát-na sát-na triển chuyển riêng khác, chỉ toàn mới mới, không phải là cũ, tương tục lưu chuyển”. Như vậy gọi là ở trong ngoài thọ, tâm, pháp, tu quán tuần thọ, tâm, pháp.

Như vậy, do ông nương quán bất tịnh lực tăng thượng mà chân chánh tu tập gia hạnh, ở nơi bốn

niệm trụ sẽ được thú nhập.

Lại ông nên ở nơi gia hạnh niệm trụ đây luôn tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na hơn nữa. Ông ở nơi bốn niệm trụ an trụ chánh niệm như vậy, nên tùy đó mà cư trú nơi ven các thôn xóm tụ lạc. Nếu nơi tâm vẫn thuận theo nhập vào cảnh giới sở duyên, ông nên xả tướng của cảnh sở duyên đây, vào thôn xóm tụ lạc kia khát thực. Ông phải biết khéo tránh các thú dữ, những nơi nguy hiểm dơ bẩn, nên xa lìa các oai nghi xấu, nằm ngồi những chỗ dơ bẩn.

Ông phải khéo phòng hộ giữ gìn thân mình như vậy: “Đối với các tướng cảnh giới không nên sách tấn các căn, không nên dụng công, phải khéo giữ gìn các căn. Đối với các tướng cảnh giới nên sách tấn các căn, phải chân thật dụng công, khéo an trụ chánh niệm, khiến các phiền não không thể phát khởi hiện hành”.

Ông phải khéo phòng hộ thân mình như thế, tức là khéo giữ gìn các căn, khéo an trụ chánh niệm. Ở nơi tác ý kia, khéo biết lượng trong việc thọ dụng ăn uống.

Lại khi thuyết pháp cho người tại gia, xuất gia, ông phải nói lời đúng lượng, nói lời đúng lý,



nói lời đúng thời, nói lời chánh trực, nói lời tịch tịnh, thấy đều phải xa lìa tất cả ngôn luận phi pháp của thế gian. Tuy tuyên nói ngôn luận như pháp, cũng chẳng nên tranh cãi hơn thua. Vì có sao? Nếu những người thích tranh luận hơn thua, xoay vần nạn hỏi, tâm ông sẽ bị lôi cuốn trong các hý luận. Vì nhiều hý luận khiến tâm trạo cử, vì trạo cử khiến tâm không tịch tĩnh, vì không tịch tĩnh khiến tâm xa lìa Tam-ma-địa. Lâm vào tình trạng như vậy, ông phải gấp rút không xả bỏ sở duyên, ngồi kiết già, tu tập hạnh Du-già như phương tiện dùi lửa của thế gian, nương nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na như tướng mà ông đã từng nắm giữ, thường xuyên thực hành, rốt ráo thực hành, phát khởi gia hạnh ân trọng và gia hạnh không gián đoạn. Ông phải xuyên suốt tu tập như vậy, rốt ráo tu tập như vậy.

Lại ông nên khởi tâm nguyện thế này: “Giả sử gom tất cả tuổi thọ của người ở Thiệm-bộ châu đều dành cả cho một thân tôi, tôi nhất định sử dụng tận hết thọ mạng vô lượng này cho sự tu tập tác ý Du-già, tu tập nơi Đoạn, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, tu tập tinh tấn không bao giờ tạm xả. Bởi tôi nhận thức rõ việc tu tập Du-già

đây sẽ thu hoạch quả to lớn, lợi ích thù thắng to lớn. Huống chi tôi chỉ có tuổi thọ ngắn ngủi, có chút ít thời gian sống sót, nhiều nhất chẳng quá một trăm năm, suy cho cùng chỉ trong khoảnh khắc”. Như vậy ông nên theo điều được dạy bảo mà xuyên suốt tu hành, rốt ráo tu hành.

Nếu vì nghĩa đây mà lãnh thọ tu tập đoạn trừ, ông tất đạt được đúng nghĩa như vậy. Trước hết, ông sẽ chứng được chút phần thân tâm khinh an, tâm tánh nhất cảnh; về sau sẽ chứng được thế gian, xuất thế gian rộng lớn viên mãn.

Người mới tu nghiệp lúc ban đầu tu tập được sự chỉ dạy của các thầy Du-già khéo thông đạt Du-già, nương quán bất tịnh như vậy, gọi là dạy bảo chân chánh. Nương theo đó tu hành gọi là tu hành chân chánh. Như người hành tham, thì quán bất tịnh là phương tiện để điều phục. Như vậy người hành sân, quán từ mẫn là phương tiện để điều phục, cho đến cuối cùng là người hành tầm tư, thì quán A-na-ba-na niệm là phương tiện để điều phục, tùy chỗ thích hợp đều phải nên rõ biết. Trong đây có điểm sai khác, đó là môn thú nhập khác nhau, nay Ta sẽ hiển bày.

Người mới tu nghiệp nương *quán từ mẫn*, đối với hạng người thân, hoặc hạng người oán, hoặc hạng người không oán thân, nắm giữ tướng bên ngoài rồi, như pháp tinh tọa. Do tác ý định địa đồng hành với tăng thượng ý vui đem lại lợi ích an vui, trước tiên phát khởi thắng giải đối với một người thân, một người oán, một người không oán thân. Đối với ba hạng người đây, do tăng thượng ý muốn đem lại lợi ích an vui một cách bình đẳng, đồng hành với tác ý muốn cho vui, khởi nghĩ rằng: “Nguyện các loại hữu tình cầu vui kia đều sẽ được an vui, đó là hoặc vui muốn không tội, hoặc có hỷ lạc không tội, hoặc không hỷ lạc không tội”. Tiếp theo quán tăng dần lên hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc mười, hoặc hai mươi, hoặc ba mươi người thân, cho đến trải khắp tất cả các phương. Người kia đối với hạng người thân, phát khởi tư duy mạnh mẽ không gián đoạn, cho đến trong đó không còn chỗ dung chứa một máy trần. Như quán đối với hạng người thân, thì quán đối với hạng người oán và hạng người không oán thân cũng vậy.

Lại người kia không xả gia hạnh từ mẫn, tiếp tục năng chánh thú nhập các niệm trụ về từ mẫn.

Thú nhập thế nào? Lúc thú nhập phải nên phát khởi thắng giải như vậy: “Như hữu tình kia đối với ta, hoặc là thân, hoặc là oán, hoặc là không oán thân, ta đã vui muốn bỏ lìa khổ”. Như vậy gọi là ở nội thân tu quán tuần thân. “Kia cũng đối với người khác, hoặc là thân, hoặc là oán, hoặc là không oán thân, họ cũng vui muốn bỏ lìa khổ như ta”. Như vậy gọi là ở ngoại thân tu quán tuần thân. “Như ta đã vậy, các hữu tình kia cũng lại như vậy. Như ta muốn cầu được an vui tốt đẹp, các hữu tình kia cũng như vậy. Các hữu tình kia bình đẳng như ta, giống như ta, ta phải cho kia lợi ích an vui”. Như vậy gọi là ở nội ngoại thân tu quán tuần thân.

Bốn niệm trụ đây, vì duyên chung các uẩn làm cảnh giới, nên biết gọi là hoại duyên niệm trụ. Nếu người tu hành chỉ nắm giữ tướng sắc, đó là nắm giữ hiển tướng, hình tướng, biểu tướng, mà khởi thắng giải đối với hạng người thân, hạng người oán, hạng người không oán thân, do đây kiến lập chỉ thân niệm trụ.

Người kia lại nương tác ý thắng giải, năng chánh thú nhập tác ý chân thật. Lúc thú nhập khởi thắng giải: “Ta đối với kia cho đến vô lượng

hữu tình, phát khởi thắng giải tăng thượng ý vui làm lợi ích an vui. Như vậy ta từ tiền tế cho đến nay, đối với hoặc thân, hoặc oán, hoặc không oán thân, thuộc trong số các loại hữu tình nhiều vô lượng đã lùì vào quá khứ. Các loại hữu tình ở quá khứ như vậy đã là người thân, trở lại làm người oán; đã là người oán, trở lại làm người thân; đã là người oán thân, trở lại làm không oán không thân; đã là người không oán không thân, trở lại làm người oán thân. Do nghĩa đây nên tất cả hữu tình đều bình đẳng bình đẳng, không có chút phần tánh thân, tánh oán, tánh không oán thân mà chẳng phải chân thật. Do nhân duyên đây, khởi tâm bình đẳng trái khớp đối với ba hạng người trên, đem lại lợi ích an vui một cách bình đẳng. Như từ tiền tế, thì hậu tế trong sanh tử sẽ lại lưu chuyển cũng vậy.

Lại ta đối với các loài hữu tình từ tiền tế đến nay, chưa từng phát khởi tâm từ mẫn. Kia đều đã quá khứ, nay khởi từ mẫn lại có ích gì? Chỉ vì trừ khiến cấu uế của tự tâm, khiến được thanh tịnh, nên khởi nghĩ này: “Khiến cho các loại hữu tình ở quá khứ đều được an vui. Các loại hữu tình ở vị lai

chưa từng có, cũng được lợi ích an vui”. Như vậy thú nhập tác ý chân thật trong tụ từ mãn, nên các phước sung mãn, các thiện sung mãn. Tụ phước thu hoạch được của việc tu tập tác ý thắng giải trước, so với tác ý tư duy từ mãn đây, trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng kịp một, số phần, toán phần, kế phần, ô-ba-ni-sát-đàm phần chẳng bằng một, còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, người mới tu nghiệp nương *quán duyên khởi của tánh duyên*, do lực tăng thượng của lắng nghe, tư duy, tu tập, nên phân biệt nắm giữ các tướng. Đó là các hữu tình bị chủng chủng ngu si vô trí, hiện thấy vô thường, vọng chấp cho là thường; hiện thấy bất tịnh, vọng chấp cho là tịnh; hiện thấy khổ, vọng chấp cho là vui; hiện thấy vô ngã, vọng chấp cho là ngã. Các hữu tình kia có chủng chủng điên đảo như vậy. Các điên đảo làm nhân, ở hiện tại lãnh thọ và về sau sanh trong các tự thể, phát khởi tham ái. Do tham ái, nên gây tạo chủng chủng nghiệp sanh căn bản. Vì nghiệp phiền não đây làm nhân duyên, nên đương lai chiêu cảm uẩn chỉ thuần khổ lớn.

Người kia đã khéo nắm giữ các tướng rồi, lại

bên trong phát khởi thắng giải: “Ta nay uẩn chỉ thuần khổ lớn, cũng như vậy sanh. Lại tự thể của ta không ngăn không mé, từ tiền tế đến nay khởi điểm không thể biết, cũng như vậy sanh. Các loài hữu tình quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả tự thể nhiếp thuộc uẩn khổ, cũng đều đã sanh, sẽ sanh”. Chánh quán duyên khởi của tánh duyên như vậy, tất cả đều là tác ý chân thật, lại không có thêm tác ý thắng giải khác. Nếu ở nơi các uẩn hiện tại của thân mình, tác ý tư duy duyên sanh của tánh duyên, gọi là ở nội thân, thọ, tâm, pháp, an trụ quán tuần theo kia. Nếu ở nơi uẩn hiện tại của thân người khác, tác ý tư duy duyên sanh của tánh duyên, đây gọi là ở ngoại thân, thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần theo kia. Nếu ở nơi sở hữu các uẩn quá khứ, vị lai của mình, người, tác ý tư duy duyên sanh của tánh duyên, đây gọi là ở nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp, quán tuần theo kia. Còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, người mới tu nghiệp nương *quán các giới sai biệt*, trước tiên cần nắm giữ các tướng bền chắc bên ngoài như đại địa, núi rừng, cỏ cây, gạch đá, ngói sỏi, ma-ni, trân châu, lưu ly, hổ phách,

ngọc trai... Đã nắm giữ tướng ấy rồi, khởi thắng giải các tướng bên chắc bên trong.

Kế đến nắm giữ các tướng thủy đại bên ngoài, đó là sông lớn, các dòng chảy, suối, ao, hồ, đầm, giếng... Nắm giữ tướng kia rồi, lại khởi thắng giải tướng ẩm ướt bên trong.

Kế đến nắm giữ các tướng hỏa đại bên ngoài, đó là lúc nóng nực, mặt trời gay gắt, lửa cháy hùng hực đốt cháy núi non, ao đầm, cỏ cây... Nắm giữ tướng đó rồi, lại khởi thắng giải tướng nóng ẩm bên trong.

Kế đến nắm giữ các tướng phong đại bên ngoài, đó là gió ở các phương đông, tây, nam, bắc, cho đến phong luân... Nắm giữ tướng ấy rồi, lại khởi thắng giải tướng gió bên trong.

Kế đến nắm giữ tướng không đại bên ngoài, đó là các phương không che chướng, không ngăn ngại, các lỗ hổng, khe hở, hang có khoảng trống chứa các sắc... Khéo nắm giữ tướng ấy rồi, lại phát khởi thắng giải tướng không giới bên trong.

Về sau do lực tăng thượng của nghe, nghĩ, nên sanh khởi phân biệt vi tế, nắm giữ tướng thức giới. Đó là nhãn xứ bên trong chẳng hoại, sắc xứ bên



ngoài hiện tiền, nếu không sanh khởi tác ý đúng lúc, thì chỗ phát sanh nhân thức cũng chẳng được sanh. Trái với tướng trên thì nhân thức được sanh. Như vậy cho đến ý, pháp, ý thức phải biết cũng vậy. Nắm giữ tướng đây rồi, lại khởi thắng giải biết rõ bốn đại trong thân có các chủng tử, giới, chủng tánh, tự tánh của tất cả thức.

Lại ở trong bốn đại chủng như vậy, trước khởi thắng giải các chi tiết lớn thô, sau phát khởi thắng giải vi tế, phân tách thành chủng chủng nhỏ nhiệm. Như vậy thứ lớp phân tách cho đến lượng nhỏ như bụi nhỏ, dần dần cho đến cực vi, mà khởi thắng giải. Lại khởi thắng giải mỗi một chi phần có vô lượng vi trần nhóm họp, hướng là tất cả chi phần trong thân. Như vậy gọi là trong quán giới sai biệt, thắng giải phân tách các sắc giới sai biệt, giới hạn nhỏ nhiệm vi tế.

Kế đến ở nơi không giới, trước nên phát khởi thắng giải các tướng lớn thô như chủng chủng lỗ huyết, hốc mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cổ họng. Thức ăn nuốt xuống được là nhờ yết hầu. Sau khi đã ăn nuốt, nhờ vào phần dưới, đẩy bất tịnh ra ngoài. Về sau, lại thứ lớp phát khởi chủng chủng thắng giải

vi tế, cho đến tất cả các lỗ chân lông nhỏ trên thân, phải rõ biết hết thấy.

Kế đến ở nơi thức giới, thứ lớp phát khởi thắng giải sở y, sở duyên, cùng với tác ý ba đời, thời khắc, vô lượng phẩm loại sai khác. Tức là lúc phát khởi thắng giải ở nơi thức giới, do thắng giải các sở y, sở duyên mà phân tách thức giới. Cũng phát khởi thắng giải ở nơi mười loại sắc sở tạo, như các đại chủng được phân tách nhỏ nhiệm, đây cũng như vậy.

Nếu khởi thắng giải ở nơi các giới sai biệt của thân mình, đây gọi là ở nơi các niệm trụ bên trong, trụ quán tuần theo kia. Nếu khởi thắng giải ở nơi sở hữu các giới còn lại, không thuộc sở hữu tình, đây gọi là ở trong các niệm trụ bên ngoài, trụ quán tuần theo kia. Nếu khởi thắng giải ở nơi sở hữu các giới còn lại, thuộc trong số các hữu tình, đây gọi là ở trong các niệm trụ trong ngoài, trụ quán tuần theo kia.

Lại có phương tiện khác. Đó là ở nơi thân mình khởi thắng giải như vậy: Khi xả thân này, cho đến lúc thân biến thành xanh bầm, máu ứ, rồi mủ thối rữa, tức phát khởi chủng chủng thắng giải

mủ thối chảy dây lan rộng thêm, cho đến mủ ngập tràn biên tế của đại hải, đại địa. Đã phát khởi thặng giải mủ thối rửa ngập tràn như vậy, kế lại phát khởi thặng giải tướng lửa thiêu đốt. Đó là vô lượng vô biên phẩm loại sai biệt của thân phần dây bị lửa lớn hội tụ đốt cháy thành vô lượng vô biên phẩm loại tro tàn. Lửa đã tắt, lại phát khởi thặng giải xương tro còn sót lại. Lại khởi thặng giải vô lượng vô biên tro nát vụn dây thành mặt vụn. Lại khởi thặng giải vô lượng gió lớn thổi mặt bay tứ tán khắp muôn phương. Đã rải khắp nơi rồi, lại không quán thấy xương tro bị thổi bay và gió thổi, chỉ thấy còn lại không giới mịt mù.

Như vậy do tác ý thặng giải dây, nương gia hạnh bất tịnh bên trong, bên ngoài, nhập vào các giới sai biệt, ở nơi tướng thân đó, trụ quán tuần thân. Từ đây thú nhập tác ý chân thật. Đó là do tác ý thặng giải như vậy, ở nơi nội ngoại thân, trụ quán tuần thân.

Do lực thặng giải, nên thực hành vô lượng vô biên tướng thủy giới, hỏa giới, địa giới, phong giới, hư không giới như sau: “Ta từ vô thủy lưu chuyển trong sanh tử, trải qua vô lượng vô biên các giới

khác nhau. Còn hơn đây, nước mắt mà ta đã khóc do cha mẹ, anh em, chị em, bạn thân, quyến thuộc ly tán chết đi, cũng do tài bảo, thân hữu, địa vị, danh tước ly tán hoại mất; lại sữa mẹ mà ta đã uống, lại máu chảy đầm đìa do giặc cướp, đào tường, khoét vách, phải chịu vô lượng hình phạt gia hại đến thân. Như vậy chỗ có nước mắt, sữa, máu, thuộc về thủy giới. Nước trong bốn biển lớn tràn đầy, so với đây trăm phần chẳng kịp một, nói rộng như trước.

Lại đối với các hữu, các cõi trong sanh tử, phải trải qua vô lượng lửa dùng thiêu đốt thi hài, như vậy gom nhóm hỏa lại cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng thi hài vất bỏ nơi đất, cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng phong giới sanh khởi rồi tan diệt, phân tán thi hài khắp nơi, cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng các lỗ huyết của thi hài, cũng không thể lấy gì so sánh. Lại trải qua vô lượng các thức lưu chuyển, thi hài sau sau mới mới phát khởi, cho đến ta nay là thi hài sau cùng, các thức lưu chuyển”. Như vậy an lập các cõi trước sau kỳ hạn không nhất định, cho đến vô lượng thức giới.

Lại nữa, người mới tu nghiệp chánh gia hạnh ở nơi *A-na-ba-na niệm*, trước nên thắng giải ở nơi tướng gió vào ra qua lại của nhà có cửa sổ, cửa trước, cửa sau, hoặc thợ rèn sắt, hoặc thợ luyện vàng bạc, hoặc ống tre, cổ họng, hoặc tụ gió bên ngoài ra vào đến đi. Khéo nắm giữ tướng đây rồi, do duyên theo hơi thở vào ra bên trong, ở nơi hơi thở vào ra mà phát khởi thắng giải. Trước phát khởi thắng giải gió nơi hơi thở vi tế của thân mình, đi qua tim, ngực, chỗ thô, huyết thô. Về sau thứ lớp phát khởi thắng giải ở nơi nhiều loại gió, như phát khởi thắng giải tất cả lỗ chân lông đều có gió theo đó đi vào. Như vậy tất cả sở hữu thân phần bị gió gom tụ đi theo, bị gió gom tụ nhiếp lấy, bị gió gom tụ ẩn tàng, vô lượng gió gom tụ bên trong như hoa đầu-la-miên (bông gòn). Ở nơi các tướng như vậy mà phát khởi thắng giải.

Người kia tác ý tư duy bên trong hơi thở ra, hơi thở vào lưu chuyển không ngừng, bấy giờ gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu lại tác ý tư duy thi hài của người khác đã bị biến hoại thành xanh bầm, máu ứ.. lúc ấy hơi thở vào, hơi thở ra bị đoạn dứt, bấy giờ gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần

thân. Nếu lại khởi thắng giải ở nơi thân mình lúc sắp chết, hoặc lúc đã chết, lúc ấy hơi thở ra, hơi thở vào không có lưu chuyển. Lại phát khởi thắng giải nếu lúc chưa chết, hơi thở ra hơi thở vào không còn lưu chuyển. Do pháp nhĩ này, nên bấy giờ gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Khắp trong tất cả gia hạnh, phải tu gia hạnh trợ bạn phẩm thượng, gia hạnh nhiếp thuộc phẩm thượng, gia hạnh không điên đảo như thế. Tất cả còn lại nên biết như trước.

Như vậy, người mới tu nghiệp được sự dạy bảo chân chánh, lúc tu chánh hạnh cần phải an trụ mãnh liệt, đầy đủ niệm chánh biết, điều phục tất cả tham ưu thế gian. Nếu ở trong chánh gia hạnh như vậy thường xuyên tu hành, rốt ráo tu hành, tác ý không điên đảo, không bị sự huyền não làm nhiều loạn, gọi là mãnh liệt. Nếu ở trong chánh gia hạnh như vậy tu tập Tỳ-bát-xá-na, Xa-ma-tha, quán xét sâu kỹ, nhận biết rõ khắp tướng loạn, không loạn, gọi là đầy đủ niệm chánh biết. Nếu năng nắm giữ tướng chán lìa, tướng hân lạc, gọi là điều phục tất cả tham ưu thế gian. Do nhân duyên đây, nên nói: “Vị kia năng an trụ mãnh liệt, cho

đến điều phục tham ưu thế gian”.

Lúc ban đầu phát khởi gia hạnh chân chánh, tâm tánh nhất cảnh, thân tâm khinh an vận chuyển yếu kém, khó thể nhận biết. Lại do tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng hơn nữa, nên thân tâm lắng trong, thân tâm điều nhu, thân tâm khinh an. Tâm tánh nhất cảnh, thân tâm khinh an yếu kém trước kia, nay dần thêm tăng trưởng, kham năng dần phát mạnh mẽ, dễ nhận biết rõ ràng hơn. Đây do lực của nhân triển chuyển dẫn phát đạo lý phương tiện. Không bao lâu, người kia bấy giờ phát khởi càng mạnh mẽ, đạt được sự nhận biết dễ dàng thân tâm khinh an, tâm tánh nhất cảnh. Như vậy cho đến có được tướng đầu tiên ở nơi thượng đẳng phát khởi dường như trì nặng, nhưng không phải tướng tổn não. Tức do tướng đây phát khởi bên trong, nên tánh tâm thô trọng làm chướng ngại việc vui tu đoạn trừ các phẩm phiền não, đều được trừ diệt. Năng đối trị kia, tánh tâm điều nhu, tánh tâm khinh an đều được sanh khởi. Do sự sanh khởi này, năng thuận theo đó sanh khởi thân khinh an. Phong đại tăng thêm, nhiều đại chủng đến nhập vào trong thân. Do đại chủng

nhập vào thân đây, nên tánh thân thô trọng làm chướng ngại việc tu đoạn trừ phẩm phiền não, đều được trừ diệt. Năng đối trị kia, tánh thân điều nhu, tánh thân khinh an trải khắp trong thân, hình trạng như tràn đầy. Lúc tánh kia mới bắt đầu phát khởi khiến tâm hưng phấn, khiến tâm vui vẻ đồng hành hoan hỷ, khiến tâm hỷ lạc, tánh cảnh sở duyên hiện diện trong tâm. Từ đây về sau, vị kia bắt đầu phát khởi sức mạnh của sự khinh an dần dần nổi lỏng chậm đi, đạt đến khinh an vi diệu hành chuyển theo thân, hành chuyển trong thân. Do nhân duyên đây, tâm tánh phấn khởi dần dần lắng xuống, do Xa-ma-tha nhiếp trì nên tâm hành chuyển theo sở duyên tịch tĩnh. Từ đây về sau, người mới tu nghiệp hạnh Du-già được gọi là có tác ý, bắt đầu nhiếp vào trong số có tác ý. Vì có sao? Do vị đây ban đầu đạt được ít phần chánh tác ý định địa vi diệu nhiếp thuộc Sắc giới, do nguyên nhân đây nên được gọi là có tác ý.

Người mới tu nghiệp được chánh tác ý đây, có tướng trạng như sau: Đó là đã đạt được ít phần tâm định nhiếp thuộc Sắc giới. Đạt được chút phần thân tâm khinh an, tâm tánh nhất cảnh. Có lực,



có khả năng khéo tu tập gia hạnh sở duyên tịnh hoặc, khiến tâm tương tục tươi mới thấm nhuần mà chuyển. Nhờ vào sự nhiếp trì của Xa-ma-tha năng thanh tịnh các hành, tuy hành trong vô số cảnh đáng thích, mà tham triền mãnh lợi cũng không sanh khởi. Tuy sanh khởi chút ít, mà chỉ cần đối trị chút ít bằng cách tạm thời tác ý, liền năng trừ khiến. Như cảnh đáng thích, thì cảnh đáng ghét, đáng mê muội, đáng sanh kiêu mạn, đáng tầm tư nên biết cũng vậy.

Tĩnh tọa trong thất, tạm giữ gìn tâm, thân tâm khinh an lớp lớp sanh khởi. Không bị sự bức não cùng cực của các tánh thân thô trọng. Không bị các cái hiện hành quá mức. Không bị sự quyến luyến hiện hành quá mức. Không vui ưu tư đồng hành với các tác ý của tướng. Tuy từ định khởi, ra ngoài kinh hành, mà có ít phần thế lực của sự khinh an còn sót lại chuyển theo thân tâm. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tướng trạng thanh tịnh của người có tác ý.



## Quyển 33

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 4 của DU GIÀ XỨ - Thứ 1

Lại Ốt-Đà-Nam nói:

*Bảy tác ý ly dục  
Và biện rộng các định  
Hai định, năm thân thông  
Các tướng sanh sai biệt  
Quán sát nơi các đế  
Như thật mà thông đạt  
Rộng phân biệt nơi tu  
Cứu cánh là rốt sau.*

Các thầy Du-già đã đắc tác ý, đã nhập ít phần an vui trong việc tu đoạn, từ đây về sau chỉ có hai hướng, trọn không có đường nào khác. Những gì là hai? 1. Thế gian; 2. Xuất thế gian.

Các thầy Du-già mới tu nghiệp kia, do tác ý đây, hoặc suy nghĩ: “Ta sẽ hướng đến con đường thế gian”, hoặc suy nghĩ: “Ta sẽ hướng đến con

đường xuất thế gian”.

Lại nhiều tu tập tác ý trên. Như như tu tập rất nhiều đối với việc trên, như vậy như vậy đạt được thân khinh an, tâm tánh nhất cảnh. Trải qua tất cả thời gian, ngày đêm... triển chuyển tăng trưởng càng thêm rộng lớn. Nếu tác ý đây triển chuyển tương tục, bền vững, mạnh mẽ, khiến phát khởi thắng giải sở duyên thanh tịnh. Ở nơi phẩm Xa-ma-tha và phẩm Tỳ-bát-xa-na, khéo nắm giữ tướng kia. Vị kia lúc bấy giờ, hoặc vui hưởng đến đạo thế gian mà phát khởi gia hạnh, hoặc vui hưởng đến đạo xuất thế gian mà phát khởi gia hạnh.

**Hỏi:** Có bao nhiêu loại bổ-đặc-già-la ở trong hiện pháp phát khởi gia hạnh vui hưởng đến đạo thế gian, chẳng phải đạo xuất thế gian?

**Đáp:** Lược có 4 loại. Những gì là bốn? 1. Tất cả ngoại đạo; 2. Người ở trong chánh pháp mà căn tánh yếu kém, mới tu chánh hạnh; 3. Căn tánh tuy thông lợi, nhưng thiện căn chưa chín muồi; 4. Tất cả Bồ-tát vui chứng Đại Bồ-đề ở đời vị lai, chẳng phải ở hiện pháp. Bốn loại bổ-đặc-già-la như vậy, ở trong hiện pháp phát khởi gia hạnh vui hưởng đến đạo thế gian.

Người phát khởi gia hạnh vui hưởng đến đạo thế gian lại có hai loại: 1. Người đầy đủ trói buộc, đó là các dị sanh; 2. Người không đầy đủ trói buộc, đó là các bậc hữu học.

Việc đây lại thế nào? Trước quán Dục giới là tánh thô. Quán Sơ tinh lự, hoặc định, hoặc sanh là tánh tinh. Phát khởi gia hạnh ly dục Dục giới, như vậy cho đến phát khởi gia hạnh ly dục Vô sở hữu xứ.

Lại nương tinh lự... năng dẫn phát vô tướng định... và hiển phát năm thần thông... Lại tức nương ở đây, hoặc sanh, hoặc tướng, đều sẽ nói rộng. Để ly dục Dục giới, phải siêng tu quán hành. Các thầy Du-già do 7 tác ý mới năng đạt được ly dục Dục giới. Bảy chủng tác ý là gì? 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý xa lìa; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý gia hạnh rốt ráo; 7. Tác ý quả gia hạnh rốt ráo.

Sao gọi là *tác ý liễu tướng*? Là tác ý năng nhận biết rõ một cách chân chánh tướng thô của Dục giới, tướng tinh của Sơ tinh lự.

Sao gọi là nhận biết rõ tướng thô của Dục giới? Tức là chân chánh tâm tư 6 việc của Dục giới.

Những gì là sáu? **a.** Nghĩa; **b.** Sự; **c.** Tướng; **d.** Phẩm; **e.** Thời; **f.** Lý.

**a.** *Sao gọi là tâm tư nghĩa thô của các dục?*  
 Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục như vậy có nhiều quá hoạn, có nhiều tổn não, có nhiều bệnh tật, có nhiều tai hại”. Ở trong các dục có nhiều nghĩa quá hoạn, nói rộng cho đến có nhiều nghĩa tai hại, nên gọi là nghĩa thô.

**b.** *Sao gọi là tâm tư sự thô của các dục?* Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục có tham dục bên trong, có tham dục bên ngoài”.

**c.** *Sao gọi là tâm tư tự tướng thô của các dục?*  
 Chân chánh tìm tòi tư duy: “Đây là phiền não dục, đây là sự dục”. Đây lại có ba dạng: 1. Nơi thuận thọ vui; 2. Nơi thuận thọ khổ; 3. Nơi thuận thọ không khổ không vui.

Nơi thuận thọ vui: là chỗ nương của tham dục, là chỗ nương của tâm tưởng điên đảo.

Nơi thuận thọ khổ: là chỗ nương của sân khuê, là chỗ nương của phần hận.

Nơi thuận thọ không khổ không vui: là chỗ nương của ngu si, là chỗ nương của che đậy, ưu não, đối nịnh, không tầm, không quý, là chỗ nương của

nhận thức điên đảo.

Như vậy, nên chánh tâm tư “các dục là sự theo đuổi của các cảm thọ cực ác, là sự theo đuổi của các phiền não cực ác”. Đây là tâm tư tự tướng thô của các dục.

*Sao gọi là tâm tư cộng tướng của các dục?*  
Chân chánh tâm tòi tư duy: “Tất cả các dục đây chịu sự theo đuổi, chịu sự trói buộc của sanh khổ, lão khổ, cho đến cầu không được khổ... Những kẻ thọ dục chuyển theo sự trói buộc truy đuổi của đầy đủ các dục, cũng vì chưa thoát khỏi pháp sanh... Dù các dục kia khả ái thù thắng đến đâu, cũng chỉ là tạm thời có”. Đây gọi là tâm tư cộng tướng của các dục.

**d.** *Sao gọi là tâm tư phẩm thô của các dục?*  
Chân chánh tâm tòi tư duy: “Các dục như vậy đều rơi trong phẩm hắc, giống như xương khớp, như máu thịt đông máu, như bó thuốc cỏ, như than lửa, như rắn độc lớn, như chiêm bao, như mượn vật trang sức, như quả chín đầu cành. Những kẻ truy cầu các dục, ở trong các dục lãnh thọ các khổ do truy cầu gây nên, lãnh thọ các khổ do bảo quản giữ gìn gây nên, lãnh thọ các khổ do hoại mất tình

thân thuộc gây nên, lãnh thọ các khổ do không biết chán đủ gây nên, lãnh thọ các khổ do không tự tại gây nên, lãnh thọ các khổ do ác hạnh gây nên, tất cả như vậy nên biết như trước đã nói. Như Đức Thế Tôn dạy rằng tập quen gần gũi các dục sẽ có năm quá hoạn: 1. Các dục kia rất ít vị ngon ngọt, nhiều các khổ não, nhiều các quá hoạn; 2. Các dục kia khi đã tập quen gần gũi, khiến không nhàm chán, khiến không thỏa mãn, khiến không no đủ; 3. Các dục kia thường bị chư Phật và đệ tử Phật, các bậc hiền thiện chánh hạnh chánh chí, dùng nhiều phương tiện quả mắng chê trách; 4. Các dục kia lúc đã tập quen gần gũi, năng khiến các kiết sử tích tụ tăng trưởng; 5. Các dục kia lúc đã tập quen gần gũi, thì không có nghiệp ác bất thiện nào mà không làm.

Các dục như vậy khiến không biết nhàm đủ, nhiều sự hợp lại mà có, là nhân của hành phi pháp, hành ác, khiến tăng trưởng ái dục. Là điều mà bậc trí phải xa lìa, nhanh chóng hướng đến tiêu diệt. Nương gởi các duyên, là lãnh địa chứa chấp sự phóng dật nguy hại. Là pháp của hư ngụy, vô thường, hoại mất, giống như trò huyền hóa, lừa

dối mê hoặc kẻ ngu. Hoặc dục ở hiện pháp, hoặc dục ở hậu pháp, hoặc dục của cõi trời, hoặc dục của cõi người... tất cả đều là chỗ hành của ma, chỗ trú của ma. Nơi đây, nương ý năng sanh vô lượng pháp ác bất thiện như tham, sân, giận, căi... Dục đây năng làm chướng ngại các Thánh đệ tử đang tu học chân chánh. Do hết thấy nhân duyên sai khác như vậy, nên phần nhiều các dục rơi vào phẩm hắc”. Đây gọi là tầm tư phẩm thô của các dục.

e. *Sao gọi là tầm tư thời thô của các dục?* Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục như vậy, ở đời quá khứ vị lai hiện tại, ở mọi thời, ở mọi lúc, nhiều các quá hoạn, nhiều các tổn não, nhiều các tai họa, nhiều các bệnh tật”. Đây gọi là tầm tư thời thô của các dục.

f. *Sao gọi là tầm tư lý thô của các dục?* Chân chánh tìm tòi tư duy: “Các dục như vậy cần tư lương lớn, cần truy cầu lớn, ra nhiều công sức và vô lượng vô số sự nghiệp công xảo khác mới có thể nhóm họp, sanh khởi, tăng trưởng”.

Lại các dục kia tuy tốn nhiều công sức mới được sanh khởi, tăng trưởng, nhưng tất cả phần nhiều nhiếp thọ các việc bên ngoài, đó là cha mẹ,



vợ con, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc. Hoặc để đối trị sắc thân tứ đại thô trọng bên trong của bản thân, đó là cơm cháo nuôi dưỡng, thường phải che đậy, xoa bóp tắm rửa. Nhưng khi thân này hủy hoại, ly tán, tiêu diệt, theo đó vô số khổ não sanh khởi. Thức ăn năng đối trị các khổ đói khát. Y phục năng đối trị các khổ lạnh nóng và năng che đậy những chỗ đáng xấu hổ. Giường nằm năng đối trị các khổ do mệt nhọc ngủ nghỉ và năng đối trị các khổ do an trú, kinh hành. Thuốc năng đối trị các khổ bệnh tật. Cho nên các dục chỉ năng đối trị thuận theo chỗ sanh khởi chủng chủng khổ não. Lúc thọ dụng không nên nhiễm đắm, chỉ nên chánh niệm, ví như người bị bệnh nặng bức bách, chỉ vì trừ bệnh mà phải uống thuốc.

Lại các dục kia có chí giáo lượng, chúng biết là có tướng thô. Lại các dục kia có sở hữu tướng thô như vậy, trí kiến bên trong của ta hiện chuyển. Lại các dục kia có tỷ độ lượng, biết là có tướng thô. Lại các dục kia từ vô thủy đến nay, bản tánh thô uế, pháp tánh thành tựu, pháp tánh khó nghĩ bàn, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt.

Đây gọi là tầm tư lý thô của các dục.

Như vậy gọi là do sáu sự nên nhận biết rõ tướng thô của các dục Dục giới.

Lại năng nhận biết rõ sở hữu tướng tinh của Sơ tinh lự, đó là tất cả tánh thô của Dục giới, ở Sơ tinh lự đều không chỗ có. Do là các tánh thô của Dục giới, ở trong Sơ tinh lự nói là có tánh tinh. Đây gọi là nhận biết rõ tướng tinh của Sơ tinh lự. Tức do tác ý định địa như vậy, ở Dục giới biết rõ là tướng thô, ở Sơ tinh lự biết rõ là tướng tinh. Đây gọi là *tác ý liễu tướng*. Ở tác ý đây, sự văn-tư vẫn còn gián đoạn xen tạp.

Vị kia đã tầm tư như lý như vậy, từ đây về sau vượt qua văn-tư, chỉ ứng dụng tu hành, phát khởi thắng giải ở nơi tướng sở duyên, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đã tu tập rồi, luôn phát khởi thắng giải ở nơi tướng thô, tướng tinh đã tìm tòi tư duy. Như vậy gọi là *tác ý thắng giải*.

Vị kia ở nơi thắng giải đây khéo tu khéo tập, khéo tu tập nhiều làm nhân duyên, ban đầu sanh khởi đạo đoạn trừ các phiền não. Tức là tác ý đồng hành đạo đoạn trừ phiền não sanh khởi. Đây gọi là *tác ý xa lìa*.

Do ban đầu năng đoạn trừ các phiền não cần

phải đoạn trừ trước tiên của Dục giới và năng trừ khiến tánh thô trọng của phẩm phiền não kia, từ đây về sau, vui thích trong việc đoạn trừ, vui thích trong việc xa lìa. Trong sự tu đoạn, biết được công đức thù thắng, nên riêng chứng chút phần hỷ lạc của sự xa lìa. Vì muốn đoạn trừ hôn trầm, thù miên, trạo cử... vào thời gian này, tác ý hân lạc, sanh sâu vui mừng hơn hở; vào thời gian kia, tác ý chán lìa, sanh sâu nhằm chán họa hoạn. Như vậy gọi là *tác ý nhiếp lạc*.

Vị kia do vui đoạn, vui tu như vậy, chánh tu gia hạnh, giữ gìn phẩm thiện pháp. Hoặc đi, hoặc đứng, các phiền não triền hệ buộc Dục giới không hiện hành trở lại. Bèn khởi nghĩ này: “Ta nay ở trong các dục, có phiền não tham dục mà không nhận biết, hay là không có chăng?”. Để quán sát sâu kỹ sự việc như vậy, cần dùng tác ý tư duy theo một chủng tướng tịnh diệu khả ái. Do vẫn còn chưa vĩnh viễn đoạn tận các tùy miên, cho nên lúc tư duy tướng tịnh diệu ấy, vị kia, lại phát khởi tâm tập quen gần gũi, tâm đi đến tập quen gần gũi, tâm nhập vào tập quen gần gũi; không thể an trụ nơi xả, không thể nhằm chán hủy hoại, không thể chế

phục trái lìa. Lúc bấy giờ, vị kia khởi nghĩ: “Ta chưa giải thoát khỏi các dục. Tâm ta vẫn chưa chứng đắc giải thoát thật sự. Tâm ta vẫn bị chế phục bởi các hành, như nước bị ngăn lại, chưa chế phục được tánh pháp. Ta nay vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ các tùy miên, nên phải nỗ lực siêng năng an trụ vui đoạn, vui tu”. Như vậy gọi là *tác ý quán sát*.

Từ đây càng thêm vui đoạn, vui tu, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, cẩn trọng quán sát, tu tập đối trị, thời thời quán sát chỗ đã đoạn trước. Do nhân duyên đây, từ tất cả phiền não trói buộc thuộc Dục giới, tâm thoát khỏi sự trói buộc của nó. Đây chỉ do phương tiện điều phục tạm thời, chẳng phải vĩnh viễn đoạn hại rốt ráo chủng tử. Đương lúc bấy giờ, đối với Sơ tinh lự, đạo gia hạnh tu tập trước kia đã được rốt ráo, nên năng sanh khởi tất cả tác ý để đối trị phiền não. Đây gọi là *tác ý gia hạnh* rốt ráo.

Từ đây tu tập không gián đoạn. Do nhân duyên đây, chứng nhập căn bản Sơ tinh lự định. Tức là tác ý đồng hành với căn bản Sơ tinh lự định đây gọi là *tác ý quả gia hạnh* rốt ráo.

Lại trong giai đoạn tác ý xa lìa, tác ý nhiếp lạc hiện tại triển chuyển, khiến thân vui thích, ly sanh hỷ lạc; vào thời gian sau, hiện tiền mỏng dần. Lúc tác ý gia hạnh rốt ráo triển chuyển, hỷ lạc kia triển chuyển tăng trưởng rộng lớn, vào thời gian sau, hiện tiền càng thêm sâu thẳm. Lúc tác ý quả gia hạnh rốt ráo chuyển, ly sanh hỷ lạc trải khắp thân phần, không đâu không sung mãn, không hề gián đoạn. Bấy giờ vị kia xa lìa các dục, xa lìa tất cả pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, ở Sơ tinh lự viên mãn năm chi, đầy đủ an trụ. Đây gọi là an trụ quả tu đối trị Dục giới, cũng gọi là tùy chứng đắc ly dục Dục giới.

Lại do tác ý liễu tướng, năng chánh rõ biết điều nên đoạn trừ, năng chánh rõ biết điều nên chứng đắc. Vì đoạn nên đoạn, vì đắc nên đắc, tâm sanh khởi mong muốn tác ý thắng giải. Vì đoạn, vì đắc, nên chánh phát khởi gia hạnh. Tác ý xa lìa năng xả sở hữu phiền não bậc thượng. Tác ý nhiếp lạc năng xả sở hữu phiền não bậc trung. Tác ý quán sát năng đối với điều đã chứng đắc, xa lìa tăng thượng mạn, nơi tâm an trụ. Tác ý gia hạnh rốt ráo năng xả sở hữu phiền não bậc hạ. Tác ý

quả gia hạnh rất ráo năng chánh lãnh thọ quả của việc khéo tu tập tác ý kia.

Lại hoặc tác ý liễu tướng, hoặc tác ý thắng giải, gọi chung là tác ý tùy thuận, đồng hành với sự đối trị là nhằm chán hủy hoại. Hoặc tác ý xa lìa, hoặc tác ý gia hạnh rất ráo, gọi chung là tác ý đối trị, đồng hành với sự đối trị là đoạn. Hoặc tác ý nhiếp lạc gọi là tác ý đối trị và tác ý thuận thanh tịnh. Hoặc tác ý quán sát gọi là tác ý thuận quán sát. Ngoài ra bốn chủng tác ý nên biết nhiếp vào trong sáu tác ý, đó là tác ý tùy thuận, tác ý đối trị, tác ý thuận thanh tịnh và tác ý thuận quán sát.

Như Sơ tĩnh lự định có bảy chủng tác ý, thì Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ tĩnh lự định và Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định nên biết mỗi định cũng có bảy chủng tác ý.

Nếu muốn chứng nhập Đệ nhị tĩnh lự, thì đối với có tầm có tứ của Sơ tĩnh lự địa nhận biết rõ tướng thô, đối với không tầm không tứ của Đệ nhị tĩnh lự địa nhận biết rõ tướng tĩnh. Nên biết đây gọi là tác ý liễu tướng. Vị kia đã chứng nhập Sơ tĩnh lự định, đắc Sơ tĩnh lự, lại năng chánh rõ biết

ở nơi các tâm tứ quán là tánh thô. Nếu ở định đây, nơi duyên ban đầu thoát khởi, hành cảnh vội vàng sơ sài, tánh ý lời thô, gọi là tầm. Ở nơi duyên kia, theo kia mà phát khởi, theo kia mà hành chuyển, hành cảnh chậm rãi chi tiết, tánh ý lời tế, gọi là tứ.

Lại chánh rõ biết tâm tứ như vậy là tâm pháp tánh, khi tâm sanh thời sanh, cùng có tương ưng, cùng một duyên chuyển.

Lại chánh rõ biết tâm tứ nhiếp thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại như vậy, nương bên trong sanh, nhiếp thuộc chốn bên ngoài.

Lại chánh rõ biết tâm tứ như vậy từ nhân mà sanh, từ duyên mà sanh; hoặc tăng hoặc giảm, không tồn tại lâu, hiện hữu tạm thời, hiện tiền thoáng chốc, khiến tâm lao xao, khiến tâm tán động, hành chuyển không vắng lặng. Lúc mong cầu địa cao hơn, bị khổ đuổi theo. Cho nên đây đều nhiếp thuộc phẩm hắc, đuổi theo các dục, có được chút phần lợi ích của ly sanh hỷ lạc; tùy địa sở tại, tự tánh năng khiến có tướng như vậy. Ở thời gian lâu, sở duyên tâm hành có tâm có tứ, hành chuyển lao xao không được vắng lặng. Nếu biết có chủng

chúng hành tướng như vậy, tức ở nơi tâm tứ biết rõ tướng thô.

Lại chánh rõ biết không tầm không tứ Đệ nhị tinh lự, tất cả tướng thô như ở Sơ tinh lự địa đều không chỗ có, cho nên tuyên thuyết Đệ nhị tinh lự có tướng tinh. Nếu muốn chứng nhập Đệ nhị tinh lự, nên đều xa lìa tất cả tướng thô kia, tùy theo chỗ thích hợp mà có tác ý khác nhau, nên biết như trước. Như vậy cho đến nếu muốn chứng nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định, ở trong các địa kia, tùy theo chỗ thích hợp nên biết đều có bảy chủng tác ý.

Lại khắp ở tất cả địa dưới, từ Dục giới triển chuyển lên đến Vô sở hữu xứ, đều có tướng thô. Tướng thô lược có hai loại: 1. So với các địa trên, thì địa dưới là không tịch tĩnh, vì trụ khổ nhiều hơn; 2. So với địa trên, thì địa dưới có thọ mạng, thời phần ngắn hơn, còn địa trên có thọ mạng, thời phần ít giảm dần. Hai tướng thô đây là do sáu sự như trước đã nói, tùy theo đó mà tư duy đúng đắn. Nếu vui muốn ly dục của địa này để chuyển lên địa cao hơn, thì tư duy tướng tinh của địa kế tiếp so với địa muốn vượt khỏi, lần hồi cho đến



chúng đắc quả gia hạnh rất ráo.

Lại nữa, nói *ly dục* thì *ly* có hai loại: 1. *Ly* sự tương ứng; 2. *Ly* cảnh giới; *dục* có hai loại: 1. Phiền não dục; 2. Sự dục.

*Ly pháp ác bất thiện*: đây do phiền não dục làm nhân khiến phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện, tức là thân hành ác, ngữ hành ác, như cầm gậy, cầm dao, đấu tranh, kiện tụng, dối trá, lừa gạt, nói vọng ngữ... Do đoạn trừ những điều kia, nên nói là *ly pháp ác bất thiện*.

*Có tâm có tứ*: do ở nơi tâm tứ chưa thấy được quá thất, ở nơi tự địa vẫn còn tâm tứ các thiện đối trị Dục giới, cho nên gọi là có tâm có tứ.

*Ly*: vì đã đạt được tác ý gia hạnh rất ráo. *Sanh*: do đây làm nhân, do đây làm duyên, sanh khởi không gián đoạn. Cho nên gọi chung là *ly sanh*. *Hỷ lạc*: vì đã đạt được nghĩa mong muốn và ở nơi hỷ chưa thấy quá thất. Vì tất cả thô trọng đã trừ diệt và đã đạt được khinh an rộng lớn, thân tâm điều nhu thích ý, có khả năng kham nhiệm, gọi là *hỷ lạc*.

*Sơ*: từ Dục giới mới tiến lên, mới đạt được. Nương thuận theo số thứ tự, thì gọi đây là *Sơ*.

*Tĩnh lự*: ở nơi một sở duyên, buộc niệm tịch tĩnh, chánh suy nghĩ chiêm nghiệm sâu, nên gọi là tĩnh lự.

*Đầy đủ*: vì đã đạt được tác ý quả gia hạnh rốt ráo. *An trụ*: vào lúc sau, do sự tu tập đạt được nhiều thành tựu, được tùy sở thích, được không khó khăn, được không ngăn ngại rít rắm. Ở trong tĩnh lự định, tâm đem ngày năng chánh thuận theo, thú hưởng, nhập vào, tùy chỗ vui thích, cho đến năng chánh an trú trong bảy ngày bảy đêm, gọi là an trụ.

Lại ở nơi tướng tam-ma-địa có tầm có tứ, tâm năng xả bỏ. Ở nơi tướng tam-ma-địa không tầm không tứ, buộc niệm an trụ. Ở nơi cảnh giới sở hành vội vàng sơ sài, năng chánh xa lìa. Ở nơi cảnh giới sở hành chậm rãi chi tiết, tâm an trú, chuyển theo một vị tịch tĩnh, cực tịch tĩnh. Cho nên nói là *tâm tứ tịch tĩnh, bên trong thấy đều thanh tịnh*.

Lại vị kia ở trong Tam-ma-địa không tầm không tứ, xuyên suốt tu tập, nên vượt qua vị tầm tứ có gián đoạn có khuyết hở, năng chánh đạt được vị không gián đoạn không khuyết hở, cho nên nói là *tâm nhất thú hưởng*.

*Không tâm không tứ*: tất cả tâm tứ thấy đều đoạn trừ.

*Định*: vì đã đạt được tác ý gia hạnh rất ráo.

*Sanh*: do đây làm nhân, do đây làm duyên, phát sanh không gián đoạn. Cho nên gọi là định sanh.

*Hỷ lạc*: vì đã đạt được nghĩa như mong muốn. Lại ở trong hỷ chưa thấy quá thất, có hân có hỷ. Vì tất cả thô trọng, các phẩm phiền não, tất cả tâm tứ ở Sơ tĩnh lự đều xa lìa. Khinh an rộng lớn năng đối trị kia, thân tâm điều nhu, vì kham năng đuổi theo lạc, gọi là có hỷ lạc.

*Đệ nhị*: Nương thuận theo số thứ tự, thì đây gọi là Đệ nhị.

Như vậy còn lại nên biết đều như trước.

Lại ở nơi tướng hỷ kia thấy sâu quá thất, cho nên nói là *lìa ham muốn đối với hỷ*. Lại lúc bấy giờ xa lìa hai chủng tai họa nhiều loạn tâm, năng ở nơi Đệ tam tĩnh lự lìa hỷ, nhiếp trì tâm. Trước ở Đệ nhị tĩnh lự đã lìa tâm tứ, nay ở trong đây lại lìa hỷ, cho nên nói là *an trụ nơi xả*. Hai pháp sau năng nhiều loạn tâm, chướng ngại sự xả vô gián: 1. Vì trong Sơ tĩnh lự có tâm có tứ, khiến cho sự xả vô gián không vận chuyển tự tại được; 2. Ở Đệ nhị

tĩnh lự, do có hỷ khiến cho sự xả vô gián cũng không vận chuyển tự tại được. Cho nên xả đây ở Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự đều không có. Do nhân duyên đây, người tu tĩnh lự ở Đệ tam tĩnh lự mới gọi là có xả. Vì có xả, như như an trụ sở hữu chánh niệm, như vậy như vậy tướng đồng hành với hỷ kia và tác ý không hiện hành trở lại. Nếu trong Đệ tam tĩnh lự đây mà không khéo tu tập, một khi bị thất niệm thì tướng đồng hành hỷ kia và tác ý có lúc hiện hành trở lại. Vừa mới thoát hiện, liền nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, năng chánh biết rõ, tùy theo chỗ sanh khởi đều không chịu thọ, phương tiện xả bỏ, trừ diệt, nhổ bỏ, tâm trụ xả bậc thượng. Cho nên nói là có *chánh niệm, chánh biết*.

Vị kia, lúc bấy giờ an trụ xả như vậy, chánh niệm chánh biết, thân cận tu tập, nhiều tu tập, khiến tâm phấn tấn vui mừng đồng hành thọ hỷ liền được trừ diệt. Vì lìa hỷ, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh và tâm thọ trái với hỷ sanh khởi, bấy giờ sắc thân, ý thân lãnh nạp thọ lạc và lạc khinh an. Cho nên nói là có *lạc thân thọ*.

Các địa từ Đệ tam tĩnh lự trở xuống không có lạc và xả vô gián như vậy. Các địa từ Đệ tam tĩnh

lự trở lên, tuy lại có thể chứng đắc xả vô gián, mà không có lạc. Vì xả và lạc của các địa dưới đều không có, còn các địa trên có xả mà không lạc, cho nên nói ở địa đây *chư Thánh tuyên nói là Đệ tam tinh lộ*. Nương nơi đây, bổ-đặc-già-la đã được an trú, đầy đủ niệam xả cùng với chánh biết, trụ lạc thân thọ, đầy đủ an trụ Đệ tam tinh lộ. Nói *chư Thánh*, đó là Phật Thế Tôn và các đệ tử.

Lại nữa, trong đây vì thế lực của chủng loại đối trị giống nhau, nên lược không nói *đối trị lạc đoạn*, mà chỉ nói *lạc đoạn sở tác của đối trị*. Trong đây những gì gọi là đối trị? Đó là xả, niệam cùng với chánh biết. Do tức ở đây luôn tu tập mới năng xả bỏ, khiến không ra khỏi Đệ tam tinh lộ, cái lạc thù thắng của Đệ tam tinh lộ địa. Cho nên nói *do lạc đoạn vậy*.

Người tu tinh lộ tức lúc bấy giờ đều vượt qua sở hữu khổ vui. Do nhân duyên đây hoặc sở đoạn trước, hoặc sở đoạn hiện tại, đều gọi chung là lạc đoạn khổ đoạn. Ưu hỷ diệt trước tiên. Vì cơ sao? Bởi lẽ lúc nhập Đệ tứ tinh lộ định, thọ lạc dứt. Lúc nhập Đệ nhị tinh lộ định, thọ khổ dứt. Lúc nhập Đệ tam tinh lộ định, thọ hỷ mất. Lúc nhập Sơ tinh

lự định, thọ ưu mất. Trong đây hai thọ khổ lạc dứt, nên nói còn lại cái thọ không khổ không lạc. Cho nên nói vị kia bấy giờ *không khổ không lạc*. Từ Sơ tĩnh lược, tất cả tai họa của địa dưới đều đã đoạn dứt, đó là tâm tứ hỷ lạc, hơi thở ra hơi thở vào. Do kia đoạn, xả niệm thanh tịnh sáng sạch. Do nhân duyên đây, lúc chánh nhập định Đệ tứ tĩnh lược, tâm trụ vô động, xa lìa tất cả động loạn. Cho nên nói *xả niệm thanh tịnh*.

Đệ tứ tĩnh lược... nên biết tướng đây như Sơ tĩnh lược trước đã nói.

Lại nữa, vì lấy hư không mà phát khởi thặng giải. Ở chỗ có các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, có tướng hiển sắc nhưng do không hiển hiện và do nhàm chán muốn xa lìa, nên đều có thể vượt qua. Cho nên nói *vượt qua tướng sắc*.

Do không hiển hiện, vượt qua tướng kia, lấy đây làm nhân, nên ở nơi chỗ có các hiển sắc hòa hợp tích tụ thành chủng chủng phẩm loại kia, có tướng chướng ngại đều được trừ diệt. Cho nên nói *tướng có đối ngại diệt mất*.

Do xa lìa các tướng, lấy đây làm nhân, nên ở nơi chỗ có chủng chủng tụ sắc kia có các tướng như

ăn, uống, y phục, bình bồn, xe cộ, vật trang sức, quân, vườn, nhà, thành... triển chuyển sai biệt, nhưng không tác ý chuyển theo. Cho nên nói *không tác ý theo chủng chủng tướng*.

Sau khi đoạn trừ chủng chủng tướng có sắc, tướng có đối ngại, phát khởi thắng giải tướng hư không vô biên. Cho nên nói *nhập hư không vô biên*.

Do đã vượt qua phần cận cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định kế tiếp, tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Cho nên nói *đầy đủ an trụ Không vô biên xứ*. Nên biết trong đây, hoặc nương phần cận, cho đến chưa nhập căn bản định kế tiếp, chỉ duyên nơi hư không. Hoặc đã nhập căn bản định kế tiếp, cũng duyên hư không, cũng duyên sở hữu các uẩn của tự địa. Lại trong phần cận, cũng duyên sở hữu các uẩn của địa dưới.

Lại nữa, nếu do thức đây ở nơi Hư không vô biên mà phát khởi thắng giải, phải biết thức đây tương ưng với thắng giải tướng hư không vô biên. Nếu muốn nhập Thức vô biên xứ, trước nên xả tướng Hư không vô biên xứ. Tức là nương thức kia, kế đến khởi thắng giải hành tướng vô biên, bấy

giờ vượt qua phần cận, căn bản của Không vô biên xứ. Cho nên nói *vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên*. Do kia vượt qua sở hữu phần cận Thức vô biên xứ, cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định kế tiếp, tác ý quả gia hạnh rốt ráo, cho nên nói *đầy đủ an trụ Thức vô biên xứ*.

Lại nữa, từ Thức vô biên xứ lúc cầu tiến lên địa cao hơn, lìa ngoài thức đây mong cầu “cảnh khác đều không chỗ được”, tức là các sở hữu cảnh tánh tương ưng hoặc sắc, hoặc phi sắc. Lúc vị kia mong cầu cảnh giới đều không chỗ được, vượt qua phần cận và dùng căn bản Thức vô biên xứ, phát khởi thắng giải “cảnh khác đều không”. Đây gọi là *thắng giải giả tướng vô sở hữu*. Tức ở nơi thắng giải giả tướng như vậy, vì nhiều tu tập, năng vượt qua tất cả phần cận Vô sở hữu xứ, cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định, tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Cho nên nói *vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, không còn một chút sở hữu, đầy đủ an trụ Vô sở hữu xứ*.

Lại nữa, từ Vô sở hữu xứ muốn cầu tiến lên địa cao hơn, do tướng ở nơi Vô sở hữu xứ, khởi



tướng thô, liền năng xả bỏ tướng Vô sở hữu xứ đây. Do nhân duyên đây, lúc trước nhập Vô sở hữu xứ định vượt qua tất cả tướng có sở hữu, nay lại vượt qua tướng không sở hữu. Cho nên nói *phi hữu tướng*, tức là hoặc tướng có sở hữu, hoặc tướng vô sở hữu. Phi vô tướng, không phải như Vô tướng và Diệt tận định. Tất cả các tướng thấy đều tận diệt, chỉ có tướng vi tế, duyên cảnh vô tướng mà chuyển. Cho nên nói *Phi tướng phi phi tướng*. Tức lúc khởi thắng giải đối với xứ đây, vượt qua tất cả phần cận, căn bản Vô sở hữu xứ và phần cận Phi tướng phi phi tướng xứ, cho đến tác ý gia hạnh rốt ráo, ngay đó nhập căn bản định, tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Cho nên nói *vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đầy đủ an trụ Phi tướng phi phi tướng xứ*.

Lại nữa, trong đây lúc nhập tĩnh lự định, tướng trạng của thân như ở trong nhà trống. Lúc nhập vô sắc định, tướng trạng của thân như ở nơi hư không. Phải biết trong đây, do siêng tu gia hạnh tướng Xa-ma-tha, an trụ xả bậc thượng.

Lại nữa, nương tĩnh lự... nên biết năng nhập vào hai định vô tâm: 1. Vô tướng định; 2. Diệt tận định. Vô tướng định: chỉ có các dị sanh do dùng

phương tiện tác ý trái lìa xả bỏ tướng mà năng nhập. Diệt tận định: chỉ các bậc Thánh, do dùng phương tiện tác ý ngừng dứt tướng, thọ mà năng nhập.

Hai định như vậy, do hai phương tiện tác ý mà nhập vào. *Vô tướng định* do tác ý trái lìa tướng dùng làm tiền dẫn, siêng tu gia hạnh, dần dần năng nhập. *Diệt tận định* do từ Phi tướng phi phi tướng xứ, muốn cầu tiến lên địa cao hơn, nên dừng nghỉ tác ý sở duyên làm tiền dẫn, siêng tu gia hạnh, dần dần năng nhập. Nếu các dị sanh khởi nghĩ như vậy: “Các tướng như bệnh, các tướng như ung nhọt, các tướng như mũi tên, chỉ có vô tướng là tịch tĩnh vi diệu”. Do vậy, kia nhiếp thọ tác ý trái lìa tướng. Ở trong sự sanh khởi tất cả tướng, tinh cần tu tập tác ý không niệm. Do tu tập đây làm nhân duyên, trong đạo gia hạnh thì có vị tâm. Vô gián định, tâm không chuyển trở lại. Như vậy, tác ý lìa tướng làm tiền dẫn, đã lìa tham Biến tịnh, nhưng chưa lìa tham Quảng quả. Các tâm, tâm pháp diệt. Đây gọi là Vô tướng định. Do phương tiện như vậy, chúng đắc định đây. Nếu các bậc Thánh đã chứng đắc Phi tướng phi phi tướng xứ, lại muốn

tạm thời an trụ nơi tịch tĩnh, nương theo Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tâm cầu tiến cao hơn. Lúc tâm như vậy, cầu sở duyên của cõi cao hơn, lại thêm không sở đắc. Vì không sở đắc, nên diệt mà không chuyển. Như vậy, các bậc hữu học đã lìa tham Vô sở hữu, hoặc A-la-hán tác ý tưởng cầu an trụ tạm thời làm tiền dẫn, các tâm, tâm pháp diệt, gọi là Diệt tận định. Do phương tiện như vậy, chứng đắc định đây.

Lại nữa, nương tĩnh lực phát khởi năm thần thông. Phát khởi như thế nào? Nghĩa là người hành tĩnh lực đã đắc căn bản tĩnh lực thanh tịnh, tức dụng tĩnh lực thanh tịnh như vậy làm chỗ nương tựa. Do lực lắng nghe thọ trì chánh pháp về năm thần thông tăng thượng, khiến khéo rớt ráo. Đó là tác ý tư duy ở nơi Thần cảnh thông, Túc trụ thông, Thiên nhĩ thông, Sanh tử trí thông, Tâm sai biệt thông.

Lại phát khởi tác ý định địa, nên biết rõ nghĩa, biết rõ pháp. Vì biết rõ nghĩa, biết rõ pháp, nên tu tập sửa trị tâm. Do tu tập, nhiều tu tập như vậy, nên có thời có phần phát sanh quả tu là năm thần thông.

Lại tức biết rõ nghĩa, biết rõ pháp như vậy, vì muốn dẫn phát các thần thông.. nên tu 12 tướng. Những gì là mười hai? 1. Tướng nhẹ bổng; 2. Tướng nhu nhuyễn; 3. Tướng không giới; 4. Tướng thân tâm hòa hợp; 5. Tướng thắng giải; 6. Tướng thứ tự tùy nhớ các hành đã thọ; 7. Tướng hội tụ chủng chủng dạng loại âm thanh; 8. Tướng sắc tướng quang minh; 9. Tướng các sắc biến đổi do phiền não; 10. Tướng giải thoát; 11. Tướng thắng xứ; 12. Tướng biến xứ.

1. *Tướng nhẹ bổng*: do tướng đây nên thân phát khởi thắng giải nhẹ nhàng cất lên, hoặc như bông đầu-la-miên, hoặc như sợi tơ, hoặc như gió thoảng. Do phát khởi tác ý thắng giải như vậy, nên ở các nơi chốn khác nhau thân chuyển nhẹ nhàng, đó là từ giường cất nhẹ đặt lên ghế, từ ghế cất nhẹ đặt lên giường, từ giường cất nhẹ đặt lên thảm cỏ, từ thảm cỏ cất nhẹ đặt lên giường.

2. *Tướng nhu nhuyễn*: do tướng đây nên phát khởi thắng giải thân mềm mại, hoặc như túi bông, hoặc như lông thú, hoặc như lụa mềm. Tướng nhu nhuyễn đây trưởng dưỡng nhiếp thọ tướng nhẹ bổng, khi nhiếp thọ khiến tướng nhẹ bổng tăng

trưởng rộng lớn.

**3. Tưởng không giới:** do tưởng đây, trước nơi thân mình đã phát khởi thắng giải tưởng nhẹ bổng và tưởng nhu nhuyễn, nên đến đi tùy thích. Nếu trong không trung có các sắc tích tụ làm chướng ngại, bấy giờ liền khởi tác ý thắng giải, tức nơi sắc kia tác thắng giải hư không, thì có thể đi qua mà không bị ngăn ngại.

**4. Tưởng thân tâm hòa hợp:** do tưởng đây, hoặc dùng tâm hòa thuận với thân, hoặc dùng thân hòa thuận với tâm. Do đây khiến thân triển chuyển nhẹ bổng, triển chuyển nhu nhuyễn, triển chuyển có đủ lực kham năng, triển chuyển trong sáng. Tùy thuận tâm, hệ thuộc tâm, nương tâm mà chuyển.

**5. Tưởng thắng giải:** do tưởng đây nên hiểu biết chuyển xa thành gần, chuyển gần thành xa, chuyển thô thành tế, chuyển tế thành thô, chuyển đất thành nước, chuyển nước thành đất. Như vậy mỗi một đại chủng khác nhau, chuyển đổi qua lại lẫn nhau, rộng như thắng giải do biến hóa tạo thành, hoặc sắc biến hóa, hoặc thanh biến hóa.

Do tu tập thành tựu viên mãn năm tưởng đây, nên lãnh thọ chủng chủng vi diệu của thần cảnh

thông. Hoặc từ một thân thị hiện nhiều thân, là do tướng thắng giải hiện hóa. Hoặc từ nhiều thân thị hiện một thân, là do tướng thắng giải ẩn hóa. Hoặc dụng thân này đi qua các loại như tường vách, hào rãnh, các vật cản hiểm trở... không bị trở ngại. Hoặc ở nơi đất trời lên, thụt xuống như ở trong nước. Hoặc ở trong nước, dòng nước chảy, đến lui qua lại như đi trên đất. Hoặc như chim bay, ngồi thế kiết già, vọt lên không trung. Hoặc có uy lực rộng lớn, lấy tay sờ mặt trời mặt trăng. Hoặc dụng thân đây đến cõi Phạm thế, rồi tự tại quay về. Nên biết các loại thần biến như vậy đều do thắng giải nhiếp thọ tướng nhẹ bổng, tướng nhu nhuyễn, tướng không giới, tướng thân tâm hòa hợp, tùy theo điều mong muốn, tất cả đều có khả năng thực hiện.

Trong đây lược có hai dạng dụng thân tự tại hành chuyển đến lui cõi trời Phạm Thế: 1. Hồi chuyển qua lại tự tại; 2. Ở Phạm thế, trong bốn đại chủng, một phần tạo sắc, thuận theo lực thắng giải tự tại hành chuyển như ý thích.

**6. Tướng thứ tự tùy nhớ các hành đã thọ:** do tướng đây, từ giai đoạn thơ ấu cho đến hiện nay,

nhớ nghĩ tự tại không bị ngăn ngại. Tùy theo từng giai đoạn khác nhau, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, nói rộng tất cả hành đã thọ trước kia, từ tổng thể cho đến chi tiết đều rõ biết nhớ nghĩ. Vì tu tập, nhiều tu tập đối với việc đây nên chúng đắc quả tu, nói rộng cho đến tất cả hành tướng ở nơi vô lượng kiếp sống đời trước, tất cả điều đã nói đều có thể nhớ nghĩ.

*7. Tưởng hội tụ chủng chủng dạng loại âm thanh:* do tưởng đây, khắp ở những nơi có nhiều người hội họp như thôn xóm, làng mạc, hoặc ở chúng trưởng giả, hoặc chúng trong thôn xóm, hoặc các tạp chúng khác, hoặc ở nơi rộng lớn, hoặc nhà, hoặc phòng... vô số phẩm loại, những nơi phát sinh chủng chủng dạng loại âm thanh lẫn tạp sai khác, gọi là âm thanh huyền ảo; hoặc âm thanh của các dòng nước chảy xiết, hoặc âm thanh của tiếng sóng vỗ... Khéo nắm giữ các tướng đây, dụng tu tập tác ý định địa mà thành tựu. Ở trong chúng trời người, hoặc xa, hoặc gần, âm thanh của thánh, phi thánh, gắng sức lắng nghe phân biệt. Do tu tập, nhiều tu tập, chúng đắc quả tu thiên nhĩ thanh tịnh. Do đây có thể nghe được tất cả âm thanh hoặc gần hoặc

xa, dưới từ cõi nhân gian, trên cho đến cõi trời.

**8. Tướng sắc tướng quang minh:** ở nơi chủng chủng tướng quang minh như trước đã nói, khéo nắm giữ tướng ấy rồi tác ý tư duy. Lại ở nơi chủng chủng nghiệp dụng thiện, bất thiện sai khác của các hữu tình, khéo nắm giữ tướng ấy, tác ý tư duy tướng kia. Đây gọi là tướng sắc tướng quang minh. Do tu tập, nhiều tu tập, nên chứng đắc quả tu sanh tử trí thông. Do thiên nhãn thông thanh tịnh đây, thấy các hữu tình bỏ thân này sẽ đến sanh trong các đường thiện của cõi trời hay cõi người...

**9. Tướng các sắc biến đổi do phiền não:** do tướng đây nên đều hiểu rõ phân biệt chủng chủng phiền não như tham khuể, ngu si, phẫn hận, phú não, cống siểm, keo kiệt, tật đố, kiêu hại, không tâm, không quý... và các loại phiền não, tùy phiền não khác quấy nhiễu trói buộc tâm của các loài hữu tình, chủng chủng vị sắc, tướng sắc biến đổi. Loại sắc như thế này là người tham dục, có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi như sau, đó là: các căn lao xao, các căn trạo cử, nói thường cười mỉm. Loại sắc như thế kia là người sân khuể, có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi như sau, đó là: mặt thường nhăn nhó,



lời nói keo rít, lời nói thường đổi sắc. Loại sắc như thế nọ là người ngu si, có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi như sau, đó là: phần nhiều cảm ngộ, sự nghĩa ám muội, lời nói không phân biệt rõ ràng, lời nói nhiều thô thiển. Do hết thấy hành tướng như vậy, nói rộng cho đến kẻ bị trói buộc quấy nhiễu bởi không biết hổ thẹn... có phần vị sắc, tướng sắc biến đổi, nên biết cũng vậy. Đã khéo nắm giữ tướng ấy, lại tiếp tục tác ý tư duy, do tu tập, nhiều tu tập, nên phát sanh quả tu trí tha tâm sai biệt. Do trí đây, đối với tâm, ý, thức... của các loại hữu tình khác nhau, tùy theo chỗ tâm tư, tùy theo chỗ quán xét đều rõ biết như thật.

**10. 11. 12.** *Tướng giải thoát, tướng thắng xứ, tướng biến xứ:* đây cũng giống cách thức tu Tam-ma-hí-đa địa trước đã nói. Do ở nơi tướng đây thân cận tu tập, nhiều tu tập, nên năng hiển phát thần thông tối thắng, hoặc biến sự thông, hoặc hóa sự thông, hoặc thắng giải thông; cũng năng dẫn phát vô tránh, nguyện trí, bốn vô ngại giải là pháp vô ngại giải, nghĩa vô ngại giải, từ vô ngại giải và biện vô ngại giải... chủng chủng công đức.

Lại nữa, thần cảnh thông của thánh và phi

thánh có sự sai khác. Thần thông thánh thì tùy việc mà biến, tùy việc mà hóa, tùy việc mà thắng giải, tất cả năng thành tựu trọn vẹn như thật, không biến đổi, có dụng thực tế. Còn thần thông phi thánh thì chẳng được như vậy, giống như huyền hóa, chỉ có thể xem thấy, không thể thọ dụng.

Nên biết 12 loại tướng đây, thân cận tu tập, nhiều tu tập, tùy chỗ thích hợp năng dẫn phát năm thứ thần thông. Lại năng dẫn phát các loại thần thông không cùng chung với hàng dị sanh, như chỗ thích hợp cùng chung với công đức của các bậc Thánh.

Lại nữa, trong đây nếu khéo tu tập ở Sơ tinh lục phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận cõi trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại phạm. Nếu khéo tu tập ở Đệ nhị tinh lục phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận cõi trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Tịnh quang. Nếu khéo tu tập ở Đệ tam tinh lục phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận ở cõi trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh. Nếu khéo tu tập

đối với Đệ tứ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng, thì tùy theo chỗ thích hợp sẽ sanh trong chúng đồng phận ở cõi trời Vô vân, trời Phước sanh, trời Quảng quả.

Nếu quả Bất hoàn dùng vô lậu Đệ tứ tinh lự huân tu xen tạp với hữu lậu Đệ tứ tinh lự, tức ở trong đây thành tựu phẩm hạ, phẩm trung, phẩm thượng, phẩm thắng thượng, phẩm cực thượng. Đã khéo tu tập rồi, tùy theo đó mà sanh ở trong chúng đồng phận ở cõi trời Ngũ tịnh cư, bao gồm trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh.

Nếu khéo tu tập ở Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, thì tùy theo phẩm hạ, trung, thượng, sẽ sanh trong chúng đồng phận ở cõi Không xứ, cõi Thức xứ, cõi Vô sở hữu xứ, cõi Phi tướng phi phi tướng xứ, cõi trời Tỳ hành. Mỗi mỗi vị trời kia không có hình sắc, nên cũng không có nơi chốn sai biệt, nhưng trụ nơi sở tác có khác biệt. Nếu khéo tu tập ở Vô tướng định, sẽ sanh trong chúng đồng phận trời Vô tướng hữu tình.

Lại nữa, sao biết tướng của người ly dục? Người

ly dục thành tựu thân nghiệp an trụ, các căn không loạn động, oai nghi tiến dừng khi đi khi đứng không trao cử dao động. Ở nơi một oai nghi có thể trải qua thời gian lâu mà không nhiều sự nôn nóng sợ hãi, trọn không để mất oai nghi. Người kia sử dụng ngôn từ uyển chuyển, ngôn từ tịch tĩnh, ngôn từ an tường; không vui thích ồn tạp, không vui thích những nơi chúng tạp huyên náo. Mắt thấy sắc, nhận biết rõ là sắc mà không nhân đó khởi tham sắc. Như vậy tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, tuy nhận biết rõ âm thanh cho đến cảm xúc, mà không nhân đó phát khởi tham âm thanh cho đến tham cảm xúc. Người kia có lực vô sở úy, giác tuệ thâm sâu, khinh an trải khắp. Thân tâm ẩn mật, không tham lam, không nóng giận. Lại có khả năng kham nhẫn, không bị các ác tâm tư như chủng chủng tâm tư dục... nhiều loạn nơi tâm. Hết thấy dạng loại như vậy gọi là tướng của người ly dục.



## Quyển 34

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 4 của DU GIÀ XỬ - Thứ 2

Như vậy đã biện xong “hướng đến đạo thế gian”. Nếu vui *hướng đến đạo xuất thế gian*, phải nương theo cảnh bốn Thánh đế, dần dần sanh khởi bảy chủng tác ý – trước tiên là tác ý liễu tướng, sau cùng là tác ý quả gia hạnh rốt ráo – cho đến chứng đắc quả A-la-hán. Các thầy tu Du-già, vì ở nơi giáo pháp bốn thánh đế đã được nêu lược biện rộng tăng thượng, thuận theo lắng nghe thọ trì, hoặc nơi tác ý đã khéo tu tập, hoặc đắc căn bản Vô sắc tinh lự.

Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Khổ đế*, đó là: hành vô thường, hành khổ, hành không, hành vô ngã. Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Tập đế*, đó là: hành nhân, hành tập, hành khởi, hành duyên. Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Diệt đế*, đó là: hành diệt, hành tịnh, hành diệu, hành lìa. Do bốn chủng hành nên rõ tướng *Đạo đế*, đó là: hành đạo,

hành như, hành hạnh, hành xuất. Như vậy gọi là tác ý liễu tướng.

Do mười chủng hành quán sát Khổ đế, nên năng hiểu biết nhập vào bốn hành Khổ đế. Những gì là mười? 1. Hành biến đổi; 2. Hành hoại diệt; 3. Hành biệt ly; 4. Hành pháp tánh; 5. Hành hội hợp; 6. Hành kiết phược; 7. Hành không khả ái; 8. Hành không an ổn; 9. Hành không sở đắc; 10. Hành không tự tại. Mười hành như vậy nương chứng thành đạo lý, năng chân chánh quán sát.

Trong đây nương lý của chí giáo lượng như Đức Thế Tôn nói: “Các hành vô thường”. Lại các hành đây lược có hai loại: 1. Hữu tình thế gian; 2. Khí thế gian. Đức Thế Tôn nương hữu tình thế gian mà nói rằng: “Bí-sô nên biết! Ta dùng thiên nhân thanh tịnh vượt hơn người thường, quán sát các hữu tình lúc sống lúc chết, nói rộng cho đến khi thân hoại sẽ sanh ở đường thiện, trong các cõi trời”. Do pháp đây hiển thị Đức Thế Tôn dùng thiên nhân thanh tịnh hiện thấy *tất cả hữu tình thế gian là tánh vô thường*.

Lại, Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Khí thế gian đây tồn tại trường thời. Quá đây về sau, dần

dẫn cho đến bảy mặt trời xuất hiện, như trong *Kinh Thất Nhật* đã nói rộng. Các đại địa, các núi, biển lớn, kể cả núi báu Tô-mê-lô đại bảo sơn vương, cho đến các khí thể gian của các cõi trời Phạm thế đều bị hỏa tai, lần lượt trải qua bảy ngày như thế. Sau khi hỏa tai diệt rồi, tro bụi cũng không còn, cho đến hình bóng sót lại cũng chẳng thể có”. Do pháp đây, Đức Thế Tôn muốn hiển thị *các khí thể gian là tánh vô thường*.

Như vậy là nương lý của chí giáo lượng.

Người tu quán hành, vì sự tăng thượng của tín tâm thanh tịnh, của lực tác ý, nên ở nơi tánh vô thường của hành đã đạt được sự quyết chắc tin sâu. Tức do lực tịnh tín, tác ý tăng thượng như vậy, luôn luôn tìm tòi tư duy quán sát tất cả, hiện thấy không trái tánh vô thường, không do duyên khác.

Sao gọi là luôn luôn tìm tòi tư duy quán sát? Như trước đã kiến lập hai sự là bên trong và bên ngoài. Sự bên trong có 6 nơi. Sự bên ngoài có 16 loại: 1. Đất như thành ấp, làng mạc, nhà, chợ...; 2. Vườn như thuốc, cỏ, rừng...; 3. Núi, đó là vô số các loại núi an bày khác nhau; 4. Nước như sông suối, ao hồ, đầm...; 5. Nghề nghiệp; 6. Kho tàng; 7. Thức

ăn; 8. Thức uống; 9. Xe cộ; 10. Y phục; 11. Vật trang sức; 12. Vui ca múa; 13. Hương xoa, hoa cài; 14. Vật dụng nuôi thân; 15. Ánh sáng; 16. Nam, nữ hầu hạ.

Đã an lập các sự trong ngoài như vậy, vì lực tác ý tăng thượng, lại hiện thấy các sự kia hành chuyển biến đổi, tư duy quán sát thấy tánh hành vô thường. Trong đây, các sự trong có 15 loại gây ra sự biến đổi và có 8 nhân duyên khiến biến đổi.

– Tám nhân duyên khiến biến đổi: 1. Cát giữ lâu năm; 2. Bị người khác làm tổn hại; 3. Thọ dụng khiến hao mòn; 4. Thời tiết biến đổi; 5. Bị lửa thiêu đốt; 6. Bị nước cuốn trôi; 7. Bị gió thổi khô héo; 8. Gặp gỡ các duyên khác.

Sao gọi là do cát giữ lâu năm khiến biến đổi? Các pháp có sắc, tuy được bảo quản giữ gìn nơi an toàn, nhưng trải qua thời gian lâu tự nhiên hư hoại, hình sắc bị suy tổn biến đổi.

Sao gọi là do bị người khác làm tổn hại khiến biến đổi? Chúng chủng pháp có sắc nếu bị người khác dùng những phương tiện khác nhau để tác động, sẽ bị tổn hại, tức lúc ấy chúng chủng hình dáng màu sắc thay đổi.



Sao gọi là do thọ dụng hao mòn khiến biến đổi? Các loại vật sắc khác nhau do người chủ sử dụng quá nhiều, nên bị hao mòn biến đổi.

Sao gọi là do thời tiết thay đổi khiến biến đổi? Vào mùa thu, mùa đông, cỏ, cây, hoa, lá, quả... héo vàng rơi rụng. Vào mùa xuân, mùa hạ, cỏ, cây, hoa, lá, quả... xanh tươi.

Sao gọi là do lửa thiêu đốt khiến biến đổi? Lửa cháy lan thiêu đốt thôn xóm, thành quách, vương đô... thấy đều thành tro bụi.

Sao gọi là do nước cuốn trôi khiến biến đổi? Nước lớn tràn ngập cuốn trôi thôn xóm, thành quách, vương đô... thấy đều bị chìm ngập.

Sao gọi là do gió thổi khô héo khiến biến đổi? Gió lớn thổi khiến áo quần ướt, đất ướt... thấy đều khô ráo.

Sao gọi là do gặp gỡ các duyên khác khiến biến đổi? Duyên tiếp xúc thọ vui, lúc đang cảm thọ vui gặp tiếp xúc thọ khổ. Duyên tiếp xúc thọ khổ, lúc đang cảm thọ khổ gặp tiếp xúc thọ vui. Duyên tiếp xúc thọ không khổ không vui, lúc đang cảm thọ không khổ không vui gặp tiếp xúc thọ vui, hoặc tiếp xúc thọ khổ. Lại người có tham gặp duyên

sân, lúc này tham triền dừng nghỉ, sân triền phát khởi. Như vậy người có sân, si gặp duyên khiến phát khởi phần phiền não khác phải biết cũng vậy. Như vậy nhãn thức đang hiện tiền, gặp gỡ với cảnh thanh, hương, vị, xúc... cảnh khác, duyên khác, thì phát khởi phần thức khác. Còn lại tất cả nên biết như lý.

Đây gọi là 8 loại nhân duyên khiến biến đổi. Tất cả pháp có sắc và không sắc bị biến đổi đều do tám chủng nhân duyên như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn, hoặc thêm các nhân duyên khác với trên.

– *Mười lăm loại gây ra sự biến đổi*: 1. Biến đổi do phần vị tạo ra; 2. Biến đổi do hiển sắc tạo ra; 3. Biến đổi do hình sắc tạo ra; 4. Biến đổi do hưng suy tạo ra; 5. Biến đổi do gia sản đủ, không đủ tạo ra; 6. Biến đổi do mệt nhọc tạo ra; 7. Biến đổi do người khác tổn hại tạo ra; 8. Biến đổi do nóng lạnh tạo ra; 9. Biến đổi do oai nghi tạo ra; 10. Biến đổi do tiếp xúc đối ngại tạo ra; 11. Biến đổi do tạp nhiễm tạo ra; 12. Biến đổi do tật bệnh tạo ra; 13. Biến đổi do mạng chung tạo ra; 14. Biến đổi do xanh bầm trương sinh... tạo ra; 15. Biến đổi do tất

cả tận diệt không còn hiển hiện tạo ra.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do phần vị tạo ra, tánh vô thường? Vì quan sát thấy hoặc mình, hoặc người, từ lúc thiếu niên cho đến lúc già suy, các hành nối nhau trước sau sai khác, trọn không giống nhau. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ phần vị bên trong đây trước sau biến đổi hiển thấy được”.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do hiển sắc tạo ra, tánh vô thường? Do quan sát thấy hoặc mình, hoặc người, trước kia sắc da mịn màng tươi nhuận, về sau sắc da nhăn nheo khô héo, thời gian sau nữa lại thấy sắc da mịn màng, tươi nhuận. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ hiển sắc bên trong đây, trước sau biến đổi hiển thấy được”.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do hình sắc tạo ra, tánh vô thường? Như nói về hiển sắc, thì hình sắc, do gây mập biến đổi nên biết cũng vậy.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do hưng suy tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy

hoặc mình, hoặc người, trước kia có quyền thuộc, tài bảo, địa vị... đều hưng thịnh, về sau thấy tất cả đều suy bại, thời gian sau thấy hưng thịnh trở lại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ hưng suy biến đổi hiện thấy được”.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do gia sản tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, trước kia tài sản không bị khuyết giảm; về sau lại thấy bị suy giảm, hoặc do vua gây ra, hoặc do giặc cướp gây ra, hoặc do người gây ra, hoặc do phi nhân gây ra... Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do mệt nhọc tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, thân thể lao nhọc mỗi mệ, tánh thân rất mỗi mệ, hoặc do rượt đuổi, hoặc do nhảy nhót, hoặc do tới lui, hoặc do cưỡi ngựa, hoặc do vô số thân nghiệp gấp rút vội vã. Lại ở lúc khác thấy xa lìa mỗi mệ cực nhọc kia. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do người khác tổn hại tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, bị người khác tổn hại khiến thân hình biến đổi, hoặc do dao gậy, roi da, dây da, giáo mác... hủy hoại; hoặc do các loại độc trùng như rắn độc, ruồi muỗi, bò cạp... chích đốt gây hại. Lại ở lúc khác thấy không bị biến đổi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do nóng lạnh tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, khi thời tiết lạnh thân bị lạnh bức bách, chẳng thư thái, nằm run rẩy co quắp, lúc ấy lại mong thời tiết nắng ấm. Vào lúc ngày nắng ấm, thân thể thư thái, phấn chấn. Nhưng lúc quá nóng, thân bị cảm giác nóng khát bức bách, cổ họng khô, chảy mồ hôi, lúc ấy lại mong thời tiết mát mẻ. Rồi đến lúc lạnh rét, thấy tương trạng trở lại như trước. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do oai

nghi tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, tùy theo một oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, hoặc lúc bị tổn giảm, hoặc lúc được tăng thêm. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghi này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là tư duy sự bên trong biến đổi do tiếp xúc đối ngại tạo ra, tánh vô thường? Do xúc nơi cái xúc thuận thọ vui, lúc lãnh thọ duyên xúc vui sanh khởi vui, tự năng phân biệt rõ phần vị của thọ vui. Như đã hiểu rõ phần vị thọ vui, thì hiểu rõ phần vị thọ khổ, phần vị thọ không khổ không vui nên biết cũng vậy. Kia do phân biệt rõ các thọ như vậy, trước sau biến đổi, là tánh luôn chuyển mới, chẳng phải tánh cũ cũ; hoặc tăng, hoặc giảm, tạm thời hiện hữu, bỗng chốc hiện tiền, tìm cầu liền biến hoại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghi này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do tạp nhiễm tạo ra, tánh vô thường? Đó là năng biết rõ tâm sanh khởi ban đầu, hoặc tâm có tham, hoặc tâm lìa tham, hoặc tâm có sân, hoặc tâm lìa sân,

hoặc tâm có si, hoặc tâm lìa si. Lại năng biết rõ tùy mỗi một chủng trong các tùy phiền não khiến tâm bị nhiễm ô. Lại năng biết rõ tùy mỗi một chủng trong các tùy phiền não mà tâm không bị nhiễm ô. Lại năng biết rõ tâm kia tương tục, do các phiền não và tùy phiền não ở vị trí trước sau sai khác, tánh nhập vào biến hoại, không biến hoại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì có sao? Bởi lẽ tâm bị biến đổi do tạp nhiễm hiện thấy được”.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do tật bệnh tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hoặc mình, hoặc người, trước kia không bị bệnh tật, an vui mạnh khỏe. Lúc sau thấy hoặc mình, hoặc người, lâm vào hoàn cảnh bệnh khổ trầm trọng, thân phần lãnh thọ những thọ khổ vô cùng mãnh liệt, như trước nói rộng. Lại vào thời gian khác thấy không còn bệnh, an vui khỏe mạnh. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do mạng chung tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy hiện tại còn sống, điều khiển các chi phần.

Lại thời gian sau thấy đã qua đời, chỉ còn thi hài, không còn tâm thức. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do xanh ứ... tạo ra, tánh vô thường? Do quán sát thấy thi hài người chết, trải qua một thời gian trở nên xanh bầm, hoặc trải qua thời gian nữa trở nên thối rữa, như vậy cho đến chỉ còn lại xương khớp. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát sự bên trong biến đổi do tất cả tận diệt, không còn hiển hiện, tánh vô thường? Do quán sát thấy thi hài kia, vào thời gian khác, xương cốt cũng không hiện hữu, hết thấy đều tan hoại, ly tán, diệt mất, khắp cả tầm mắt cũng không thấy được. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì cố sao? Bởi lẽ tướng sắc luôn luôn chuyển đổi, trước sau biến đổi hiện thấy được”.

Như vậy, do lực tác ý hiện thấy tăng thượng, quán sát 15 loại hành của sự bên trong, hiện thấy chủng chủng biến đổi tánh vô thường. Quán sát



như vậy rồi, lại tiếp tục quát sát 16 việc bên ngoài, có chủng chủng biến đổi tánh vô thường.

Sao gọi là quán sát đất biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy vùng đất này, trước kia chưa xây dựng đạo tràng, chùa tháp, miếu thờ, thành quách, thôn xóm... về sau khéo xây dựng, khéo trang trí. Vào thời gian khác, thấy công trình kia cũ mục, nứt dần rồi sụp đổ, cho đến bị hủy hoại, hoặc bị lửa thiêu rụi, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường. Vì cố sao? Bởi lẽ tướng sắc trước sau chuyển đổi hiện thấy được”.

Sao gọi là quán sát thấy vườn biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy trong vườn trước kia tươi tốt, các loài cỏ cây, hoa quả, cành lá đều khoe sắc xanh tươi, thật đáng ưa thích. Nhưng thời gian sau thấy vườn kia hoặc trở nên khô héo, không còn hoa quả, cành lá khô gãy; hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát núi biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy ở thời gian này, núi kia

từng có rừng rậm um tùm, sum suê, vách đá cao vút. Nhưng thời gian khác, thấy rừng kia tàn lụi, vách đá sụp lở, hoặc bị lửa thiêu cháy, hoặc bị nước cuốn trôi. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát nước biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy ở thời gian này từng có sông suối, hồ ao, giếng nước... có sóng gợn, có nước ngọt tràn đầy. Một thời gian khác, tất cả đều khô cạn. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát nghề nghiệp biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy trong một thời gian, có vô số dạng nghề như chăn nuôi, làm nông, thợ thuyền, công nghiệp, kỹ nghệ khéo léo thảy đều hưng thịnh. Một thời gian khác, thấy tất cả đều suy tổn. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát kho tàng biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy thời gian này vô số kho

tàng đã từng đầy ắp, qua thời gian khác lại bị cạn kiệt. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát thức ăn uống biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các loại thức ăn, thức uống, có lúc không đủ, có lúc đầy đủ. Lúc được đưa vào miệng, nhai hòa với nước miếng, rồi từ từ nuốt xuống cổ. Sau vào bao tử, dần dần được tiêu hóa. Sau nữa thành phân, nước tiểu, được thải ra ngoài. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát xe cộ biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy một thời gian, vô số loại xe mới đẹp, thích mắt. Một thời gian khác, các xe kia hư mục, chi tiết rời rạc tan rã. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát y phục biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các loại y phục lúc mới may, lúc hư cũ, lúc sạch sẽ, lúc dơ bẩn. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy

tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát vật trang sức biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các vật trang sức có lúc chưa thành, có lúc đã thành, có lúc bền chắc, có lúc hư hoại. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát ca múa hát biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy ca múa kỹ nhạc hiện có chủng chủng âm khúc khác nhau, lúc bắt đầu khác, lúc kết thúc khác. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát hương xoa hoa cài biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy vô số các loại hương hoa tươi đẹp cài tóc dùng trang điểm. Về sau, thấy hương kia héo úa, thối rữa. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát vật dụng nuôi thân biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy kia có lúc chưa tạo làm, có lúc đã tạo làm, có lúc hoàn thành, có lúc hư hoại, trước sau đổi khác. Thấy việc đây

rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát ánh sáng biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy các loại sáng tối sanh diệt biến đổi, thấy việc đây rồi liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Sao gọi là quán sát nam nữ hữu hạ biến đổi, tánh vô thường? Do quán sát thấy những người kia hoặc có lúc suy vong, hoặc có lúc hưng thịnh, không sống lâu dài. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Các hành như vậy tánh vô thường”, còn lại như trước đã nói.

Như vậy, tất cả các hành thuộc sự bên ngoài, sáu loại trước nhiếp thuộc các sự nhiếp thọ, mười loại sau là các sự vật dụng cho thân, tóm lại phải biết tánh của chúng đều vô thường. Vì có sao? Hình tướng chuyển biến hiện có thể thấy được. Do như vậy thấy, dụng lực tác ý hiện thấy tăng thượng, dụng các hành biến đổi, tùy chỗ thích hợp mà quán sát, thấy được các sự bên trong và bên ngoài tất cả là tánh vô thường. Do nhân duyên đây, ở nơi tánh vô thường của sự biến đổi, hiện thấy không

trái ngược, không do duyên khác, không bị cái khác dẫn dắt, theo đó nhớ nghĩ quán sát, xem xét sâu kỹ chắc chắn. Do đây gọi là tác ý hiện thấy tăng thượng. Do lực tác ý hiện thấy tăng thượng như vậy, đã quán sát xong tánh vô thường biến đổi, các hành sắc kia tuy hiện hữu mà sát-na sanh diệt, hoại diệt vô thường, nhưng vì vi tế nên không hiện thấy. Cho nên nương tác ý hiện thấy tăng thượng, cần tỷ lượng đúng đắn.

Tỷ lượng thế nào? Các hành kia chủ yếu có sát-na sanh diệt, hoại diệt, mới có thể có được trước sau biến đổi. Nếu thật tồn tại thì không có sự biến đổi như vậy, cho nên xác quyết các hành phải có sát-na sanh diệt. Vì các duyên kia có hòa hợp nên các hành được sanh, đã sanh thì chẳng đợi nhân duyên hoại diệt mà tự nhiên hoại diệt. Chỗ có nhân duyên biến đổi như vậy năng khiến các hành chuyển biến sanh khởi, nhưng chỉ là nhân duyên chuyển biến sanh khởi, chẳng phải là nhân duyên khiến các hành hoại diệt. Vì cơ sao? Do các hành kia cùng với nhân duyên hoại diệt hiện thấy ở thế gian đồng hoại diệt rồi, thì về sau chẳng tương tự sanh khởi khả đắc. Nhưng chẳng

phải tất cả kia hoàn toàn không sanh khởi trở lại. Hoặc có các hành một khi đã hoại, hoàn toàn không thể sanh khởi trở lại, như nước đun sôi, bốc hơi, cuối cùng đều tan biến; như lửa đốt cháy khí thể gian cho đến không còn một chút tro tàn, hay một chút bóng dáng nào sót lại. Vì kia cũng nhân duyên, nên về sau cũng triển chuyển giảm dần đến lúc chấm dứt, rốt sau tất cả đều không chỗ có. Không phải lửa là nguyên nhân tạo nên sự biến đổi, mà chỉ do tám chủng nhân duyên đã thuyết ở trước khiến chuyển biến sanh khởi, tự nhiên hoại diệt. Như vậy vì lực tác ý tỷ lượng, do hành hoại diệt, nên đạt được sự xác quyết: “Các hành kia sát-na sanh diệt, hoại diệt vô thường”.

Đã xác quyết được như vậy rồi, lại nên chân chánh tỷ lượng cách khác đối với các hành sanh khởi *không hiện thấy được*.

Tỷ lượng thế nào? Nghĩa là các hữu tình hiện có chủng chủng sai biệt có thể thấy được, hoặc có hình sắc đẹp, hoặc có hình sắc xấu; hoặc dòng họ cao quý, hoặc dòng họ thấp hèn; hoặc dòng họ giàu sang, hoặc dòng họ nghèo cùng; hoặc dòng tộc lớn, hoặc dòng tộc nhỏ; hoặc thọ mạng dài, hoặc thọ

mạng ngấn; hoặc lời nói uy nghiêm, hoặc không uy nghiêm; hoặc tánh lợi căn, hoặc tánh độn căn... Tất cả hành trạng tướng sai biệt của hữu tình như vậy là do nghiệp gây tạo sai biệt, nên mới có thể thành lập, chẳng phải không có nghiệp gây tạo. Sắc loại hữu tình sai biệt như vậy nhất định do nghiệp thiện, bất thiện của đời trước tạo tác, tăng trưởng có chủng chủng phẩm loại khác nhau. Do nhân duyên đây, nên ở hiện tại tự thể sanh khởi khác nhau, chẳng thể do trời Tự tại biến hóa làm nhân. Vì cớ sao? Nếu nói “Tự tại biến hóa làm nhân năng sanh các hành”, vậy thì các hành được sanh đây chỉ dụng Tự tại kia làm duyên, hay phải đợi duyên khác như thế Tự tại mới năng biến hóa? Nếu chỉ dụng Tự tại kia làm duyên, thì lẽ các hành và Tự tại kia đều vốn có, nào chờ đợi lại sanh? Hoặc nói “Trước có tánh thể Tự tại, về sau hành sanh”, vậy thì các hành đây không chỉ có Tự tại làm duyên sanh khởi. Hoặc nói “Tự tại đây còn tùy theo chỗ muốn, dụng công mong cầu mới năng tạo hóa”, vậy thì cũng là dụng *muốn* làm nhân duyên, chẳng phải chỉ có Tự tại. Vậy *muốn* đây là có nhân chẳng? Là không nhân chẳng? Nếu nói có nhân,



mà lấy Tự tại làm nhân thì cũng mắc lỗi như trước đã nói. Điều này không hợp đạo lý. Nếu nói *muốn* đây có nhân khác, thì tức như muốn dụng công mong cầu, lia ngoài Tự tại lấy pháp khác làm nhân. Như vậy, tất cả các hành cũng đều nên lấy pháp khác làm nhân, sao phải chờ đợi mưu tính không dùng Tự tại? Do lực tác ý so lường tăng thượng như thế, nên đạt được sự xác quyết: “Các hành đời khác sanh khởi”.

Như vậy, tóm lược là do ba chủng lực tác ý tăng thượng, nên có thể tư duy quán sát thấy các hành trong ngoài đều là tánh vô thường: 1. Vì lực tác ý tịnh tín tăng thượng; 2. Vì lực tác ý hiện lượng tăng thượng; 3. Vì lực tác ý tỷ lượng tăng thượng. Do vậy đối với sự việc trước đã nêu ra, năng thuận theo đó mà tu năm hành vô thường.

Như vậy đã biện rõ hai hành là *hành biến đổi* và *hành hoại diệt*.

Sao gọi là do *hành biệt ly* quán tánh vô thường? Là nương hai chủng biệt ly trong và ngoài, nên biết các hành là tánh vô thường.

– Nương biệt ly trong tánh vô thường: Như có người trước kia ở địa vị chủ, chẳng phải tôi trai,

chẳng phải tứ gái, năng tự ý thọ dụng, năng sai khiến người khác. Nhưng thời gian sau, kia suy bại nên mất địa vị chủ, không phải tánh tôi tứ mà chuyển sang địa vị hầu hạ kẻ khác và bị sai khiến. Ở nơi tính chất ông chủ, gọi là hành biệt ly tánh vô thường.

– Nương biệt ly bên ngoài tánh vô thường: Như có người hiện tại gia sản, tài bảo chưa bị biến đổi, chưa bị ly tán vô thường hoại mất. Nhưng thời gian sau, hoặc bị vua, bị giặc cướp chiếm đoạt, hoặc do gây tạo các việc ác nên mất hoại, hoặc phương tiện tìm cầu mà không được. Hết thấy loại như vậy nên biết là do hành biệt ly tánh vô thường.

Sao gọi là do *hành pháp tánh* quán tánh vô thường? Là chỗ có biến đổi vô thường, hoại diệt vô thường, biệt ly vô thường, ở đời hiện tại vẫn chưa hòa hợp được, ở đời vị lai sẽ có pháp tánh. Như thật thông đạt các hành như vậy ở đời vị lai sẽ có pháp tánh. Hết thấy loại như vậy gọi là thông đạt pháp tánh tánh vô thường.

Sao gọi là do *hành hội hợp* quán tánh vô thường? Là chỗ có biến đổi vô thường, hoại diệt vô thường, biệt ly vô thường, ở đời hiện tại hội hợp

với nhau cùng hiện tiền. Như thật thông đạt các hành như vậy hiện tiền hội hợp ở đời hiện tại. Hết thấy loại như thế gọi là thông đạt hội hợp tánh vô thường.

Người kia do quán sát năm tánh vô thường của các hành trong và ngoài đây, tùy chỗ thích hợp mà tác ý tu tập, nhiều tu tập, sẽ đạt được sự xác quyết.

Như vậy, do chứng thành đạo lý và tu tập tăng thượng, nên xác quyết được các hành vô thường. Từ đây không gián đoạn nhập vào hành khổ, tác ý tư duy: “Các hành như vậy đều là vô thường”. Vì vô thường nên chắc chắn có tánh pháp sanh. Các hành như vậy đã là pháp sanh, tức là có sanh khổ, đã có sanh khổ, nên biết cũng có già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét mà gặp nhau khổ, yêu thương mà chia lìa khổ, mong cầu mà không được khổ. Như vậy gọi là do *hành không khả ái* mà nhập vào hành khổ.

Như vậy, lại ở nơi *hữu hữu lậu* và *thủ hữu lậu*, trong tất cả uẩn thường thuận theo thọ vui, do *hành kiết phược* mà nhập vào hành khổ. Vì sao? Bởi lẽ ở nơi xứ kiết như ái... sanh khởi các kiết như

ái... Ở nơi xứ phước như tham... sanh khởi các phước như tham... Cho nên năng chiêu tập sanh, lão, bệnh, tử, sầu, bi, ưu, khổ... tất cả nhiều ão, các uẩn thuận khổ lớn.

Như vậy, lại ở nơi *hữu hữu* lậu và *thủ hữu* lậu, ở trong tất cả uẩn thuận theo thọ không khổ không vui, do *hành không an ổn* mà nhập vào hành khổ. Vì sao? Vì ở trong các uẩn năng thuận theo không khổ không vui thuộc *hữu, thủ hữu* lậu, bị chủng tử khổ vui đồng hành thô trọng theo đó đuổi theo khổ khổ và hoại khổ, không được giải thoát. Cho nên tất cả đều là pháp hoại diệt vô thường.

Người hành như vậy, ở nơi các hành năng thuận theo thọ vui và do hành kiết phước trong thọ vui mà nhập vào hoại khổ. Ở nơi các hành năng thuận theo thọ khổ và do hành không khả ái trong thọ khổ mà nhập vào khổ khổ. Ở nơi các hành năng thuận theo thọ không khổ không vui và do hành không an ổn trong thọ không khổ không vui, mà nhập vào hành khổ.

Như vậy, do lực tăng thượng của hành kiết phước, hành không khả ái, hành không an ổn, nên ở trong ba thọ, nói rằng: “Các sở hữu thọ thấy đều

là khổ”. Đây gọi là do tác ý *hành vô thường* làm tiền dẫn, mà nhập vào hành khổ.

Lại khởi nghĩ này: “Ngã hiện tại đây chỉ có các căn, chỉ có cảnh giới, chỉ có các thọ từ kia sanh khởi, chỉ có tâm này, chỉ có giả danh pháp ngã, ngã sở, chỉ có nhận thức này, chỉ có giả lập trong đây khả đắc. Ngoài đây ra, trọn không có hoặc thêm hoặc hơn. Như vậy chỉ có các uẩn khả đắc. Ở trong các uẩn không thường hằng, không bền chắc, không chủ tử, hoặc nói là ngã, hoặc nói là hữu tình; hoặc lại trong đây nói là sanh, lão, bệnh, tử; hoặc lại nói kia năng gây tạo các nghiệp, năng thọ chủng chủng quả và dị thực. Do các hành đây thấy đều là không, không có ngã”. Đây gọi là do *hành vô sở đắc* mà nhập vào hành không.

Lại khởi nghĩ này: “Sở hữu các hành cùng tự tướng kia tương ưng với tướng vô thường, tướng khổ. Vì kia cũng từ tất cả duyên mà được sanh, không được tự tại. Vì không tự tại, nên đều chẳng phải là ngã”. Đây gọi là do *hành không tự tại* mà nhập vào hành vô ngã.

Như vậy, người hành dùng mười hành nhiếp vào bốn hành.

Lại dùng bốn hành để hiểu rõ tướng *Khổ đế*. Đó là hành vô thường nhiếp vào năm hành: 1. Hành biến đổi; 2. Hành hoại diệt; 3. Hành biệt ly; 4. Hành pháp tánh; 5. Hành hội hợp. Hành khổ nhiếp vào ba hành: 1. Hành kiết phược; 2. Hành không khả ái; 3. Hành không an ổn. Hành không nhiếp vào một hành là hành vô sở đắc. Hành vô ngã nhiếp vào một hành, đó là hành không tự tại. Người kia do mười hành mà nhập vào bốn hành.

Lại do bốn hành nên nhận biết rõ tướng *Khổ đế*. Kế lại quán sát *Khổ đế* như vậy: “Nhân gì? Tập gì? Khởi gì? Duyên gì? Do đoạn kia, nên theo đó mà khổ cũng dứt”. Như vậy tức lấy bốn hành *Tập đế* mà rõ tướng *Tập đế*. Đó là biết rõ vì ái năng dẫn khổ gọi là *nhân*. Đã dẫn khổ rồi, lại năng chiêu tập khiến kia sanh, nên gọi là *tập*. Đã sanh khổ rồi lại khiến kia khởi, nên gọi là *khởi*. Lại năng nhiếp thọ các chủng tử khổ ở vị lai, dần dần chiêu dẫn các tập khổ, nên gọi là *duyên*.

Lại có sự giải thích khác: Biết rõ ái là nhân của thủ, lại năng chiêu tập, tức là lấy thủ đây làm nhân của hữu. Lại năng sanh khởi, tức là lấy hữu làm tiền dẫn cho sanh ở đương lai. Lại năng dẫn

phát, tức lấy sanh làm duyên cho các pháp khổ lão, bệnh, tử... tùy chỗ thích hợp gọi là *nhân, tập, khởi, duyên*.

Lại có cách giải thích khác: Rõ biết phiền não tùy miên sở y phụ thuộc vào ái tùy miên... là *nhân* của sanh hậu hữu ở đời đương lai. Lại chánh biết sự phát sanh triển của ái kia, tùy chỗ thích hợp là *tập, khởi, duyên*. Nghĩa là vì ái hậu hữu năng chiêu dẫn, tức là *tập*. Ái hậu hữu đây lại năng phát khởi ái đồng hành hỷ tham. Ái đồng hành hỷ tham đây lại cùng với nhiều chủng ái hỷ kia kia làm duyên. Như vậy, nương vào ái tùy miên... và ba chủng triển, năng sanh hậu hữu và năng phát khởi các ái sai biệt. Do đây gọi là *nhân, tập, khởi, duyên*.

Như vậy người hành do bốn chủng hành rõ tướng *Tập đế*.

Đã chánh nhận biết rõ tướng *Tập đế* rồi, lại chánh nhận biết *Tập đế* như vậy diệt dứt không sót thừa, nên gọi là *diệt*. Tất cả Khổ đế tịch tĩnh không sót thừa, nên gọi là *tĩnh*. Tức là diệt dứt và tịch tĩnh đây là bậc nhất, là tối thắng, là vô thượng, nên gọi là *diệu*; là thường trụ, là xuất ly vĩnh viễn, nên gọi là *liạ*. Như vậy người hành do bốn chủng

hành rõ tướng *Diệt đế*.

Đã chánh biết rõ tướng *Diệt đế* rồi, lại chánh biết rõ đạo chân thật đối trị. Ở nơi cảnh sở tri, vì nghĩa năng thông suốt tầm cầu, vì nghĩa năng chân thật tầm cầu, vì nghĩa ở bốn môn tùy chuyển, vì nghĩa một hướng năng hướng đến Niết-bàn, do vậy gọi là *đạo, như, hành, xuất*. Như vậy người hành do bốn chủng hành rõ tướng *Đạo đế*.

Như vậy gọi là ở nơi bốn thánh đế, tự bên trong hiện quán tác ý liễu tướng. Vị kia nơi mình đã hiện thấy các uẩn như vậy, nương lý các đế chánh quán sát tư duy không điên đảo rồi, lại ở nơi giới không đồng phạm, không hiện thấy các uẩn, tỷ lượng quán sát. Đó là sở hữu *hữu* của kia là hữu lậu, trải khắp tất cả xứ, trải khắp tất cả chủng, trải khắp tất cả thời đều có pháp như vậy, đều rơi vào lý như vậy, đều có tánh như vậy. Sở hữu *diệt* của kia đều vĩnh viễn tịch tĩnh, thường trụ an lạc. Sở hữu *đạo* của kia đều năng vĩnh viễn đoạn, cứu cánh xuất ly. Phải biết trong đây, hoặc đế trí hiện lượng ở nơi các uẩn, hoặc đế trí tỷ lượng ở nơi các giới không đồng phạm khác, cảnh không hiện thấy, tức là chỗ nương của chủng tử pháp trí, loại trí



năng sanh.

Lại tức tác ý liễu tướng như thế, nên biết do văn-tư vẫn còn xen tạp. Nếu người tu quán hành, ở trong các đế luôn luôn chánh quán sát như vậy, do 16 hành, ở nơi chúng thành đạo lý bốn Thánh đế đã quyết định tin chắc.

Lại ở nơi các đế, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu, vượt qua tác ý văn-tư xen tạp, một hướng phát khởi thắng giải tu hành. Đây gọi là tác ý thắng giải.

Tác ý như vậy chỉ duyên cảnh đế, một hướng tại định. Vì tu tập, nhiều tu tập, nên trong hai cảnh đế là Khổ và Tập, chúng đặc trí không ngăn mé. Do trí đây nên rõ biết vô thường, phát khởi thắng giải vô thường không ngăn mé. Như vậy, do rõ biết khổ... phát khởi thắng giải khổ không ngăn mé, thắng giải không - vô ngã không ngăn mé, thắng giải ác hạnh không ngăn mé, thắng giải đến cõi ác không ngăn mé, thắng giải hưng suy không ngăn mé và thắng giải tất cả thiêu não quá nhiều như lão, bệnh, tử, sầu, bi, ưu, khổ... không ngăn mé. Trong đây *không ngăn mé* tức là sanh tử lưu chuyển. Như vậy các pháp không ngăn không mé, cho đến

sanh tử lưu chuyển không dứt. Thường có các pháp được nói thế này: “Chỉ có sanh tử, không có gì khác dứt diệt, đây có thể dứt diệt, lại không có phương tiện dứt diệt nào khác”. Tức là ở nơi các hữu, các đường trong pháp sanh tử như vậy, dùng hành vô nguyện, hành không nương tựa, hành nhằm chán trái nghịch mà phát khởi thắng giải, tinh cần tu tập tác ý thắng giải đây.

Lại ở nơi các hữu, các sanh tăng thượng ý vui như thế, tâm sanh sâu nhằm chán hãi sợ. Đối với Niết-bàn, chỉ khởi một hành, đó là tâm sanh sâu vui muốn. Kể kia trong đêm dài, tâm yêu thích sắc, thanh, hương, vị, xúc... của thế gian, vì lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc... làm sự nuôi dưỡng tích tập. Do nhân duyên đây, tuy tâm sanh sâu vui muốn đối với Niết-bàn, nhưng không thể thú nhập, không thể chứng tịnh, không thể an trụ, không thể thắng giải, nơi tâm thối chuyển. Đối với cõi tịch tĩnh, vì tâm chưa thể sanh ngưỡng vọng sâu, vì có sự nghi hoặc, nên tâm luôn sợ hãi chán lìa. Tuy ở nơi hai đế là Khổ và Tập, tâm luôn luôn chán lìa sợ hãi và đối với Niết-bàn luôn luôn phát khởi tâm vui muốn sâu, nhưng thâm tâm vẫn còn chưa thể thú nhập.

Vì sao? Bởi lẽ kia còn bị ngã mạn phẩm thô trọng chướng hiện quán theo vào tác ý hoặc chuyển gián đoạn, hoặc chuyển liên tục. Người kia tác ý tư duy: “Ta từng lưu chuyển lâu xa trong sanh tử, ta sẽ lại lưu chuyển trong sanh tử. Ta phải năng thú nhập đối với Niết-bàn. Bởi thế ta vì Niết-bàn mà tu các thiện pháp. Ta năng quán Khổ, thấy chân thật là khổ. Ta năng quán Tập, thấy chân thật là Tập. Ta năng quán Diệt, thấy chân thật là Diệt. Ta năng quán Đạo, thấy chân thật là Đạo. Ta năng quán Không, chân thật là Không. Ta năng quán vô nguyện, chân thật là vô nguyện. Ta năng quán vô tướng, chân thật là vô tướng. Các pháp như vậy là sở hữu của ta”. Do nhân duyên đây, người kia tuy tâm vui muốn đối với Niết-bàn, nhưng tâm không thể thú nhập.

Người kia rõ biết ngã mạn như vậy là chướng ngại rồi, liền năng nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, xả bỏ nhậm vận tùy chuyển tác ý, chế phục tất cả cảnh sở tri bên ngoài. Nhập vào tác ý, theo tác ý hành, chuyên cần quán sát Thánh đế không gián đoạn. Tùy theo chỗ sanh khởi, hoặc lúc tâm lui diệt, hoặc lúc tâm không gián đoạn sanh khởi, tác

ý quán sát, phương tiện trôi chảy không gián đoạn. Người kia tức dụng tâm duyên tâm như vậy, tinh chuyên không nói bỏ, liền năng khiến kia nhập vào tác ý, phẩm ngã mạn thô trọng chướng ngại hiện quán không dễ dàng sanh khởi.

Như vậy, người siêng tu hạnh Du-già, quán tâm tương tục triển chuyển đổi khác, luôn sanh khởi mới, hoặc tăng hoặc giảm, tạm thời hiện hữu, bỗng chốc hiện tiền, trước sau thay đổi, là tánh vô thường. Quán tâm tương tục nhiếp thuộc thủ uẩn, đây là tánh khổ. Quán tâm tương tục là pháp thứ hai, đây là tánh không. Quán tâm tương tục từ các duyên sanh, không được tự tại, đây là tánh vô ngã. Như vậy gọi là ngộ nhập Khổ đế.

Kế lại quán sát tâm tương tục đây lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập, lấy ái làm khởi, lấy ái làm duyên. Như vậy gọi là ngộ nhập Tập đế.

Kế lại quán sát tâm tương tục đây, sở hữu trạch diệt là tánh vĩnh viễn diệt, là tánh vĩnh viễn tịnh, là tánh vĩnh viễn diệu, là tánh vĩnh viễn lia. Như vậy gọi là ngộ nhập Diệt đế.

Kế lại quán sát tâm tương tục đây, đạo đối trị rốt ráo đi đến diệt là tánh chân đạo, là tánh chân

như, là tánh chân hành, là tánh chân xuất. Như vậy gọi là ngộ nhập Đạo đế.

Như vậy, trước đây chưa khéo quán sát, nay khéo tác ý phương tiện quán sát, dùng tuệ vi diệu năng chánh ngộ nhập bốn Thánh đế. Tức ở nơi tuệ đây, vì thân cận tu tập, nhiều tu tập, nên chánh trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng được sanh. Do sanh đây, nên năng đoạn sở hữu phẩm thô của ngã mạn hiện hành, vì chúng năng chướng ngại tâm vui thích đối với Niết-bàn. Lại đối với Niết-bàn, tâm sanh sâu vui muốn, nhanh chóng thú nhập, không thối chuyển, lìa các sợ hãi, nhiếp thọ ý lạc vui thích tăng thượng.

Người hành như vậy, ở nơi các Thánh đế, trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng nhiếp thuộc nhãn bậc hạ sanh khởi. Đây gọi là *Noãn*. Trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng nhiếp thuộc nhãn bậc trung sanh khởi. Đây gọi là *Đảnh*. Trí năng duyên sở duyên bình đẳng bình đẳng nhiếp thuộc nhãn bậc thượng sanh khởi. Đây gọi là *Nhãn thuận đế*.

Vị kia đã đoạn phẩm thô của ngã mạn năng làm chướng ngại và nhiếp thọ ý lạc vui thích tăng

thượng đối với Niết-bàn, liền năng xả ly sở hữu gia hạnh quán tâm về sau, trú nơi tâm không gia hạnh, không phân biệt. Lúc bấy giờ, tâm tợ như diệt mà chẳng phải thật diệt, tợ như không có sở duyên mà chẳng phải không duyên. Lại lúc bấy giờ tâm tịch tĩnh, tuy tợ như xa lìa mà chẳng phải xa lìa. Lại lúc bấy giờ không bị ngủ say che lấp, chỉ hành Xa-ma-tha, phân minh không cao không thấp. Lại có một loại ngu si ám muội, bị ngủ say che lấp, lúc này tâm giống như diệt nhưng thật chẳng phải diệt, lại khởi tăng thượng mạn cho là đang hiện quán. Vị đây không như thế.

Người kia đã đắc tâm đi đến hiện quán như vậy, không lâu sẽ nhập Chánh tánh ly sanh. Túc ở vị tâm tịch tĩnh như vậy, một niệm tâm cuối cùng không phân biệt, từ đây không gián đoạn, ở nơi các lý Thánh đế đã quán trước, khởi tác ý bên trong. Đây gọi là *Pháp thế đệ nhất*. Từ đây về sau, tâm xuất thế sanh khởi, chẳng phải tâm thế gian. Đây là giới hạn ngăn mé sau cùng của các hành thế gian, cho nên gọi là Pháp thế đệ nhất.

Từ đây không gián đoạn, nơi các lý thánh đế đã quán trước, khởi tác ý bên trong. Tác ý không

gián đoạn, tùy thứ tự các đế trước đã quán, hoặc hiện thấy, hoặc không hiện thấy. Như thứ lớp đó, có trí quyết định không phân biệt, trí hiện kiến sanh khởi. Do đây sanh, nên tất cả thô trọng, các phẩm phiền não kiến đạo sở đoạn phụ thuộc sở y, hệ thuộc ba cõi thấy đều vĩnh viễn đoạn dứt. Do đoạn hẳn đây, nếu người trước đã lìa tham Dục giới, kia hiện nay nhập đế hiện quán như thế, chứng đắc quả Bất hoàn. Vị kia cùng với tướng của người ly dục đã nói ở trước phải biết không khác. Nhưng ở đây cũng có chút ít sự sai biệt, đó là sẽ thọ hóa sanh. Tức là ở nơi cõi kia sẽ Bát-niết-bàn, chẳng còn sanh trở lại thế gian. Nếu người trước trái lìa tham Dục giới, kia hiện nay đã nhập đế hiện quán như vậy, chứng đắc quả Nhất lai. Nếu người trước chưa lìa tham Dục giới, kia hiện nay đã đắc nhập đế hiện quán như vậy, thô trọng vĩnh viễn đoạn, chứng đắc quả Dự lưu.

Do trí năng tri cùng cảnh sở tri hòa hợp không trái nhau, hiện tiền quán sát, gọi là *hiện quán*. Như dòng Sát-đế-lợi cùng với dòng Sát-đế-lợi hòa hợp không trái nhau, hiện tiền quán sát, gọi là hiện quán. Bà-la-môn... nên biết cũng vậy. Đây cũng

có nhiều tướng trạng, đó là đã chứng để hiện quán, đạt được bốn trí. Ở nơi hoặc đi hoặc đứng, trong các tác ý, vì khéo tìm cầu, nên chỉ đắc Duy pháp trí, đắc Phi đoạn trí, đắc Phi thường trí, đắc Duyên sanh hành như việc huyền trí.

Nếu cảnh giới hành, do thất niệm, tuy khởi các phiền não triền mạnh mẽ, tạm thời tác ý nhanh chóng trừ bỏ. Lại năng rớt ráo không dọa ác thú. Trọn không cố suy nghĩ trái vượt sở học, cho đến loài bàng sanh cũng chẳng được hại mạng. Trọn không thối chuyển, xả bỏ sở học. Lại không năng tạo năm nghiệp vô gián. Quyết chắc rằng: “Khổ vui chẳng phải do mình làm, chẳng phải do người làm, chẳng phải do mình người làm, chẳng phải chẳng do mình người làm, không nhân mà sanh”. Trọn không cầu thỉnh ngoại đạo làm thầy, cũng không đối kia khởi tưởng cho là bậc phước điền. Đối với hết thấy Sa-môn, Bà-la-môn khác, trọn chẳng ngẩng lên nhìn miệng và mặt. Duy chỉ tự mình kiến pháp, biết pháp, đắc pháp, chứng tận gốc nguồn của pháp. Vượt qua nghi hoặc, không do duyên khác. Y chỉ sự dạy bảo của bậc Đại sư, không bị kẻ khác dẫn dắt. Ở trong pháp được vô sở úy.



Trọn không vọng tính những điều tốt thế gian cho là thanh tịnh. Trọn không thọ thêm sự sanh hữu lần thứ tám, thành tựu đầy đủ bốn chủng chứng tịnh.

Người tu hành như vậy, cho đến Pháp thế đệ nhất trở về trước, gọi là tác ý thắng giải. Hiện quán các Thánh đế trở về sau, cho đến vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, gọi là tác ý xa lìa.

Lại từ đây về sau, vì muốn tiến lên đoạn trừ các hoặc tu sở đoạn, như đạo đã đắc càng thêm tu tập, năng vĩnh viễn đoạn các phiền não bậc trung và bậc thượng của Dục giới, chứng đắc quả Nhất lai. Như sở hữu các tướng của quả Dự lưu, nhưng đây có ít phần sai khác. Đó là cảnh giới hành, ở nơi năng thuận theo các phiền não triền mạnh mẽ phẩm thượng, do thất niệm, tạm thời phát khởi các phiền não triền nhỏ yếu. Vừa thoát hiện, năng tác ý nhanh chóng trừ bỏ. Chỉ sanh trở lại thế gian một lần, liền năng rốt ráo chứng biên tế khổ, đắc quả Bất hoàn và tướng Bất hoàn. Như trước đã nói, nên biết trong đây do tác ý quán sát ở nơi tất cả việc tu đạo, luôn luôn quán sát đã đoạn, chưa

đoạn, như đạo đã đắc mà chân chánh tu tập.

Lại ở trong đây, thế nào gọi là *tu tự tánh*? Thế nào gọi là *tu nghiệp*? Thế nào gọi là *tu các phẩm loại sai biệt*?

*Tu tự tánh*: là tác ý định địa ở nơi pháp thiện hữu vi thế gian, xuất thế gian, tu tập tăng trưởng, thực hành không gián đoạn, thực hành ân trọng, khiến tâm tương tục, lãnh hội thể tánh của kia. Như vậy gọi là tu tự tánh.

*Tu nghiệp*, lược có 8 chủng: 1. Có một loại pháp do tu nên được; 2. Có một loại pháp do tu nên tập; 3. Có một loại pháp do tu nên tịnh; 4. Có một loại pháp do tu nên trừ khiến; 5. Có một loại pháp do tu nên biết; 6. Có một loại pháp do tu nên đoạn; 7. Có một loại pháp do tu nên chứng; 8. Có một loại pháp do tu nên xa lìa.

Nếu trước chưa được thiện pháp thù thắng, tu tập khiến được, gọi là do tu nên được.

Nếu trước đã được, khiến hiện tiền triển chuyển, gọi là do tu nên tập.

Nếu trước đã được, nhưng chưa khiến hiện tiền, chỉ cần tu tập chủng loại pháp kia, sẽ khiến hiện tiền, khiến triển chuyển sanh khởi thanh

tịnh sáng sạch, gọi là do tu nên tịnh.

Nếu bị thất niệm khiến pháp nhiệm ô hiện hành, nhưng do lực tu thiện pháp, khiến không hẳn thọ, đoạn trừ, biến đổi, nhả ra, gọi là do tu nên trừ khiển.

Nếu chưa sanh khởi pháp phải đoạn trừ, nhưng do lực tu thiện pháp, biết rõ kia như bệnh, nên thân tâm nhằm chán hủy hoại. Biết rõ như ung nhọt, như tên độc, chướng ngại pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, nên sanh sâu nhằm chán hủy hoại. Đây gọi là do tu nên biết.

Hiểu biết như vậy rồi, vì luôn tu tập, đạo không gián đoạn sanh, đoạn trừ các phiền não, gọi là do tu nên đoạn.

Đã đoạn phiền não, chứng đắc giải thoát, gọi là do tu nên chứng.

Như như thăng tiến lên các thiện pháp của địa cao hơn, như vậy như vậy khiến cho các pháp đã đoạn của địa dưới chuyển thành phần xa, cho đến rốt ráo xa lìa. Đây gọi là do tu nên xa lìa. Phải biết đây gọi là tám chủng tu nghiệp.

*Tu các phẩm loại sai biệt có 11 chủng: 1. Tu Xa-ma-thạ; 2. Tu Tỳ-bát-xá-na; 3. Tu đạo thế gian;*

4. Tu đạo xuất thế gian; 5. Tu đạo phẩm hạ; 6. Tu đạo phẩm trung; 7. Tu đạo phẩm thượng; 8. Tu đạo gia hạnh; 9. Tu đạo không gián đoạn; 10. Tu đạo giải thoát; 11. Tu đạo thắng tiến.

Tu Xa-ma-tha: là chín chủng hành khiến tâm an trụ, như trước đã nói.

Tu Tỳ-bát-xá-na: như trước đã nói.

Tu đạo thế gian: ở các địa dưới quán là tướng thô, ở các địa trên quán là tướng tinh, cho đến năng đi đến Vô sở hữu xứ tất cả ly dục.

Tu đạo xuất thế gian: chánh tư duy Khổ chân thật là Khổ, Tập chân thật là Tập, Diệt chân thật là Diệt, Đạo chân thật là Đạo. Do thánh đạo vô lậu như chánh kiến... cho đến năng đi đến Phi tướng phi phi tướng xứ, tất cả ly dục.

Tu đạo phẩm hạ: do đây năng đoạn phiền não phẩm thượng thô trọng.

Tu đạo phẩm trung: do đây năng đoạn sở hữu phiền não phẩm trung.

Tu đạo phẩm thượng: do đây năng đoạn sở hữu phiền não phẩm hạ. Đây là phẩm được đoạn trừ sau cùng.

Tu đạo gia hạnh: do đây vì đoạn phiền não,

phát khởi gia hạnh.

Tu đạo không gián đoạn: do đây nên chánh đoạn phiền não.

Tu đạo giải thoát: do đây hoặc đoạn không gián đoạn, chứng đắc giải thoát.

Tu đạo thắng tiến: do đây từ đây về sau tu thiện pháp thù thắng, cho đến chưa khởi gia hạnh năng đối trị phiền não của địa khác, hoặc lại chưa phát khởi đi đến vị rốt ráo. Đây là 11 chủng tu phẩm loại sai biệt.

Như vậy, người siêng năng tu tập ở nơi việc tu, có lúc phải chánh quán sát sở hữu phiền não đã đoạn, chưa đoạn. Có lúc đối với những pháp đáng chán ghét, tâm sanh chán lìa sâu. Có lúc đối với những pháp đáng hân lạc, tâm vui thích sâu. Như vậy gọi là tác ý nhiếp lạc.

Vị kia ở nơi tác ý nhiếp lạc đây, gần gũi tu tập, nhiều tu tập, có khả năng vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa phiền não tu đạo sở đoạn. Vị học sau cùng Kim cương dụ Tam-ma-địa sanh, do vì sanh đây, liền năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não tu đạo sở đoạn.

**Hỏi:** Nhân duyên gì mà Tam-ma-địa đây gọi

là Kim cương dụ?

Đáp: Ví như kim cương đem sánh với các trân bảo khác, như ma-ni, trân châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô... thì rắn chắc hơn cả, năng cắt xuyên qua, phá được tất cả vật báu khác; còn các vật báu khác chẳng thể xuyên qua, phá hoại được kim cương. Như vậy nên Tam-ma-địa đây đối với các Tam-ma-địa hữu học là tối thượng, là tối thắng, là bền chắc hơn cả, năng phá hoại được tất cả phiền não, không để tất cả phiền não phẩm thượng có thể ẩn nấp. Cho nên Tam-ma-địa đây gọi là Kim cương dụ.

Từ Tam-ma-địa Kim cương dụ đây không gián đoạn, năng vĩnh viễn hại diệt tất cả chủng tử phiền não phẩm thô trọng, khiến tâm ở nơi kia giải thoát rốt ráo, chứng đắc chủng tánh rốt ráo thanh tịnh. Vì tất cả phiền não rốt ráo tận diệt, nên phát khởi Tận trí. Do nhân tận, nên quả khổ đương lai rốt ráo chẳng sanh, tức ở trong ấy phát khởi Vô sanh trí. Vị kia lúc bấy giờ thành A-la-hán, các lậu đã tận, việc làm đã xong, không còn việc cần làm nào, chứng đắc nghĩa tự lợi, sạch các hữu kiết. Vị kia đã chánh phụng hành chánh giáo của Như Lai, tâm khéo được giải thoát. Thành tựu đầy đủ mười pháp

vô học, đó là: vô học chánh kiến, chánh tư duy, cho đến vô học chánh giải thoát, chánh trí. Ở trong các trụ và trong tác ý, năng tùy dụng tâm tự tại mà chuyển. Tùy theo chỗ trụ, hoặc Thánh trụ, hoặc Thiên trụ, hoặc Phạm trụ, nếu vui thích liền năng an trụ. Tùy theo sở hữu chánh pháp, năng dẫn dắt các nghĩa lợi lành thế gian và xuất thế gian, nếu vui thích tư duy tức liền tư duy.

Thánh trụ: là trụ Không, trụ Vô nguyện, trụ Vô tướng, trụ Diệt tận định. Thiên trụ: tức là trụ các tinh lự, các Vô sắc. Phạm trụ: tức là trụ từ, trụ bi, trụ hỷ, trụ xả.

Lại lúc bấy giờ, vị kia đi đến cực cứu cánh, rốt ráo vô cấu, chúng đắc rốt ráo ngần mé phạm hạnh, xa lìa các then chốt. Đã ra khỏi hầm sâu, đã vượt khỏi hào thẳm, đã năng hàng phục Y-sư-ca kia. Đây là bậc chân chánh bẻ gãy cờ kiêu mạn. Đã đoạn năm chi, thành tựu sáu chi. Một hướng thủ hộ bốn chỗ nương tựa, tối cực xa lìa. Độc nhất thật đế, xả bỏ mong cầu. Tư duy không vẫn đục, thân hành đoạn dứt mạnh mẽ, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Một mình không bạn lữ, chánh hạnh đã lập. Như vậy gọi là đã gần gũi bậc Vô

Thượng Trọng Phu. Vị kia thành tựu đầy đủ sáu pháp hằng trụ, đó là mắt thấy sắc rồi, không mừng không buồn, chánh niệm chánh biết, an trụ xả bậc thượng. Như vậy tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý rõ pháp cũng không mừng không buồn, chánh niệm chánh biết, an trụ xả bậc thượng. Vị kia lúc bấy giờ lãnh thọ tham dục vĩnh viễn tận không sót thừa, lãnh thọ sân khuể vĩnh viễn tận không sót thừa, lãnh thọ ngu si vĩnh viễn tận không sót thừa. Vị kia đều vĩnh viễn tận tham sân si, nên không tạo tác các ác, gần gũi tu tập các pháp thiện. Tâm như hư không, như nước thanh tịnh, như hương chiên-đàn vi diệu. Lại được khắp tất cả Thiên đế, Thiên vương cung kính cúng dường. Vị kia trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, vượt qua biển sanh tử, đã đến bờ kia, cũng gọi là trụ trì thân tối hậu. Nghiệp phiền não trước dẫn dắt các uẩn kia tận diệt tự nhiên, vì không tương tục, vì không còn thủ sót thừa, ở nơi Vô dư y Bát-niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Trong đây đều không người Bát-niết-bàn, như ở nơi sanh tử không người lưu chuyển. Chỉ có tất cả khổ vĩnh viễn diệt, tịch tĩnh, thanh lương, diệt hết. Duy ở xứ đây là tịch



tĩnh tối thắng hơn cả. Vì xả bỏ tất cả sự nương bám, ly dục ái tận, vĩnh viễn tịch diệt Niết-bàn. Nên biết cõi đây có tướng như vậy.

Bí-sô A-la-hán các lậu đã vĩnh viễn tận, không gần gũi tập quen năm loại hành vi: 1. Không cố ý sát hại mạng chúng sanh; 2. Không lấy của không cho; 3. Không hành phi phạm hạnh, tập quen pháp dâm dục; 4. Không nói vọng ngữ; 5. Không chứa nuôi, tích trữ, thọ dụng các dục. Cũng không vọng tính khổ vui hoặc mình làm, hoặc người làm, hoặc mình người cùng làm, hoặc chẳng phải mình người làm, không nhân mà sanh. Lại cũng không khiếp sợ những việc không nên nghĩ nhớ. Lại cũng không sanh sâu sợ hãi đối với những hiện tượng như mây, sấm chớp, mưa đá... và chủng chủng các việc đáng sợ khác.

Phải biết tác ý nhiếp thuộc Kim cương dụ định đây gọi là tác ý gia hạnh rốt ráo. Tác ý nhiếp thuộc quả tối thượng A-la-hán đây gọi là tác ý quả gia hạnh rốt ráo. Do hết thấy tác ý như vậy, cần nương đạo xuất thế mới chứng đắc rốt ráo.

Tất cả như vậy gọi là Thanh Văn Địa. Đây là tất cả giáo pháp căn bản tương ứng với Thanh văn

mà hết thấy bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã thuyết. Giống như tất cả danh, cú, văn thân là chỗ tạo ra văn chương, chú thuật, dị luận căn bản khác.

## Thứ 14. ĐỘC GIÁC ĐỊA

Như vậy đã thuyết Thanh văn địa. Sao gọi là *Độc giác địa*? Phải biết địa đây có năm chủng: **1.** Chủng tánh; **2.** Đạo; **3.** Tập; **4.** Trụ; **5.** Hành.

**1. Chủng tánh Độc giác:** Nên biết do ba tướng.

Có bản tánh Độc giác trước lúc chưa chứng đắc Bồ-đề, đã có chủng tánh mông trần. Do nhân duyên đây, tâm không ưa thích ở nơi chốn ồn ào náo nhiệt, tâm sanh vui thích ở chốn tịch tĩnh.

Có bản tánh Độc giác trước lúc chưa chứng đắc Bồ-đề, đã có chủng tánh tâm bi mông. Do nhân duyên đây, tâm không ưa thích đối với việc tuyên thuyết chánh pháp lợi lạc hữu tình. Đối với việc ít

suy tư, an trú trong tịch tĩnh, tâm sanh vui thích sâu.

Có bản tánh Độc giác trước lúc chưa chứng đắc Bồ-đề, có chủng tánh trung căn, là loại hành mạn. Do nhân duyên đây, thâm tâm không mong muốn, không thầy, cũng không người sánh bằng, mà chứng đắc Bồ-đề.

**2. Đạo Độc giác:** Nên chánh rõ biết do ba tướng.

Có một loại an trú chủng tánh Độc giác, trải qua một trăm kiếp, được gặp Phật ra đời, gần gũi phụng sự, tương tục thuần thực, chuyên tâm cầu chứng Độc giác Bồ-đề. Vì kia tinh cần tu học uẩn thiện xảo, xứ thiện xảo, giới thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, xứ phi xứ thiện xảo, đế thiện xảo, nên ở đời vị lai nhanh chóng chứng được Độc giác Bồ-đề. Như vậy gọi là đạo Độc giác thứ nhất.

Có một loại được gặp Phật xuất thế. Vì kia gần gũi bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý. Ban đầu chưa phát khởi thiện căn thuận phần quyết trạch, đó là vị Noãn, Đảnh, Nhẫn. Không đủ năng lực ngay ở kiếp sống đó chứng

pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn. Lại tiếp tục tu uẩn thiện xảo, tu xứ thiện xảo, tu giới thiện xảo, tu duyên khởi thiện xảo, tu xứ phi xứ thiện xảo, tu đế thiện xảo. Ở đời vị lai, năng chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn. Đây gọi là đạo Độc giác thứ hai.

Có một loại được gặp Phật xuất thế, gần gũi bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý. Vị kia đã chứng pháp hiện quán, đắc quả Sa-môn, nhưng không có năng lực ở tất cả chúng đi đến cực cứu cánh, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo chứng đắc ngần mé phạm hạnh quả A-la-hán. Lại tiếp tục tu uẩn khéo léo, tu xứ khéo léo, tu giới khéo léo, tu duyên khởi khéo léo, tu xứ phi xứ khéo léo, tu đế khéo léo. Do nương đạo xuất thế, nên ở đời vị lai đi đến cực cứu cánh, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo chứng đắc ngần mé phạm hạnh quả A-la-hán. Đây gọi là đạo Độc giác thứ ba.

**3. Tập Độc giác:** Có một loại nương đạo Độc giác thứ nhất, trải qua đầy đủ trăm kiếp tu tập tư lương. Quá trăm kiếp, tuy ra đời không gặp Phật, không thầy mà năng tự tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề

phần, chứng pháp hiện quán, đắc quả Độc giác Bồ-đề, vĩnh viễn đoạn tận tất cả phiền não, thành A-la-hán.

Lại có một loại, hoặc nương đạo Độc giác thứ hai, hoặc nương đạo Độc giác thứ ba. Do nhân duyên đây, tuy ra đời gặp lúc không có Phật, không thầy nhưng tự năng tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, chứng pháp hiện quán, cho đến đắc quả Bồ-đề, hoặc đắc quả Sa-môn. Đi đến cực cứu cánh, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo chứng đắc ngàn mé phạm hạnh, chứng đắc quả tối thượng A-la-hán.

Trong đây, do tập thứ nhất nên thành tựu Độc giác, gọi là Lâm giác dụ. Do tập thứ hai và tập thứ ba nên thành tựu Độc thắng, đều gọi là Bộ hành dụ.

**4. Trụ Độc giác:** Độc giác Lâm giác dụ sở tập thứ nhất, vui sống ở rừng vắng, vui sống một mình, vui thắng giải sâu xa, vui quán sát đạo lý duyên khởi thẳm sâu. Tác ý vui an trụ không, vô tướng, vô nguyện cùng tột. Nếu là Độc thắng Bộ hành dụ sở tập thứ hai và thứ ba, thì không hẳn chỉ một ý hướng vui sống trong rừng vắng, vui sống một mình,

mà cũng vui sống hỗn tạp cùng với các chúng. Còn có dạng tướng trụ khác như Lân giác dụ.

**5. Hành Độc giác:** Tất cả các Độc giác tùy nương thôn xóm, tụ lạc mà ở. Vị kia khéo hộ thân, khéo gìn giữ các căn, khéo trụ chánh niệm. Vị kia lúc đi vào thôn xóm, tụ lạc, hoặc vì khát thực, hoặc vì tế độ những kẻ ngu muội hạ liệt, chỉ dùng thân tế độ, không dùng lời nói. Vì cơ sao? Bởi lẽ các vị kia chỉ thuyết pháp bằng cách hiện thân tướng, không phát ra lời nói, thị hiện chủng chủng cảnh giới thần thông, khiến tâm của kẻ phỉ báng sanh khởi hướng về quy phục.

Lại, hết thấy kia nên biết bản lai xưa nay chỉ một bề thú hướng tịch tịnh.



## Quyển 35

### Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Như vậy đã thuyết Độc giác địa. Sao gọi là Bồ-tát địa?

Ốt-Đà-Nam nói:

*Trước trì, kế tướng, phân,  
Tăng thượng ý lạc, trụ,  
Sanh, nhiếp thọ, địa, hành,  
Kiến lập là rốt sau.*

Có mười pháp nhiếp đầy đủ đạo và quả của Bồ-tát Đại thừa. Những gì là mười? **1.** Trì; **2.** Tướng; **3.** Phân; **4.** Tăng thượng ý lạc; **5.** Trụ; **6.** Sanh; **7.** Nhiếp thọ; **8.** Địa; **9.** Hành; **10.** Kiến lập.

### Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

#### Phẩm 1. CHỨNG TÁNH

Sao gọi là Trì? Đó là tự thừa đương chứng tánh, phát tâm ban đầu, tất cả sở hành pháp Bồ-

đề phần của chư Bồ-tát. Đây gọi là trì.

Vì có sao? Vì lấy *tự thừa đương chủng tánh* của chư Bồ-tát làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nên có khả năng kham nhiệm, có sức mạnh lớn, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên nói: “Tự thừa đương chủng tánh của kia là trì tánh kham nhiệm của chư Bồ-tát”.

Vì lấy *phát tâm ban đầu* của chư Bồ-tát làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nên năng tinh cần tu học ở nơi sáu Ba-la-mật-đa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tĩh lự, trí tuệ; tu học ở nơi tư lương phước đức, tư lương trí tuệ, tu học ở nơi tất cả pháp Bồ-đề phần. Cho nên nói: “Phát tâm ban đầu của kia là trì gia hạnh các hạnh của chư Bồ-tát”.

Vì lấy *tất cả sở hành pháp Bồ-đề phần* làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nên viên mãn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên nói: “Tất cả sở hành pháp Bồ-đề phần của kia là trì sự viên mãn Đại Bồ-đề”.

Nếu có bổ-đặc-già-la trụ không chủng tánh, vì không chủng tánh nên tuy có phát tâm và hành gia hạnh làm chỗ nương, cũng quyết định không thể kham nhiệm viên mãn Vô thượng Chánh đẳng



Bồ-đề. Do đạo lý đây, nếu có bồ-đặc-già-la tuy chưa phát tâm, chưa tu tập sở hành gia hạnh Bồ-tát, nhưng có chủng tánh, nên biết so với điều đã nói trên, vẫn được gọi là trì.

Lại có bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh, nếu không phát tâm, không tu sở hành gia hạnh Bồ-tát, thì tuy có thể kham nhiệm mà không nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Trái với tướng trên phải biết mau chứng.

Lại chủng tánh đây như đã nói thì gọi là trì, cũng gọi là trợ giúp, cũng gọi là nhân, cũng gọi là nương tựa, cũng gọi là thêm bậc, cũng gọi là dẫn đường, cũng gọi là nhà ở. Như chủng tánh, thì phát tâm ban đầu, sở hành gia hạnh nên biết cũng vậy.

Sao gọi là *chủng tánh*? Lược có hai chủng: 1. Chủng tánh trụ bản tánh; 2. Chủng tánh do tập mà thành.

Chủng tánh trụ bản tánh: chư Bồ-tát có sáu việc thù thắng. Có tướng như vậy là do từ đời vô thủy triển chuyển cho đến nay, vốn có tự nhiên. Đây gọi là chủng tánh trụ bản tánh.

Chủng tánh do tập mà thành: do trước xuyên suốt tu tập thiện căn mà được, gọi là chủng tánh

do tập mà thành.

Theo như ý nghĩa trong đây đều lấy cả hai chủng.

Lại chủng tánh đây cũng gọi là chủng tử, cũng gọi là giới, cũng gọi là tánh.

Lại chủng tánh đây chưa tập thành quả, vì chưa thành quả, nên gọi là tế. Đã tập thành quả, vì đồng cho quả, gọi là thô.

Nếu chư Bồ-tát thành tựu chủng tánh, thì đã vượt qua Thanh văn, Độc giác, huống là tất cả hữu tình khác. Phải biết chủng tánh đây không gì vượt trên, thù thắng hơn cả. Vì cố sao? Lược do hai loại tịnh: 1. Tịnh phiền não chướng; 2. Tịnh sở tri chướng.

Tất cả chủng tánh Thanh văn, Độc giác chỉ năng chứng tịnh phiền não chướng, nhưng không thể chứng tịnh sở tri chướng. Còn chủng tánh Bồ-tát cũng năng chứng tịnh phiền não chướng, cũng năng chứng tịnh sở tri chướng, cho nên nói: “So với tất cả chủng tánh, thì chủng tánh Bồ-tát không gì vượt trên, thù thắng hơn cả”.

Lại do bốn việc nên Bồ-tát thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Độc giác. Những gì là bốn? 1. Căn

thắng vượt hơn; 2. Hành thắng vượt hơn; 3. Thiện xảo thắng vượt hơn; 4. Quả thắng vượt hơn.

Căn thắng vượt hơn: chư Bồ-tát bản tánh căn thông lợi. Độc giác căn bậc trung. Thanh văn căn yếu kém. Đây gọi là căn thắng vượt hơn.

Hành thắng vượt hơn: chư Bồ-tát năng lợi mình cũng năng lợi người, làm lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, vì xót thương thế gian, khiến chư thiên, loài người đạt được nghĩa lợi ích an lạc thù thắng. Thanh văn, Độc giác chỉ hành lợi mình. Đây gọi là hành thắng vượt hơn.

Thiện xảo thắng vượt hơn: Thanh văn, Độc giác ở trong uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ năng tu thiện xảo. Bồ-tát ở đây và ở nơi tất cả minh xứ khác năng khéo léo tu tập. Đây gọi là thiện xảo thắng vượt hơn.

Quả thắng vượt hơn: Thanh văn năng chứng Thanh văn Bồ-đề. Độc giác năng chứng Độc giác Bồ-đề. Bồ-tát năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là quả thắng vượt hơn.

Lại chư Bồ-tát có sáu tướng chủng tánh Ba-la-mật-đa. Do các tướng đây, khiến người khác rõ biết đây chân thật là Bồ-tát: 1. Tướng chủng tánh

Bố thí Ba-la-mật-đa; 2. Tướng chủng tánh Trì giới Ba-la-mật-đa; 3. Tướng chủng tánh An nhẫn Ba-la-mật-đa; 4. Tướng chủng tánh Tinh tấn Ba-la-mật-đa; 5. Tướng chủng tánh Tĩnh lự Ba-la-mật-đa; 6. Tướng chủng tánh Trí tuệ Ba-la-mật-đa.

**1. Tướng chủng tánh Bố thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát:** Chư Bồ-tát bản tánh vui thí, kham bố thí các vật hiện có thường hằng không gián đoạn. Tánh năng phân phát bình đẳng cho mọi loại người. Tâm hoan hỷ thí cho, ý không nuối tiếc, vật thí tuy ít mà phân chia đồng đều. Huệ thí rộng sâu, không cạn hẹp, ôm lòng hổ thẹn sâu đối với việc không huệ thí. Thường vì người mà ngợi khen việc thí, khuyến khích bố thí, thấy người thí lòng sanh vui sướng. Đối với bậc kỳ lão phước điền đáng tôn kính cúng dường, khi thấy các bậc ấy, đang ngồi liền đứng dậy đón tiếp, cung kính phụng thí. Đối với những việc lợi ích vô tội trong các loài hữu tình, đời này, đời khác, hoặc được thỉnh cầu, hoặc không thỉnh cầu, Bồ-tát vẫn như lý mà nói.

Hoặc chư Bồ-tát thấy các hữu tình hãi sợ khi gặp nạn vua, giặc, lửa, nước... thì thí cho họ sự vô

úy. Ở trong hoàn cảnh đáng sợ khác, cũng tùy khả năng cứu giúp. Đối với các vật mà người gởi gắm, trọn không làm điều sai trái. Nếu thiếu nợ tài vật của người, trọn không dối gạt. Đối với tài sản chung, cũng không lừa gạt gian dối. Nếu có kẻ tâm mê muội điên đảo đối với các vật dụng nuôi thân và các vật báu như ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, vàng bạc, thì chân chánh khai sáng chỉ dạy. Đối với các vật kia còn không khiến người gian dối, huống là tự mình làm.

Hoặc chư Bồ-tát tự thấy mình có tánh ham thích tiền của địa vị rộng lớn, có tâm ham thích thọ dụng tiền của rộng lớn, có tâm ham thích sự nghiệp rộng lớn, không thích nhỏ hẹp... thì nhanh chóng xa lìa xả bỏ, sanh hổ thẹn sâu. Đối với các dục hiển hiện ở thế gian như tử sắc, bài bạc, vui chơi, đàn ca hát xướng... tâm bị mê đắm, liền nhanh chóng nhàm chán xả bỏ, sanh sâu hổ thẹn. Nếu có được tài bảo rộng lớn, còn không tham đắm, hưởng chút lợi nhỏ. Nên biết hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

## **2. Tướng chủng tánh Trì giới Ba-la-mật-**

**đa của Bồ-tát:** Chư Bồ-tát bản tánh bất thiện yếu kém. Hành động của thân, khẩu, ý nghiệp rất ít bạo ác. Đối với các hữu tình ít gây tổn não. Nếu có lỗi nghiệp, thường sanh hổ thẹn, không lòng vui thích, nhanh chóng ăn năn. Không dùng dao, gậy, tay, chân... cho đến hết thấy các vật khác để não hại hữu tình. Đối với chúng sanh, tánh thường từ ái. Đối với bậc đáng kính, đứng dậy tiếp đón, chấp tay thưa hỏi lễ bái, tu nghiệp hòa kính. Việc làm nhanh nhẹn khéo léo, không ngu độn, khéo tùy thuận tâm người. Dung mạo thư thái, thường mỉm cười, xa lìa cau mày nhăn nhó, mắt nhìn đoan chánh, mở lời thăm hỏi ân cần trước. Với hữu tình có ân thì biết ân, biết báo ân. Với người đến cầu xin, thường hành chánh trực, không dùng lời dối nịnh mà chối từ. Như pháp cầu tài vật, không dùng phi pháp, không dùng cách hung bạo nóng vội. Tánh thường vui thích tu các nghiệp phước. Với người tu phước, thường khích lệ hỗ trợ, hướng lại không tự mình làm. Hoặc thấy, hoặc nghe người thọ khổ, như bị trời cột, cắt chém, đánh đập, chửi mắng, bức hiếp... thì đau đớn hơn cả chính mình đang nhận chịu. Tôn trọng pháp đã thọ và tôn

trọng đời sau, nên đối với ít tội vẫn còn sanh sâu sợ hãi, hưởng là nhiều tội. Đối với vô số công việc của người như buôn bán, làm nông, chăn nuôi, in ấn, kế toán, hòa giải tranh tụng, phương tiện sanh lời, xả thí, hôn nhân... đối với các việc như pháp như vậy, thấy đều đồng sự. Còn trong tất cả việc phi pháp như đấu tranh kiện tụng người khác, các việc nào hại lẫn nhau, khiến mình người thọ các khổ não vô nghĩa vô ích... thì không đồng sự. Đối với mười loại nghiệp đạo ác bất thiện, khéo năng ngăn chặn, không làm. Khéo tùy thuận ý người, không trái mệnh lệnh người, đồng an nhẫn hướng đến giới. Đối với sự nghiệp như pháp của người, tùy theo chỗ muốn của kia, sẵn sàng bỏ việc mình khiến kia được thành tựu. Tâm ôn hòa nhuần hậu, thuần tịnh. Tâm giận hờn, tâm nào hại không tương tục lâu, vừa sanh liền xả. Khởi tâm hiền thiện, tôn trọng lời nói chân thật, không lừa dối người. Không chia rẽ thân quyến của người, cũng không vui thích việc làm như vậy. Không tùy tiện nói lời vô nghĩa, vô ích, không tốt. Thường dùng lời nhu nhuyễn, không thô ác. Đối với kẻ hầu người hạ thì tôn trọng không la mắng khiến họ tổn não,

huống là đối với những người khác. Đối với người có thật đức, thật lòng tán thán. Hết thấy loại như vậy nên biết gọi là tướng chủng tánh Trì giới Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

**3. Tướng chủng tánh An nhẫn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát:** Tánh của chư Bồ-tát đây khi gặp phải những việc không lợi ích do người khác gây ra, lòng không sân hại, cũng không đáp trả. Nếu người kia nhận lỗi, mau chóng thọ nhận, trọn không kết hận thù, cũng không ôm lòng oán giận lâu. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh An nhẫn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

**4. Tướng chủng tánh Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát:** Tánh của chư Bồ-tát đây tự tinh cần nỗ lực, thức khuya dậy sớm, không đắm sâu ngủ nghỉ. Đối với những việc nên làm, mạnh mẽ xác quyết vui làm, không sanh giải đãi. Suy nghĩ chọn lựa phương tiện khiến đi đến rốt ráo. Làm việc gì bền bỉ quyết chắc, nếu chưa làm xong, chưa đi đến rốt ráo, thì ở giữa đường trọn không giải đãi thối lui. Đối với đệ nhất nghĩa thâm sâu rộng



lớn, tâm không khiếp nhược, không tự khinh miệt, phát tâm dũng mãnh: “Ta có đủ năng lực chống đến bờ kia”. Hoặc ở giữa đại chúng, hoặc tranh luận với người, hoặc gặp phải chủng chủng sự việc khó hành, đều không kinh sợ. Đối với những việc lớn năng dẫn nghĩa lợi còn không nhàm mỏi, hướng là việc nhỏ. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

**5. Tướng chủng tánh Tinh lực Ba-la-mật-đa của Bồ-tát:** Tánh của Bồ-tát đây đối với pháp, đối với nghĩa, năng tư duy quán xét sâu kỹ, không tán loạn. Hoặc thấy, hoặc nghe có chốn a-lan-nhã, núi cao, rừng rậm, chỗ nằm ngồi bên bờ vắng, không người đến lui, lìa chúng sanh ác, thích hợp cho việc tĩnh tọa, liền khởi nghĩ này: “Đây là chỗ an vui xuất ly, viễn ly”. Thường ở nơi hạnh xuất ly và hạnh viễn ly sanh sâu quý thích. Tâm tánh phiền não mỏng yếu, các cái chuyển nhẹ, các thô trọng suy yếu. Đi đến những chốn viễn ly, suy lường tự nghĩa, tâm ít bị các tâm tư ác quấy nhiễu vây bủa. Với hạng người oán, năng nhanh chóng an trụ tâm từ, hướng là đối với hạng người thân và

hạng người không oán không thân. Hoặc thấy, hoặc nghe chồn nào có chúng sanh khổ bị thống khổ bức bách não loạn, liền khởi tâm đại bi, tùy khả năng, tùy sức lực, phương tiện cứu vớt chúng sanh kia khiến họ lìa các khổ. Tánh tự vui thí lợi ích an lạc cho chúng sanh. Nếu thân quyến bị suy vong, bị hao tán tài bảo, bị giam cầm trói buộc, bị bức bách xua đuổi... trong các khổ nạn ấy thấy đều an nhẫn. Tánh thông minh nhạy bén, ở nơi pháp năng lãnh thọ, năng thọ trì, năng tư duy, thành tựu niệm lực. Đối với việc làm, lời nói lâu xa, tự mình nhớ nghĩ, cũng khiến người nhớ. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

**6. Tướng chủng tánh Trí huệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát:** Chư Bồ-tát thành tựu trí tuệ câu sanh, năng nhập vào tất cả cảnh giới minh xứ. Tánh không ngoan độn, tánh không ám muội, tánh không ngu si. Khắp ở mọi nơi đều xa lìa phóng dật, có năng lực tư duy chọn lựa. Hết thấy loại như vậy gọi là tướng chủng tánh Trí huệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Nên biết tướng thô của chủng tánh Bồ-tát còn

có thể so sánh được, nhưng thật nghĩa quyết định, duy có Đức Phật Thế Tôn hiện thấy rõ ráo.

Vì sở hữu chủng tánh của chư Bồ-tát, tánh tương ưng cùng công đức, nên thành tựu các pháp bạch tịnh hiền thiện. Do đây năng làm nhân chứng đắc, cho ra quả vị Như Lai khó được, tối thắng, không thể nghĩ bàn, vô động, vô thượng. Như trên là xứng hợp với chánh đạo lý, ngoài ra không hợp lý.

Chủng tánh Bồ-tát cho đến chưa bị sự nhiễm ô của bốn tùy phiền não trái với pháp bạch tịnh, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, thì tánh cùng tương ưng với pháp bạch như thế. Nếu bị nhiễm ô, pháp bạch đều không hiển hiện.

Nếu một khi Bồ-tát sanh vào đường ác, tuy sanh trong các loài ác, nhưng do lực chủng tánh, nên biết cùng với những kẻ sanh trong loài ác vẫn có khác biệt lớn. Đó là Bồ-tát kia ở lâu trong sanh tử, hoặc có lúc tuy tạm sanh vào các đường ác, mà năng nhanh chóng giải thoát. Tuy ở trong loài ác mà không cảm thọ những khổ mãnh liệt như những hữu tình khác sanh trong đường ác. Tuy cảm thọ khổ nhỏ nhiệm, mà năng sanh tâm chán lia tăng thượng. Đối với những hữu tình thọ khổ sanh trong

loài ác, phát khởi tâm bi. Hết thấy sự việc đây đều do sự huân tập nhân đại bi của chúng tánh Phật khiến phát khởi. Cho nên chúng tánh Bồ-tát tuy sanh trong đường ác, nhưng có sự khác biệt lớn đối với các hữu tình khác trong đường ác.

Những gì gọi là bốn tùy phiền não trái với pháp bạch tịnh của chúng tánh Bồ-tát?

1. Phóng dật, do trước thường xuyên tập quen các phiền não, nên tánh trở thành phiền não mãi mãi lâu dài. Đây gọi là tánh tùy phiền não thứ nhất.

2. Ngu si, do không khéo léo, nương tựa bạn ác. Đây gọi là tánh tùy phiền não thứ hai.

3. Bị bức bách, do những người tôn trưởng, chồng, vua, giặc cướp, oán địch... nên không được tự tại, tâm mê loạn. Đây gọi là tánh tùy phiền não thứ ba.

4. Do vật thực nuôi sống bị thiếu thốn, nên luyến tiếc thân mạng. Đây là tánh tùy phiền não thứ tư.

Lại chư Bồ-tát tuy chúng tánh đầy đủ, nhưng do bốn nhân duyên khiến không nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. Chư Bồ-tát trước chưa gặp chư Phật, Bồ-tát, các bậc thiện tri thức chân chánh vì mình giảng thuyết đạo Bồ-đề không diên đảo. Như vậy gọi là nhân duyên thứ nhất.

2. Chư Bồ-tát tuy gặp được bạn lành vì mình thuyết chánh đạo, nhưng do chấp trước diên đảo, ở trong sở học chân chánh của Bồ-tát mà tu học diên đảo. Như vậy gọi là nhân duyên thứ hai.

3. Chư Bồ-tát tuy gặp được bạn lành vì mình thuyết chánh đạo, ở trong sở học chân chánh của Bồ-tát tu học không diên đảo. Nhưng ở nơi phương tiện gia hạnh lại chậm chạp, giải đãi lười biếng, không khẩn thiết tinh tấn mạnh mẽ. Như vậy gọi là nhân duyên thứ ba.

4. Chư Bồ-tát tuy gặp bạn lành vì mình thuyết chánh đạo, ở trong sở học chân chánh của Bồ-tát tu học không diên đảo, cũng ở nơi gia hạnh đồng mãnh tinh tấn. Nhưng các thiện căn vẫn chưa thành thực, tư lương Bồ-đề chưa được viên mãn, chưa tích tập lâu dài sở hữu pháp Bồ-đề phần. Như vậy gọi là nhân duyên thứ tư.

Bồ-tát như vậy tuy có chủng tánh, nhưng vì khuyết nhân duyên, nên không thể nhanh chóng

chúng Vô thượng Bồ-đề; nếu đầy đủ nhân duyên, liền nhanh chóng chứng đắc. Nếu bổ-đặc-già-la không có chủng tánh, tuy có đầy đủ tất cả tất cả chủng, nên biết nhất định không chứng Vô thượng Bồ-đề.

## Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

### Phẩm 2. PHÁT TÂM

Lại, chư Bồ-tát ban đầu phát tâm là chánh nguyện trước nhất trong sở hữu chánh nguyện của chư Bồ-tát, khắp năng nhiếp thọ các chánh nguyện khác. Cho nên sơ phát tâm lấy chánh nguyện đầu tiên làm tự tánh.

Lại chư Bồ-tát lúc khởi tâm chánh nguyện cầu Bồ-đề, phát tâm nói lời như vậy: “Nguyện tôi nhất định sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, năng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh rốt ráo an trụ cứu cánh Niết-bàn và an trụ trong trí Như Lai rộng lớn”. Phát tâm như vậy quyết định tự mình mong

cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề và mong cầu làm nghĩa lợi ích cho tất cả hữu tình. Cho nên phát tâm lấy sự quyết định mong cầu làm hành tướng.

Lại chư Bồ-tát vì phát tâm Đại Bồ-đề và duyên tất cả nghĩa lợi ích hữu tình nên phát tâm mong cầu, chẳng phải không có sở duyên. Cho nên phát tâm lấy Đại Bồ-đề và tất cả nghĩa lợi ích hữu tình làm cảnh sở duyên.

Lại chư Bồ-tát phát tâm ban đầu năng nhiếp tất cả pháp Bồ-đề phần. Vì thiện căn thù thắng làm tiền dẫn, nên thiện càng thêm thiện, hiền càng thêm hiền, diệu càng thêm diệu, năng trái với ba nghiệp ác hạnh của các hữu tình, tương ứng công đức.

Lại, sự phát khởi chánh nguyện của chư Bồ-tát phát tâm ban đầu, so với chánh nguyện của tất cả thế gian và xuất thế gian khác hy cầu nghĩa thiện diệu, thật là bậc nhất, thật không gì vượt hơn.

Như vậy phát tâm ban đầu có năm chủng tướng:

1. Tự tánh; 2. Hành tướng; 3. Sở duyên; 4. Công đức; 5. Tối thắng.

Lại chư Bồ-tát đã sơ phát tâm tức gọi là thú nhập Vô thượng Bồ-đề, tham dự vào dòng chư Bồ-

tát Đại thừa. Đây nương vào đạo lý nói theo thế tục, cho nên phát tâm là nhiếp vào thú nhập.

Lại chư Bồ-tát đã phát tâm, lần hồi mới năng nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nếu chưa phát tâm không thể có việc đây. Cho nên phát tâm là căn bản của Vô thượng Bồ-đề.

Lại chư Bồ-tát có tâm bi mẫn đối với tất cả chúng sanh đau khổ, vì muốn cứu vớt nên phát tâm Bồ-đề. Cho nên phát tâm là dòng chảy Đại bi.

Lại chư Bồ-tát lấy sơ phát tâm làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, khắp ở trong tất cả pháp Bồ-đề phần sở học của Bồ-tát, ở trong tất cả việc làm nghĩa lợi cho chúng hữu tình, đều năng tu học. Cho nên phát tâm là chỗ nương cho sự học của chư Bồ-tát.

Như vậy nên biết phát tâm ban đầu là nhiếp vào thú nhập, là căn bản của Bồ-đề, là dòng chảy Đại bi và là chỗ nương tựa của sở học.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm lược có hai chủng:  
1. Ra khỏi hẳn; 2. Không ra khỏi hẳn.

Ra khỏi hẳn: đã phát tâm rồi, rốt ráo theo đó triển chuyển, không còn thối lui trở lại.

Không ra khỏi hẳn: đã phát tâm rồi, không theo đó triển chuyển, giữa đường thối lui. Sự thối



thất phát tâm đây lại có hai chủng: 1. Hoàn toàn; 2. Không hoàn toàn.

Thối thất hoàn toàn: một khi đã thối thất, không thể phát tâm cầu Bồ-đề trở lại.

Thối thất không hoàn toàn: một khi đã thối thất, về sau luôn luôn phát tâm cầu Bồ-đề trở lại.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm do bốn duyên, bốn nhân, bốn lực.

### ***Bốn duyên:***

1. Hoặc có thiện nam tử, thiện nữ nhân được thấy uy lực thần biến rất hy hữu kỳ lạ không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ-tát; hoặc từ người đáng tin mà nghe được việc đây. Đã thấy nghe rồi, khởi nghĩ như vậy: “Vô thượng Bồ-đề có đủ uy đức lớn, khiến người an trụ và người tu hành, hoặc do thấy, hoặc do nghe mà thành tựu uy lực thần biến không thể nghĩ bàn như thế”. Do lực thấy nghe tăng thượng đây, nên đối với Đại Bồ-đề sanh sâu tin hiểu. Nhân đây phát khởi tâm Đại Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ nhất.

2. Hoặc có người tuy không thấy nghe uy lực thần biến như trước đã nói, mà nghe tuyên thuyết

chánh pháp vi diệu giáo tạng Bồ-tát nương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nghe rồi tin sâu. Do lực nghe chánh pháp và tin sâu tăng thượng, nên sanh tin hiểu sâu nơi trí Như Lai. Vì muốn chứng đắc trí Như Lai vi diệu, nên phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ hai.

3. Hoặc có người tuy không nghe chánh pháp như trên, mà thấy tất cả pháp tạng Bồ-tát sắp diệt mất. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Pháp tạng Bồ-tát trụ lâu nơi đời, năng diệt thống khổ cho vô lượng chúng sanh. Ta nên an trụ giữ gìn tạng pháp Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, vì muốn diệt thống khổ cho vô lượng chúng sanh mà ta thọ trì”. Do lực an trụ giữ gìn tạng pháp Bồ-tát tăng thượng, nên sanh tin hiểu sâu nơi trí Như Lai. Vì muốn chứng đắc trí Như Lai vi diệu, nên phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ ba.

4. Hoặc có người tuy không thấy chánh pháp sắp diệt, nhưng thấy ở kiếp mạt, đời mạt, thời mạt, thấy thân tâm chúng sanh chứa chấp các thứ ác trược, bị não loạn bởi mười tùy phiền não. Đó là nhiều ngu si, nhiều không tầm quý, nhiều các tật đố, nhiều các ưu khổ, nhiều các thô trọng, nhiều các

phiền não, nhiều các ác hành, nhiều các phóng dật, nhiều các giải đãi, nhiều các bất tín. Thấy việc đây rồi, liền khởi nghĩ này: “Đời hiện tại phát khởi các thứ ác trược lớn, bị các tùy phiền não nhiều loạn, người năng phát khởi yếu ớt tâm tu hành Thanh văn, Độc giác Bồ-đề còn khó thể được, huống là năng phát tâm đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nay ta phải phát tâm Đại Bồ-đề, khiến nơi đời ác đây, vô lượng hữu tình tùy học theo ta mà khởi Bồ-đề nguyện”. Do thấy trong đời mạt kiếp phát tâm khó được lực tăng thượng, nên tin hiểu sâu đối với Đại Bồ-đề. Nhân đây phát khởi tâm Đại Bồ-đề. Đây gọi là duyên sơ phát tâm thứ tư.

### ***Bốn nhân:***

1. Chư Bồ-tát có chủng tánh đầy đủ. Đây gọi là nhân sơ phát tâm thứ nhất. Trong đây, nếu chư Bồ-tát thành tựu sáu việc thù thắng, pháp nhĩ tự nhiên vốn có từ đời vô thủy triển chuyển cho đến nay, gọi là chủng tánh đầy đủ.

2. Chư Bồ-tát nương vào sự nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, bạn lành. Đây gọi là nhân sơ phát tâm thứ hai. Trong đây, do bốn chủng tướng, nên biết Bồ-

tát có bạn lành đầy đủ. Đó là chư Bồ-tát gặp được bạn lành có tánh thông minh, sáng suốt, không ngu độn, không đọa nơi ác kiến. Đây gọi là tướng bạn lành đầy đủ thứ nhất. Lại chư Bồ-tát gặp được bạn lành trọn không dạy người hành hạnh phóng dật, cũng không trao cho các vật dụng phóng dật. Đây gọi là đầy đủ bạn lành thứ hai. Lại chư Bồ-tát gặp được bạn lành trọn không chỉ dạy người hành các ác hạnh, cũng không trao cho các vật dụng ác hạnh. Đây gọi là bạn lành đầy đủ thứ ba. Lại chư Bồ-tát gặp được bạn lành trọn không khuyên xả tín tâm, không khuyên xả tinh tấn thọ học các phương tiện công đức tăng thượng để tin muốn tinh tấn thọ học tu tập phương tiện công đức hạ liệt. Đó là trọn không khuyên xả Đại thừa để tu Nhị thừa, khuyên xả tu tuệ để tu tứ tuệ, khuyên xả tứ tuệ để tu văn tuệ, khuyên xả văn tuệ để tu phước nghiệp, khuyên xả giới để tu huệ thí. Trọn không khuyên xả hết thấy loại công đức tăng thượng để tu hết thấy công đức hạ liệt như thế. Đây gọi là đầy đủ bạn lành thứ tư.

3. Chư Bồ-tát đối với chúng sanh khởi nhiều tâm bi. Đây gọi là nhân sơ phát tâm thứ ba. Trong

đây, do bốn nhân duyên nên biết Bồ-tát đối với chúng sanh khởi nhiều tâm bi. Đó là chư Bồ-tát tuy ở mười phương vô lượng vô biên thế giới không có khổ, nhưng vẫn sanh trong các thế giới có khổ. Ở các nơi đó, luôn phải lãnh chịu các thứ khổ lớn, chẳng phải không gặp khổ. Hoặc có lúc thấy người gặp khổ bức bách, hoặc có lúc thấy tự mình gặp khổ bức bách. Hoặc có lúc thấy mình người gặp khổ bức bách, hoặc có lúc thấy cả mình người đều trường thời phải chịu vô số nỗi khổ mạnh mẽ bức bách không gián đoạn. Nhưng Bồ-tát đây tự nương chủng tánh, tánh tự nhiên nhân hiền, nương bốn cảnh xứ, tuy không thường xuyên tập quen, vẫn năng phát khởi tâm bi bậc thượng, trung, hạ không bao giờ ngừng nghỉ.

4. Chư Bồ-tát ở nơi các loại khổ hạnh khó hành, trong sanh tử thống khổ lâu dài không gián đoạn không khuyết hở, vẫn không sanh tâm khiếp sợ. Đây là nhân sơ phát tâm thứ tư. Trong đây, do bốn nhân duyên nên biết Bồ-tát trước khởi tâm bi đối với chúng sanh; ở nơi các loại khổ hạnh khó hành, trong sanh tử thống khổ lâu dài không gián đoạn không khuyết hở, còn không sanh tâm khiếp sợ,

huống là đối với những khổ nhỏ. Đó là chư Bồ-tát đây tánh dũng kiện, có lực kham nhẫn. Đây gọi là nhân duyên thứ nhất. Lại chư Bồ-tát tánh tự nhậy bén, thông minh, sáng suốt, năng chánh tư duy, đầy đủ khả năng suy xét. Đây gọi là nhân duyên thứ hai. Lại chư Bồ-tát năng đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thành tựu tin hiểu thanh tịnh bậc thượng. Đây gọi là nhân duyên thứ ba. Lại chư Bồ-tát thành tựu thân tâm bi mẫn bậc thượng đối với chúng sanh. Đây gọi là nhân duyên thứ tư.

### ***Bốn lực:***

1. Tự lực: chư Bồ-tát do năng lực của bản thân, nên sanh sâu vui thích đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ nhất.

2. Tha lực: chư Bồ-tát do năng lực của người khác, nên sanh sâu vui thích đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ hai.

3. Lực nhân: chư Bồ-tát vì đời trước tu tập thiện pháp tương ưng Đại thừa, nên ở hiện pháp hoặc được thấy chư Phật, Bồ-tát, hoặc được nghe tán thán khen ngợi, liền nhanh chóng phát tâm

Bồ-đề; hướng chi được thấy thần lực, được nghe chánh pháp. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ ba.

4. Lực gia hạnh: chư Bồ-tát ở trong hiện pháp gần gũi các bậc thiện sĩ, được nghe chánh pháp, tư duy sâu chắc, trường thời tu tập chủng chủng thiện pháp. Do gia hạnh đây phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là lực sơ phát tâm thứ tư.

Nếu chư Bồ-tát nương chung, hoặc nương riêng bốn nhân, bốn duyên trên; hoặc do tự lực, hoặc do lực nhân, hoặc do lực cả hai mà phát tâm, phải biết tâm đây bền vững không lay động. Hoặc do tha lực, hoặc do lực gia hạnh, hoặc do lực cả hai mà phát tâm, phải biết tâm đây không bền vững, cũng dễ bị lay động.

Lại có bốn nhân duyên khiến Bồ-tát thối thất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn? 1. Chủng tánh không đầy đủ; 2. Bị bạn ác thâm nhiếp; 3. Đối với chúng sanh, tâm bi yếu ớt; 4. Ở nơi chúng chủng khổ hạnh khó hành, trong sanh tử thống khổ lâu dài không gián đoạn không khuyết hở, tâm quá sanh kinh hãi, khiếp sợ.

Như vậy có bốn chủng nhân duyên khiến thối thất tâm. Trái với tướng đây là bốn chủng nhân

duyên phát tâm, đã được biện rộng ở phần trước.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố lược có hai tướng pháp rất hy hữu kỳ đặc, không cùng chung với thế gian. Những gì là hai? 1. Thâu nhiếp tất cả chúng sanh đều làm quyến thuộc; 2. Đã thâu nhiếp làm quyến thuộc, không có lỗi nhiễm ô. Thâu nhiếp làm quyến thuộc đây, lỗi có hai dạng: đó là đối với quyến thuộc nhiều ích, có lỗi nhiễm ô thuận theo. Đối với quyến thuộc suy tổn, có lỗi nhiễm ô trái nghịch. Cả hai việc đây, Bồ-tát đều không gây tạo.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố, đối với các chúng sanh phát khởi hai chủng ý vui thiện lành thù thắng: 1. Ý vui lợi ích, vì muốn cứu giúp chúng sanh kia ra khỏi việc làm bất thiện, an đặt nơi việc làm thiện; 2. Ý vui an lạc, vì đối với chúng sanh bản cùng không nơi nương tựa, Bồ-tát là tâm nhiễm ô, muốn đem đến cho họ chủng chủng việc nhiều ích, đầy đủ an vui.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố có hai gia hạnh: 1. Gia hạnh ý vui, đó là ngày đêm tăng trưởng ý vui lợi ích và ý vui an lạc; 2. Gia hạnh chánh hạnh, đó là ngày đêm năng tự gia hạnh thành thực Phật pháp. Đối với chúng sanh, tùy



khả năng, tùy sức lực, nương theo điều đã thuyết trước, sanh khởi gia hạnh ý vui và gia hạnh làm lợi ích an lạc.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố có hai pháp môn thiện lớn tăng trưởng: 1. Gia hạnh tự lợi, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 2. Gia hạnh lợi tha, năng cứu thoát tất cả hữu tình ra khỏi các khổ. Như hai pháp môn thiện lớn tăng trưởng, thì hai chủng pháp tự thiện lớn và hai chủng pháp tạng vô lượng thiện lớn phải biết cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố, do phát tâm ban đầu cầu Bồ-đề, nên việc thâm nhiếp thiện pháp so với tất cả việc thâm nhiếp thiện pháp khác có hai chủng thù thắng hơn: 1. Nhân thù thắng hơn; 2. Quả thù thắng hơn. Vì sự thâm nhiếp thiện pháp của chư Bồ-tát đều là nhân năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Và sở chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề là quả của nhân kia vậy. Nếu so với việc thâm nhiếp thiện pháp của Thanh văn, Độc giác còn thù thắng hơn, huống chi so với thiện pháp khác mà tất cả hữu tình nhiếp. Cho nên thâm nhiếp thiện pháp của Bồ-tát sánh với tất cả việc

thâu nhiếp thiện pháp khác, nhân quả đều thắng vượt hơn.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố lược có hai chủng lợi ích thù thắng của việc phát tâm:

1. Đã sơ phát tâm Bồ-đề, tức là bậc *phước điền đáng tôn trọng* của chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều nên cúng dường, cũng làm cha mẹ của tất cả chúng sanh.

2. Đã sơ phát tâm, tức là năng nhiếp thọ *phước không nào hại*. Do chư Bồ-tát thành tựu phước không nào hại đây, nên được vô số Chuyển luân vương thủ hộ che chở. Hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc hôn mê... đều được sự che chở bảo vệ như vậy, nên tất cả yêu ma, dục-xoa, thần, người, phi nhân không thể nhiều hại.

Lại chư Bồ-tát đây chuyển sanh đời khác, được sự thu nhiếp giữ gìn của phước như vậy, nên ít bệnh, hoặc không bệnh, không thường bị các bệnh nặng xúc tổn đến thân. Đối với các việc làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, dùng thân ngữ dũng mãnh mà làm. Thường vì chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp, thân không mỏi mệt, không quên mất chánh niệm, tâm không bị lao tổn. Bồ-tát lúc bản tánh

trụ chủng tánh, tất cả tánh thô trọng tự mỏng yếu. Do đã phát tâm, nên sở hữu thô trọng của thân và tâm chuyển thành mỏng nhẹ. Nếu có các chúng sanh khác, vì muốn dứt trừ các tai họa tật dịch, sử dụng thần chú không có hiệu nghiệm, nhưng Bồ-tát sử dụng vẫn được linh nghiệm, huống là những thần chú hiệu nghiệm khác. Bồ-tát nhu hòa nhẫn nhục tăng thượng, nhẫn chịu người não hại mà không não hại lại người, thấy người não hại lẫn nhau sanh lòng thương xót. Các tùy phiền não như giận, ghét, dối... đều năng hàng phục, khiến thế lực phiền não kia trở nên mỏng nhẹ. Nếu chúng tạm thời hiện hành, cũng nhanh chóng trừ khiến. Tùy theo chỗ cư trú, đất nước, thành quách là nơi nhiều đấu tranh, khủng bố, đói khát, dịch bệnh hoành hành, phi nhân quấy nhiễu, nếu chưa phát khởi thì không dễ sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì dần dần trừ diệt.

Lại chư Bồ-tát sơ phát tâm đây, nếu có lúc sanh vào đường cực ác, ở trong địa ngục, phần nhiều ở cõi địa ngục đây nhanh chóng được giải thoát, lãnh thọ khổ chút ít mà sanh chán lìa sâu. Đối với hết thấy khổ mà chúng sanh đã lãnh thọ,

luôn khởi lòng đại bi.

Tất cả như vậy đều do phước của nhân nhiếp thọ không nào hại. Bồ-tát sơ phát tâm kiên cố vì năng nhiếp thọ phước không nào hại đây, nên lãnh thọ hết thấy sự thù thắng lợi ích như vậy.

### Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 3. TỰ LỢI - LỢI THA thứ 1

Như vậy đã thuyết sơ phát tâm của Bồ-tát. Sao gọi là *tu hành các hạnh Bồ-tát*? Nếu nói lược, hoặc nơi học, hoặc học như thế, hoặc năng tu học của Bồ-tát, tất cả như vậy nhiếp chung làm một, gọi là Bồ-tát hạnh.

Chư Bồ-tát tu học ở xứ nào? Đó là học ở bảy xứ. Những gì là bảy xứ? Ốt-Đà-Nam nói:

*Lợi mình, người, thật nghĩa*

*Uy lược, thực hữu tình*

*Tự thành thực Phật pháp*

*Bảy học xứ Bồ-đề.*

1. Xứ tự lợi; 2. Xứ lợi tha; 3. Xứ chân thật nghĩa; 4. Xứ uy lực; 5. Xứ thành thực hữu tình; 6. Xứ tự thành thực Phật pháp; 7. Xứ Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

1 và 2. **Xứ tự lợi, lợi tha:** Lược có 10 loại: **a.** Chỉ thuần tự lợi hoặc lợi tha; **b.** Cùng tự lợi, lợi tha; **c.** Chung loại lợi ích tự lợi, lợi tha; **d.** Chung loại an lạc tự lợi, lợi tha; **e.** Nhiếp nhân tự lợi, lợi tha; **f.** Nhiếp quả tự lợi, lợi tha; **g.** Đời này tự lợi, lợi tha; **h.** Đời khác tự lợi, lợi tha; **i.** Rốt ráo tự lợi, lợi tha; **j.** Không rốt ráo tự lợi, lợi tha.

**a.** và **b.** *Sao gọi là thuần tự lợi, lợi tha và cùng tự lợi, lợi tha của Bồ-tát?* Chư Bồ-tát ở nơi thuần lợi mình, hoặc thuần lợi người, nên biết phải đoạn những điều sai trái, vì trái vượt không thuận theo đạo Bồ-tát. Đối với điều đáng học khác, nên siêng tu học, vì không trái vượt, thuận theo đạo Bồ-tát.

Trong đây, Bồ-tát ở nơi thuần tự lợi phải đoạn trừ những việc: hoặc vì mình mà vui cầu tài vật để thọ dụng; đối với giáo pháp mà chư Phật, Bồ-tát đã dạy, tuy thưa hỏi thọ trì, nhưng xển tiếc pháp. Hoặc vì sanh thiên để thọ khoái lạc mà thọ trì

cấm giới, phát siêng tinh tấn tu tập định tuệ. Hoặc mong cầu quả báo thế gian nhiễm ô, vì tiền của vật thực thế gian mà cung kính cúng dường bảo tháp chư Phật. Hoặc tham lợi dưỡng, vì lợi dưỡng mà tự tuyên nói chửi chửi điều vô ích, không phải công đức chân thật, dối gạt người khác, ngỗ hầu chiêu tập lợi dưỡng. Hoặc tham muốn người làm tội tớ để sai khiến mà phi pháp nhiếp chúng. Không đúng như pháp, chỉ giả dối phương tiện cứu độ hữu tình, khiến thoát khỏi thân phận làm tội tớ cho người để trở lại làm tội tớ cho mình. Cứu vớt hữu tình khiến thoát khỏi sự trói buộc, rồi lại tự bắt giữ họ để hoàn thành việc của mình. Cứu vớt hữu tình khiến thoát khỏi các hình phạt đáng sợ, rồi lại nhiếp phục khiến sợ mình. Hoặc chư Bồ-tát đấm trước hiện pháp lạc trú các định, vất bỏ tư duy các việc làm lợi ích hữu tình. Nên biết hết thấy loại như thế gọi là thuần tự lợi. Bồ-tát nên biết phải đoạn trừ các việc làm thuần tự lợi như vậy.

Nếu chư Bồ-tát lấy tâm bi làm tiền dẫn, hoặc vì sanh cõi trời, hoặc vì hồi hương Vô thượng Bồ-đề, nên luôn tu tập bố thí, an nhẫn... Đây gọi là tự lợi cùng lợi tha. Lại trừ các tướng đã nói ở trước,

còn lại tất cả tướng trái với sở hữu hành tự lợi của chư Bồ-tát, nên biết đều gọi là tự lợi cùng lợi tha. Bồ-tát đối với hạnh đây nên siêng năng tu học.

Trong đây, Bồ-tát nên biết phải đoạn trừ các việc làm thuận lợi tha như dùng tà kiến để tu hành bố thí... và dùng chấp kiến cho là không nhân không quả, nên hủy phạm giới luật, xa lìa chánh hạnh vì người thuyết pháp.

Lại nếu chư Bồ-tát khéo léo hồi chuyển các tỉnh lự, đã vượt qua địa dưới, nhưng lại nhiếp thọ bạch pháp của địa dưới. Tức là chư Bồ-tát đã năng an trụ các tỉnh lự, nhưng do năng lực bi nguyện nên xả các tỉnh lự, tùy theo chỗ vui thích mà sanh trở lại Dục giới.

Lại chư Bồ-tát đã được tự tại tạo làm chủng chủng biến hóa ở mười phương thế giới, tạo làm vô số nghĩa lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Lại chư Mâu-Ni việc làm đã xong, chư Bồ-tát nương theo lực vô úy của Như Lai như vậy, sở hữu tất cả pháp Phật bất cộng, trải khắp mười phương năng làm vô lượng việc lợi ích lớn cho vô lượng chúng sanh. Những sự việc như vậy gọi là chỉ thuận lợi tha.

Như vậy đã thuyết hạnh thuần lợi tha. Trước cũng đã nói hai chủng mà Bồ-tát cần phải đoạn trừ, còn lại các hạnh thuần lợi tha khác đã thuyết cần phải tu học nhiều.

Trừ các tướng đã nói ở trước, còn lại tất cả tướng trái với hạnh lợi tha của chư Bồ-tát, nên biết đều gọi là lợi tha cùng tự lợi. Bồ-tát đối với hạnh đây nên siêng năng tu học.

*c. Sao gọi là chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Lược thuyết có năm chủng tướng: 1. Tướng không tội; 2. Tướng nhiếp thọ; 3. Tướng đời này; 4. Tướng đời khác; 5. Tướng tịch diệt.*

Hoặc chư Bồ-tát tự có khả năng nhiếp thọ thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp, hoặc ít hoặc nhiều. Trở lại khiến người cũng nhiếp thọ thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp, hoặc ít hoặc nhiều, bằng phương tiện khuyến bảo, điều phục, an trí, kiến lập. Đây gọi là tướng không tội của chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát năng dẫn hoặc mình hoặc người đến những niềm vui không nhiễm ô, hoặc niềm vui đầy đủ vật dụng, hoặc niềm vui an trú trong định. Đây gọi là tướng nhiếp thọ của chủng



loại lợi ích tự lợi, lợi tha của chư Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát tự lợi, lợi tha, hoặc năng dẫn lợi ích ở đời này, chẳng phải đời khác; hoặc năng dẫn lợi ích ở đời khác, chẳng phải đời này; hoặc đều dẫn lợi ích cả đời này và đời khác; hoặc không dẫn lợi ích cả đời này và đời khác. Bốn loại tự lợi, lợi tha như thế, tùy theo thứ tự tương ứng với bốn chủng pháp thọ.

Sao gọi là bốn chủng pháp thọ? 1. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ vui, đời vị lai thọ khổ dị thực; 2. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ vui dị thực; 3. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ vui, đời vị lai thọ vui dị thực; 4. Hoặc có pháp thọ, hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ khổ dị thực. Nếu muốn hiểu rộng bốn chủng đây, thì như trong kinh đã biện rõ. Đây gọi là tướng đời này, đời khác của chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát sở hữu Niết-bàn, cùng đắc Niết-bàn, phần pháp Niết-bàn thế gian, xuất thế gian. Đây gọi là lược nói tướng tịch diệt của chủng loại lợi ích tự lợi, lợi tha của Bồ-tát. Phải biết tướng đây so với những tướng khác là thù thắng hơn cả, không gì vượt trên.

**d.** Sao gọi là chủng loại an lạc tự lợi, lợi tha của Bồ-tát? Tóm lược nhiếp vào năm lạc. Sao gọi là năm lạc? 1. Lạc nhân; 2. Lạc thọ; 3. Lạc đối trị khổ; 4. Lạc đoạn trừ thọ; 5. Lạc không nào hại.

Lạc nhân: là cảnh giới các căn thuộc hai phẩm lạc, hoặc vì nhân đây xúc thuận thọ lạc, hoặc các nghiệp quả khả ái có trong hiện pháp, đương lai. Hết thấy như vậy nhiếp chung làm một, gọi là lạc nhân. Ngoài đây ra trọn không có hoặc thêm hoặc hơn.

Lạc thọ: tức là chờ đợi khổ dứt. Do ba nhân duyên nhiếp vào lạc nhân đã nói ở trước, năng nhiếp ích cho thân tâm thọ sanh, gọi là thọ lạc. Nói tóm lược lạc đây có hai chủng: 1. Hữu lậu; 2. Vô lậu. Lạc vô lậu: là lạc của bậc học và vô học. Lạc hữu lậu: là lạc hệ buộc trong ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Lại lạc hệ buộc ba cõi đây tùy chỗ thích hợp mà có sáu xứ riêng khác. Có sáu chủng, đó là nhân xúc sanh ra cho đến ý xúc sanh ra. Sáu chủng như vậy lại nhiếp làm hai: 1. Lạc thân; 2. Lạc tâm. Lạc tương ưng với năm thức gọi là lạc thân. Lạc tương ưng với ý thức gọi là lạc tâm.

Lạc đối trị khổ: do những việc như lạnh, nóng, đói, khát... sanh khởi, không phải một mà nhiều chủng chủng phẩm loại thọ khổ. Do năng đối trị dứt trừ lạnh nóng đói khát... nên lúc khổ được dứt trừ, như vậy sanh khởi cảm giác lạc. Đây gọi là lạc đối trị khổ.

Lạc đoạn trừ thọ: là diệt thọ tướng định.

Lạc không nào hại, lược có 4 chủng: 1. Lạc xuất ly: vì chánh tín nên lìa bỏ gia đình, hướng đến không gia đình, thoát khỏi chủng chủng phiền não khổ lớn bức bách giam cầm của gia đình, gọi là lạc xuất ly. 2. Lạc xa lìa: đoạn trừ các pháp dục ác bất thiện, chúng đắc Sơ tĩnh lự, ly sanh hỷ lạc, gọi là lạc xa lìa. 3. Lạc tịch tĩnh: từ Đệ nhị tĩnh lự trở lên, tâm tứ dừng dứt, gọi là lạc tịch tĩnh. 4. Lạc Tam-bồ-đề: rốt ráo xa lìa tất cả phiền não trói buộc, đối với sự sở tri thấy đều như thật hiểu biết, gọi là lạc Tam-bồ-đề.

Trong đây, *lạc nhân*, vì là nhân của lạc nên gọi là lạc, chẳng phải tự tánh.

*Lạc thọ*, vì là tự tánh của lạc nên gọi là lạc, chẳng phải là nhân của lạc.

*Lạc đối trị khổ*, vì dứt các thứ khổ, xua đuổi

các khổ, chẳng phải nhân lạc, chẳng phải tự tánh lạc.

*Lạc đoạn trừ thọ*, vì chẳng phải nhân lạc, vì chẳng phải tự tánh, cũng chẳng phải diệt dứt chủng chủng khổ mà gọi là lạc. Nhưng nương nơi thắng nghĩa “tất cả các sở hữu thọ đều là khổ”, lúc an trú ở Diệt định, vì thắng nghĩa khổ đây tạm thời tịch tĩnh, nên gọi là lạc.

*Lạc không nào hại*, lạc đây nhiếp vào lạc Tam-bồ-đề an đặt sau cùng, vì ở đời đương lai, thắng nghĩa khổ đây vĩnh viễn tịch diệt; ở trong hiện tại, tất cả phẩm phiền não thô trọng nương dựa sở y cũng vĩnh viễn tịch diệt, nên gọi là lạc.

Các sở hữu lạc không nào hại khác, đối với lạc Tam-bồ-đề sau cùng đây, vì năng thuận theo, vì là một phần của kia, vì kia năng dẫn phát, cho nên cũng gọi là lạc không nào hại.

Trong đây, Bồ-tát phải nhớ nghĩ sở hữu an lạc thuộc phẩm lợi ích đối với chúng sanh, trọn không được nhớ nghĩ sở hữu an lạc thuộc phẩm không lợi ích.

Bồ-tát sở hữu an lạc không lợi ích, dùng trí tuệ không điên đảo như thật liễu tri, khích lệ

chúng sanh khiến đều xa lìa. Tùy theo năng lực, dùng phương tiện mà tước đoạt những việc làm bất thiện của hữu tình kia.

Hoặc đối với việc có lợi ích mà khổ, chúng sanh đối với việc đây tuy không vui muốn, nhưng Bồ-tát nương phương tiện quyền xảo, cùng vào trong ưu khổ để dẫn dắt. Hoặc đối với việc không lợi ích mà vui, chúng sanh đối với việc đây tuy vui muốn, nhưng Bồ-tát nương phương tiện quyền xảo, cùng vào trong sự vui thích ấy, tìm cách tước đoạt đi. Vì có sao? Phải biết phương tiện quyền xảo như vậy, tức cùng ưu khổ đối với việc có lợi ích, tức cùng vui thích đối với việc không lợi ích, chỉ vì mục đích khiến chúng sanh kia về sau nhất định được an lạc. Cho nên, Bồ-tát đối với chúng sanh, nếu vui lợi ích, phải biết ý chính là vui an lạc; nếu cho lợi ích, phải biết ý chính là cho an lạc. Vì có sao? Lợi ích như nhân, an lạc như quả. Vì thế phải biết đối với các chúng sanh, nếu cho lợi ích tất cho an lạc. Nên biết lạc nhân, lạc đối trị khổ, lạc đoạn trừ thọ và lạc không nào hại nhiếp thuộc sở hữu quả nghiệp khả ái ở hiện pháp, đương lai. Bồ-tát đối với việc đây không nên dẫn đo cân nhắc, chỉ một hướng

trao cho chúng sanh, vì năng nhiều ích và không tội. Ở nơi lạc thọ và lạc nhân nhiếp thuộc xúc của căn trần, nếu năng sanh nhiễm ô, nếu tánh là nhiễm ô, có tội, không có ích, không hợp đạo lý, thì không nên trao cho chúng sanh; nếu không sanh nhiễm ô, nếu tánh không nhiễm ô, không tội, có ích lợi, hợp đạo lý, thì nên trao cho chúng sanh. Bồ-tát đối với việc đây, tùy năng lực của mình cũng phải thọ học tu hành như vậy.

Đây gọi là chủng loại lợi ích, an lạc tự lợi, lợi tha của Bồ-tát. Trừ những chủng loại đã nói trên, không còn có thêm hoặc có hơn chủng loại nào.

